

Số: 92/2023/CBTT-VLA

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Mã chứng khoán: VLA

Trụ sở: số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm giao dịch: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, Đường Hoàng Đạo Thúy, P.Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 02466555854

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thuận

Địa chỉ: Số nhà 1204, Tòa 17-T5 Đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 02466555854, ĐD: 0886222629

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang công bố thông tin liên quan đến phương án triển khai cổ phiếu ra công chúng như sau:

- 1, Nghị quyết HĐQT số 89/2023/NQ-HĐQTVLA ngày 15/08/2023 về việc Triển khai phân phối cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- 2, Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 90/2023/TB-VLA ngày 15/08/2023
- 3, Bản cáo bạch đã được UBCK phê duyệt

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/08/2023 tại đường dẫn vla.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hữu Thuận

Tài liệu đính kèm:

- NQ số 89/2023/NQ-HĐQTVLA ngày 15/08/2023
- Thông báo chào bán cp ra cc số 90/2023/TB-VLA ngày 15/08/2023
- Bản cáo bạch đã được UBCK phê duyệt

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

(V/v: triển khai phân phối cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 261/GCN-UBCK ngày 09/08/2022 ;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang theo nội dung như sau:

1. Tên chứng khoán: **Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**
2. Mã chứng khoán: **VLA**
3. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
4. Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phiếu**
5. Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: **1.997.998 cổ phiếu**
6. Ngày đăng ký cuối cùng: **31/08/2023**
7. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): **19.979.980.000 đồng (Mười chín tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)**
8. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
9. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
10. Tổ chức tư vấn đợt chào bán: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia;
11. Lý do và mục đích: Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
12. Nội dung cụ thể:
 - Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: **1.997.998 cổ phiếu**
 - Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phiếu**



- Tỷ lệ thực hiện: 1:1 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

Do phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên đợt phát hành không phát sinh cổ phiếu lẻ.

Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm và nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư phân phối cổ phiếu sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
 - Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 16/10/2023.
 - Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
 - Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 23/10/2023.
 - Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng.
- Địa điểm thực hiện:
 - Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua cổ phiếu tại Địa chỉ Giao dịch của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội) và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và những người có liên quan thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thành Tiến

THÔNG BÁO

Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 261/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/08/2023)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Tên viết tắt: VLA. SJC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024. 66555854 Số fax: N/A Website: <https://vla.vn/>
- Vốn điều lệ: 19.979.980.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: VLA
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Ba Đình - Số hiệu tài khoản: 10820705760018
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559)
- Sản phẩm/dịch vụ chính: cung cấp các khóa dạy nghề, đào tạo kỹ năng
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2022. Số tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 1.997.998 cổ phiếu, trong đó:
- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 1.997.998 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị vốn huy động: 19.979.980.000 đồng, trong đó:
- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 19.979.980.000 đồng;
- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
- Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1

7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
8. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 23/10/2023
 - Ngày đăng ký cuối cùng: 31/08/2023.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được mua 01 cổ phiếu mới).
 - Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 16/10/2023.
 - Thời gian đăng ký mua cổ phiếu: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 23/10/2023
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Cổ đông đã lưu ký chứng khoán: tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản.
 - Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: thực hiện chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Văn phòng giao dịch Công ty (theo Mục 13a) và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa (theo mục 11)
10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 13/09/2023 đến ngày 23/10/2023
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Số tài khoản: 0861101128003
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình
12. Các tổ chức liên quan:
 - Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
 - Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán TTP
13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:
 - a) Văn phòng Giao dịch Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
 - Địa chỉ: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: 024. 66555854 Website: <https://vla.vn/>
 - b) Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
 - Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
 - Điện thoại: 024 3944 5474 Fax: 024 3944 5475 Website: <https://nsi.vn/>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công
nghệ Văn Lang**



Nguyễn Hữu Thuận

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 26.1.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09... tháng 8... năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Trụ sở chính: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Địa điểm giao dịch: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 66555854

Email: contact@vla.vn

Website: <http://www.vla.vn>

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Nguyễn Hữu Thuận

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 024. 66555854 – 0886222629



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 1.997.998 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 19.979.980.000 đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 37425 888 Fax: 024. 37578 666

Website: <https://kiemtoanttp.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3944 5474 Fax: 024 3944 5475

Website: <https://nsi.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức tư vấn	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	11
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro quản trị công ty	13
7. Rủi ro khác	14
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	19
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	24
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	25
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	26
10. Hoạt động kinh doanh	27
11. Chính sách đối với người lao động	38
12. Chính sách cổ tức	40
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	40
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	40

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... 40
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 40

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... 41

1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... 41
2. Tình hình tài chính 42
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 48
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 49

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 51

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập..... 51
2. Thông tin về cổ đông lớn..... 51
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng 55

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 67

1. Loại cổ phiếu 67
2. Mệnh giá cổ phiếu 67
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán..... 67
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 67
5. Giá chào bán dự kiến..... 67
6. Phương pháp tính giá..... 67
7. Phương thức phân phối..... 68
8. Đăng ký mua cổ phiếu..... 68
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu..... 70
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu..... 71
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu..... 71
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 71
13. Hủy bỏ đợt chào bán..... 71
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 71

15. Các loại thuế có liên quan	72
16. Thông tin về các cam kết.....	72
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	73
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	73
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	73
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	75
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:.....	76
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	76
XIII. PHỤ LỤC	78

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Hà Diệu Ngọc	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Ông Trần Đình Dũng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 53/2022/UQ-TGD-NSI ngày 01/08/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 28.10/2022/HĐTVPH/NSI-VLA ngày 28/10/2022 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

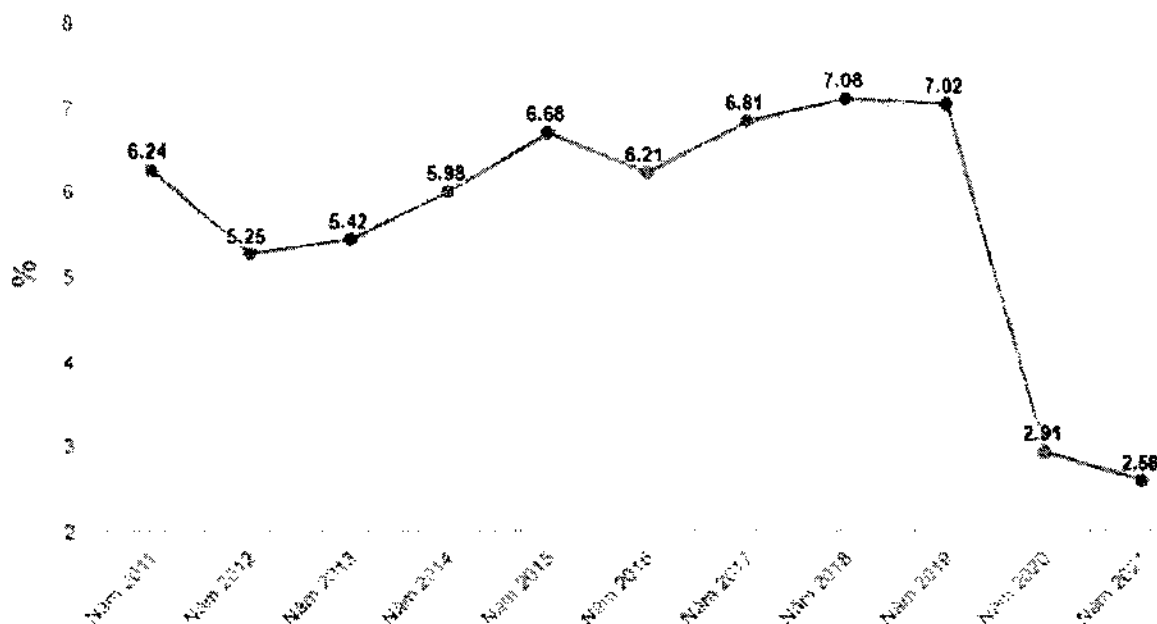
Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang nói riêng.

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, nền kinh tế Việt Nam đã chịu ảnh hưởng nặng nề khi tỷ lệ tăng trưởng GDP trong hai năm 2020, 2021 chỉ còn 2,91% và 2,58%. Ước tính GDP năm 2022 đạt 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011-2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, sản phẩm chính là các khóa đào tạo ngắn hạn chủ yếu tại thị trường trong nước. Trường hợp tốc độ tăng trưởng được duy trì ở mức cao và ổn định sẽ làm gia tăng nhu cầu của xã hội về sản phẩm của Công ty, qua đó giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty thuận lợi. Ngược lại, nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế sụt giảm sẽ khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

b. Lạm phát

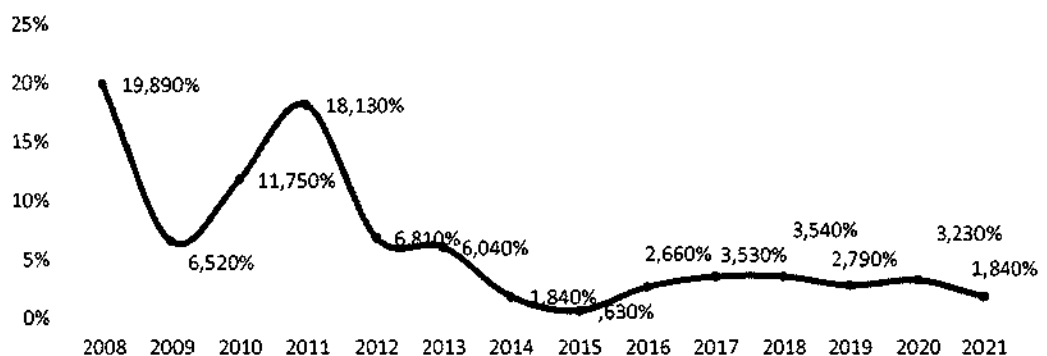
Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Từ năm 2017 đến năm 2021 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu.

Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, lạm phát toàn cầu tính đến Quý II/2022 là 7,8%, mức cao nhất kể từ năm 2008 (9,2%). Thực tế ở tất cả các quốc gia đặt mục tiêu lạm phát, các mục tiêu này đều vượt gần 90% các nền kinh tế đang phát triển và tất cả các nền kinh tế phát triển. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới vào giữa năm 2023, lạm phát toàn cầu sẽ giảm xuống 3%.

Trường hợp tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2021



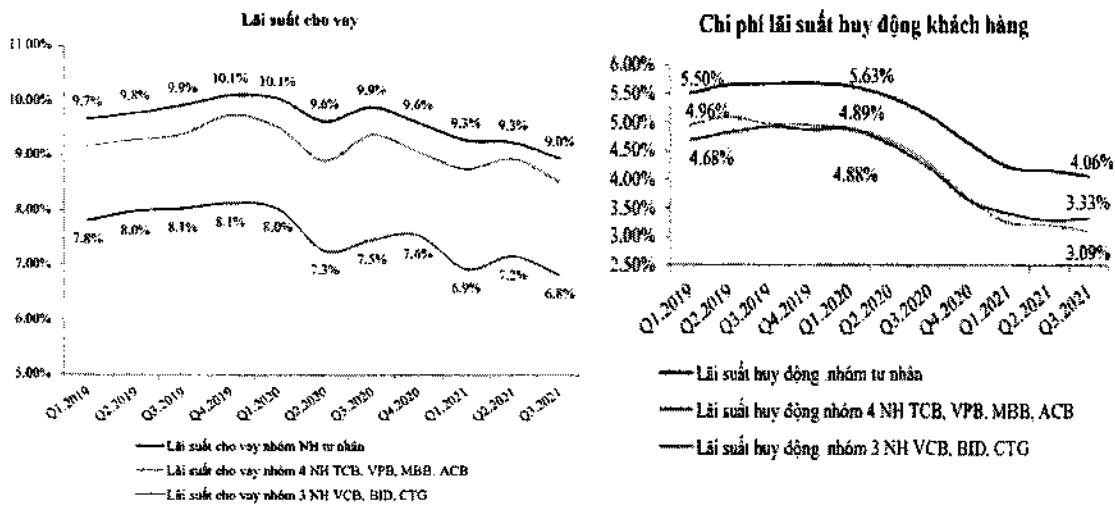
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

c. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, trước bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

Lãi suất cho vay, huy động giai đoạn 2019 – 2021



Nguồn: VCBS Research

Theo số liệu từ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 20/6/2022, và so với cuối năm 2021, tín dụng tăng 8,51% (so với mức 5,47% vào 2021), cung tiền M2 tăng 3,3% (so với 3,48% vào 2021) và huy động vốn tăng 3,97% (so với 3,13% vào 2021). Như vậy, chưa đầy 6 tháng đầu năm 2022, lượng tín dụng bơm mới vào thị trường đạt hơn 888 nghìn tỷ đồng, trong khi đó chỉ có 434 nghìn tỷ được huy động thêm từ dân cư và các tổ chức kinh tế. Điều này rõ ràng tạo áp lực đáng kể lên mặt bằng lãi suất huy động trong thời gian vừa qua.

Việc Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã 05 lần điều chỉnh tăng lãi suất mục tiêu lên mức 3-3,25%/năm và dự báo còn tiếp tục tăng trong các tháng cuối năm 2022 và năm 2023, làm đồng USD lên giá mạnh, gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỉ giá trong nước. Ngày 24/10/2022, NHNN đã ra quyết định tăng lãi suất điều hành thêm 1% đối với lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, trần lãi suất huy động dưới 6 tháng ... làm cho các Ngân hàng thương mại đồng loạt tăng lãi suất lên vượt 7,5%/năm - 9%/năm các kỳ hạn.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động

của lãi suất lên hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

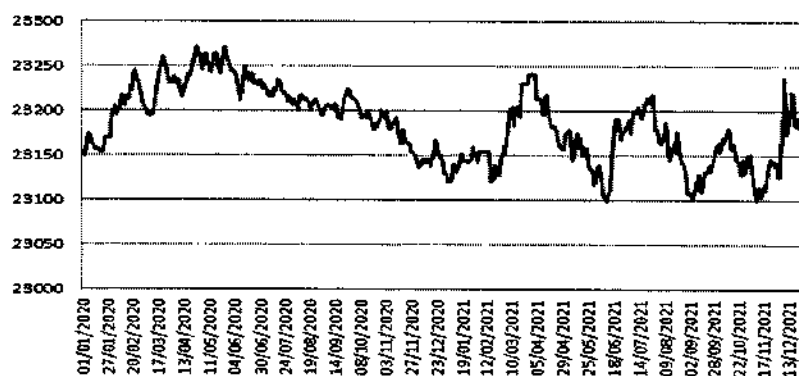
d. Tỷ giá

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Ngày 17/10/2022, NHNN đã thông báo quyết định điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức +/- 3% lên +/- 5%. Tiếp đó, giá bán USD giao ngay tại Sở giao dịch NHNN tăng lên 24.870 đồng chỉ sau một tuần, tính đến 24/10, tương đương mức tăng 7,4% so với cuối năm 2021. Đây là động thái điều chỉnh biên độ lần đầu tiên của NHNN sau gần 10 năm, cũng như là điều chỉnh giá bán tại Sở giao dịch NHNN lần thứ tư liên tiếp trong vòng một tháng, nhằm phù hợp với biến động mạnh và liên tục gia tăng của tỷ giá USD/VND khi đồng USD liên tục tăng giá trên thị trường thế giới.

Tỷ giá bán tại các ngân hàng thương mại (NHTM) đã được điều chỉnh tăng khá mạnh sau khi NHNN nới biên độ giao dịch. Tuy nhiên, áp lực vẫn chưa thể hạ “nhiệt” sớm và tỷ giá bán đồng USD tại các NHTM vẫn được niêm yết quanh mức trần giao dịch mới, tương đương với việc VND đã mất giá gần 8,6% so với cuối năm 2021. Đồng USD đang chiếm tỷ lệ thanh toán lớn trong hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đối với các đối tác nước ngoài. Do đó, nhóm các doanh nghiệp sử dụng các khoản vay nước ngoài để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ bị tác động mạnh nhất từ rủi ro tỷ giá.

Diễn biến tỷ giá trung tâm 2020-2021



Nguồn: Bloomberg

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí tài chính do hoạt động kinh doanh của Công ty sử dụng ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào. Hiện tại Công ty không có các khoản vay ngoại tệ, do đó chưa bị tác động bởi rủi ro này.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/ hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật kinh tế, Luật Đất đai, Luật Chứng khoán và các luật khác liên quan. Bất kỳ sự thay đổi và không kịp cập nhật của doanh nghiệp sẽ đem lại rủi ro về sai phạm.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. **Rủi ro đặc thù**

a. **Rủi ro về nguồn nhân lực**

Lĩnh vực hoạt động chính của VLA là kinh doanh, khai thác phần mềm và đào tạo, nên rủi ro lớn nhất đối với Công ty là nguồn nhân lực. Trong bối cảnh thị trường lao động đang thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao như hiện nay thì nguồn nhân lực dành cho ngành công nghệ thông tin, giáo dục đào tạo sẽ thiếu hụt và thường xuyên phải đối mặt với sự xáo trộn nhân sự cũng như chảy máu chất xám. Ý thức được việc này, Công ty luôn xây dựng và phát triển những chính sách nhân sự phù hợp (chính sách lương, thưởng...), hoạch định chiến lược tạo nguồn nhân lực, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo cơ hội thăng tiến... nhằm thu hút nhân tài, tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong Công ty.

b. **Rủi ro cạnh tranh**

Bên cạnh rủi ro về nhân sự, ngành kinh doanh phần mềm và đào tạo cũng phải đối mặt với sự thay đổi và cập nhật thường xuyên về công nghệ, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô nhỏ sẽ không có nhiều nguồn lực để đầu tư mới. Vì vậy, Công ty luôn có sự quan tâm và đầu tư xứng đáng cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ, kiểm soát và đo lường các yếu tố rủi ro, kiểm soát nội bộ, việc xây dựng chính sách và quy chế quản trị, thực hiện các nghiên cứu thăm dò thị trường... để có những dự báo chính xác và đảm bảo sự chủ động, linh hoạt và khoa học cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

4. **Rủi ro về đợt chào bán**

a. **Rủi ro về việc chào bán**

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Thị trường chứng khoán diễn biến giảm điểm trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình. Do đó, đợt chào bán cổ phiếu của Công

ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán.

Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng tốt của Công ty trong năm nay và trong những năm tới thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là tương đối lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, số lượng cổ phần còn dư do các cổ đông hiện hữu không mua hết hoặc từ chối quyền mua (nếu có), Hội đồng quản trị sẽ phân phối cho các nhà đầu tư khác.

b. Rủi ro đối với việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến khoảng 19,9 tỷ đồng sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích đầu tư thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây được đánh giá là triển vọng cho sự phát triển của VLA trong tương lai. VLA đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để nâng cao quy mô doanh thu, lợi nhuận, cải thiện hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt chào bán nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của Công ty để đón đầu cơ hội mới. Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan cùng phối hợp, nghiên cứu phương án khả thi của mỗi hạng mục đầu tư và giám sát để đảm bảo an toàn vốn. Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, Công ty tin tưởng sẽ sử dụng hiệu quả số tiền thu được từ đợt chào bán. Do đó rủi ro về mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là thấp.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phần Công ty dự kiến phát hành là 1.997.998 cổ phiếu, như vậy số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này bằng 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Do tăng lượng cổ phiếu lưu hành nên đợt phát hành tăng vốn có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share); (ii) điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu VLA trên sàn giao dịch (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu, mà nhà đầu tư cần lưu ý như sau.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Vì vậy nhà đầu tư cần có đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.2 Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu VLA

Cổ phiếu VLA đang niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc}	:	Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
PR_{t-1}	:	Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
P_{r1}	:	Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
I_1	:	Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CDHH

Giá sử giá cổ phiếu của VLA tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 30.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu của VLA sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{30.000 + 1:1 \times 10.000}{1 + 1:1} = 20.000 \text{ đồng /cổ phiếu}$$

Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty trong trường hợp giá tham chiếu của cổ phiếu cao hơn giá chào bán. Trường hợp giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá chào bán, rủi ro này không xảy ra.

5.3 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối không thực hiện quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp

thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, v.v cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, v.v. khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cũng như công tác giám sát từ Ủy ban Kiểm toán. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty/Tổ chức phát hành/VLA	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
CTCP	:	Công ty cổ phần
MTV	:	Một thành viên
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TGD	:	Tổng Giám đốc

Tổ chức tư vấn	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI)
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CP	:	Cổ phần
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
DTT	:	Doanh thu thuần
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
FED	:	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
BCTC	:	Báo cáo tài chính
GTGT	:	Giá trị gia tăng
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN LANG TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT-STOCK COMPANY
- Tên công ty viết tắt: V.L.A., JSC
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022
- Trụ sở chính: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn

Kiểm, Thành phố Hà Nội

- Địa điểm giao dịch: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 66555854
- Website: <https://vla.vn>
- Email: contact@vla.vn
- Vốn điều lệ: 19.979.980.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Tiến – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Thuận – Chức vụ: Giám đốc
- Mã cổ phiếu: VLA
- Sàn giao dịch: HNX
- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	1811	In ấn
2	1812	Dịch vụ liên quan đến in
3	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4	5820	Xuất bản phần mềm
5	6201	Lập trình máy vi tính
6	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
7	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
8	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
9	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
10	8559 (Chính)	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
11	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
12	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
13	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
14	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
15	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
16	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Stt	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
17	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
18	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
19	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
20	4632	Bán buôn thực phẩm
21	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
22	8532	Đào tạo trung cấp
23	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
24	6399	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
25	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
26	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
27	7310	Quảng cáo
28	7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
29	7710	Cho thuê xe có động cơ
30	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
31	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
32	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
33	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
34	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
36	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
37	4101	Xây dựng nhà để ở
38	4102	Xây dựng nhà không để ở
39	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
40	4229	Xây dựng công trình công ích khác
41	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
42	4311	Phá dỡ
43	4312	Chuẩn bị mặt bằng
44	4321	Lắp đặt hệ thống điện
45	4761	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được thành lập theo quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15/11/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007,

đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/01/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/11/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 19/01/2010

Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/08/2016, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 30/08/2018, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 18/03/2021, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/10/2021, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18/03/2022 và đăng ký thay đổi lần 10 ngày 11/07/2022.

Từ khi thành lập năm 2007, đến nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang đã thực hiện tăng vốn điều lệ một lần như sau: Ngày 30/11/2009, công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng.

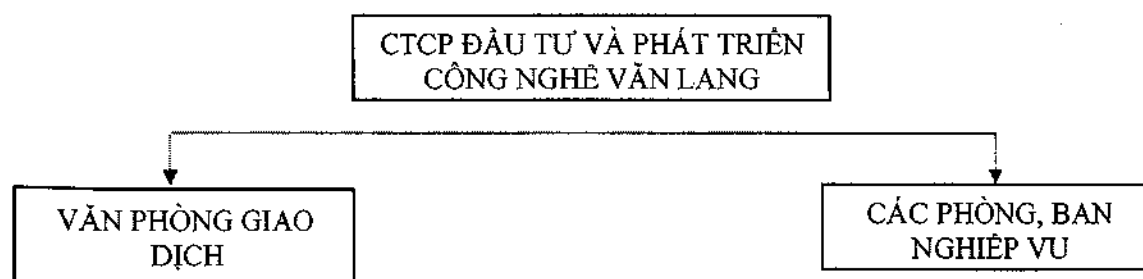
Ngày 19/07/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận số 64/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày 04/08/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

Tháng 07/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang thực hiện tăng vốn điều lệ lên 19.979.980.000 đồng thông qua hình thức Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang

✓ Trụ sở chính: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Giám đốc và các Phòng/ Ban nghiệp vụ.

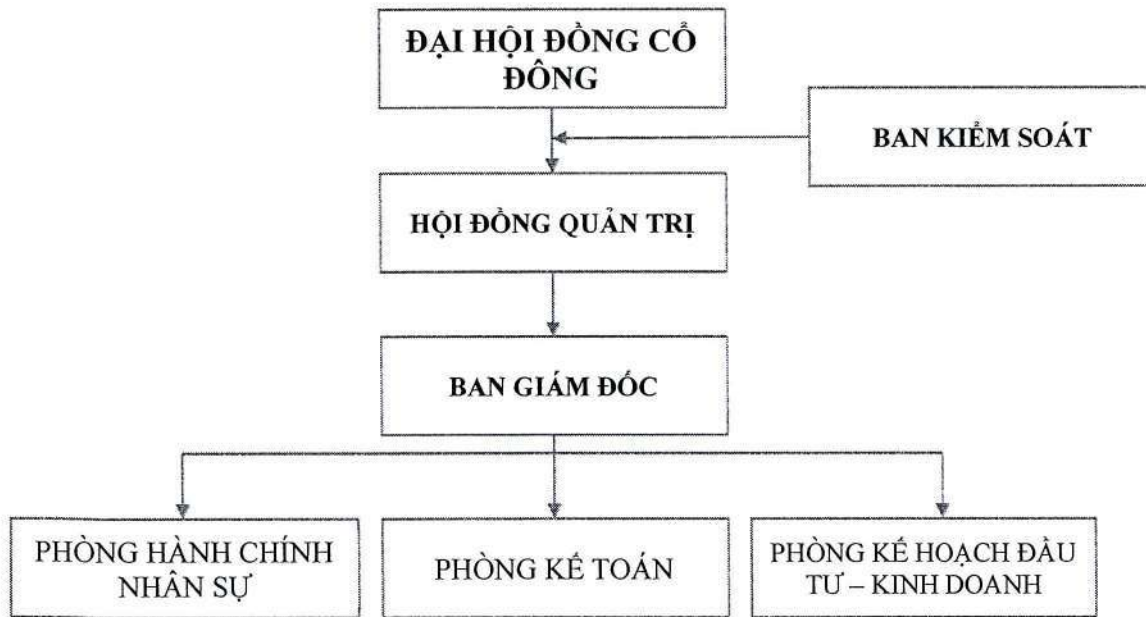
Văn phòng giao dịch Hà Nội

- ✓ Địa chỉ Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- ✓ Điện thoại: 024. 66555854

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

4.1. Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



4.2. Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội Đồng cổ đông là cơ quan bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm họp một lần.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Điều lệ;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các chức danh khác trong đương; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định trong điều lệ.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm

như sau:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ.
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết

luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
 - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
 - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

 - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - Tuyển dụng lao động;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bỏ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quản lý cấp cao của công ty, gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác, Luật sư của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

• **Chức năng và nhiệm vụ của các Phòng ban nghiệp vụ:**

Phòng Hành chính Nhân sự

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của công ty.
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc.
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Tổng Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty.
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGD và Người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

Phòng Kế toán

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty.
- Kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý chi phí của Công ty.
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

Phòng Kế hoạch Đầu tư – Kinh doanh

Phòng kế hoạch & vật tư là một bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý và xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh trong theo định hướng phát triển của Công ty.
- Công tác thống kê kế hoạch hoạt động kinh doanh, công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. *Danh sách Công ty mẹ của tổ chức phát hành:*

Không có.

b. *Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành:*

Không có.

c. *Danh sách Công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối*

Không có.

d. *Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành*

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
1	2007		3.000.000.000	Góp vốn thành lập Công ty	Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội (Giấy CN ĐKKD lần đầu ngày 07/11/2007)
2	2009	7.800.000.000	10.800.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 600.000.000 đồng Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 7.200.000.000	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/02/2009 Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội (Giấy CN ĐKKD thay đổi lần 2 năm 2009)

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Tổ chức chào bán:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

BẢN CÁO BẠCH

STT	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				đồng	
3	2022	9.179.980.000	19.979.980.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	1. UBCKNN 2. Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội (Giấy CN ĐKKD thay đổi lần 10 ngày 11/07/2022)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, VLA không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

Các đợt tăng vốn của Công ty từ khi trở thành công ty đại chúng đến nay đều được đăng ký phát hành, chào bán và báo cáo kết quả với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đúng theo quy định.

Ý kiến của Đơn vị kiểm toán: Không có

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

VLA không có các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/06/2023

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	133	1.933.393	96,8%
1	Tổ chức	3	181.100	9%
2	Cá nhân	130	1.752.293	88%
II	Cổ đông nước ngoài	7	64.605	3,2%
1	Tổ chức	1	54.900	0,5%
	Trong đó: Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2	Cá nhân	6	9.705	2,7%
	Cộng	140	1.997.998	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 05/06/2023 do VSD cung cấp)

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021:

1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;

d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;

đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty."

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022, VLA hiện đang có 03 mã ngành nghề (7320, 1811; 1812) nằm trong danh mục chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, theo điểm a Khoản 1 Điều 139 đã dẫn chiếu, VLA tự xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VLA hiện nay không quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông của Công ty không quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ

lệ xác định nêu trên.

- Năm 2022, VLA đã thực hiện Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0% theo quy định tại Khoản 3 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Ngày 31/10/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 7214/UBCK-PTTT xác nhận hồ sơ thông báo của công ty là hợp lệ.
- ⇒ Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tính đến thời điểm 05/06/2023 theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 05/06/2023: 3,2%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a) Sản phẩm và dịch vụ của Công ty

✦ Kinh doanh Phần mềm

Công ty đã tự phát triển phần mềm quản trị doanh nghiệp đa chức năng: kế toán doanh nghiệp, quản lý bán hàng, quản lý nhân sự, quản lý siêu thị, quản lý cổ đông, quản lý thư viện, trường học... đặc biệt là phần mềm chuyên ngành cho lĩnh vực xuất bản, in và phát hành. Hiện Công ty đang ký kết hợp đồng quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm với Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ VSOFTE và thu phí cố định hàng năm. Tuy nhiên do thiếu nhân sự công nghệ thông tin, Công ty chưa kịp thời cập nhật, nâng cấp các phần mềm và ứng dụng nên việc khai thác và mở rộng khách hàng gặp nhiều khó khăn.

✦ Kinh doanh Đào tạo

Từ Quý 4 năm 2021 Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo và đã thực hiện đào tạo thành công các khóa học: Kỹ năng Marketing online; Trí tuệ Đầu tư 4.0; 7 nguyên tắc đầu tư BDS; Bí quyết huy động vốn hiệu quả; Marketing Bất động sản; Trí tuệ doanh nghiệp; Bất động sản nào sống tốt trong đại dịch Covid...

Công ty tổ chức chương trình đào tạo online và đào tạo trực tiếp, trong đó phân nhóm thành các khóa đào tạo cơ bản (chương trình demo) và khóa đào tạo chuyên sâu (chuyên ngành bất động sản và doanh nghiệp, đầu tư bất động sản, môi giới bất động sản...). Các khóa học của Công ty đã thu hút hàng nghìn học viên tham dự.

Khóa học	Học phí	Số lượng học viên tham dự	
		Năm 2021	9 tháng năm 2022
Đào tạo cơ bản	990.000 đồng/học viên	30.000 người	8.000 người
Đào tạo chuyên sâu	35 - 150 triệu đồng/1 chương trình học kéo dài 2 năm	710 người	900 người

- Toàn bộ các tài liệu phục vụ cho chương trình đào tạo được biên soạn và thiết kế riêng bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo là ông Đặng Trọng Khang và ông Nguyễn Thành Tiến, cùng các giáo viên thỉnh giảng là các chuyên gia kinh tế, chủ doanh nghiệp.



b) **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Cơ cấu doanh thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty giai đoạn 2021-6T/2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		6T/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Doanh thu bán thành phẩm (phần mềm)	1.908	13,20%	420	1,29%	48	0,54%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì phần mềm)	12.538	86,74%	32.058	98,71%	8.841	99,46%
3	Doanh thu hoạt động khác	9	0,06%	0	0	0	0
Tổng cộng		14.454	100,00%	32.478	100,00%	8.889	100,00%

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

c) **Cơ cấu chi phí của Công ty**

Cơ cấu chi phí của Công ty theo BCTC công ty giai đoạn 2021-2022

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi phí theo yếu tố	Năm 2021		Năm 2022		6T/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	3.406	24%	11.502	35%	2.834	32%
2	Chi phí tài chính	3	0%	4.157	13%	(1)	-
3	Chi phí bán hàng	157	1%	8.183	25%	4.663	52%
4	Chi phí QLDN	4.654	32%	4.153	13%	1.233	14%
Tổng cộng		8.220	57%	16.493	51%	8.729	98%

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

Do hoạt động đem lại doanh thu chủ yếu là lĩnh vực đào tạo, nên các chi phí chính của Công ty là chi cho hoạt động đào tạo, trong đó, có chi phí giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí. Chi phí giá vốn chủ yếu là chi phí thuê chuyên gia, giảng viên về đào tạo, thuê địa điểm tổ chức chương trình đào tạo, chi phí hội thảo, hội nghị... Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí quảng cáo trực tuyến, trên các kênh online như Facebook (Meta), Youtube (Google), Keap.com, Manychat.com, Zoom, Tiktok...

d) Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2021 - 6T/2023 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2021		Năm 2022		6T/2023	
	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG
Lợi nhuận bán thành phẩm	360	3,26%	68	0,32%	19	0,31%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì phần mềm)	10.680	96,66%	20.908	99,68%	6.037	99,69%
Lợi nhuận hoạt động khác	9	0,08%	0	0,00%	0	0
Tổng cộng	11.049	100,00%	20.976	100,00%	2.056	100,00%

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

e) Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn liên tục quanh năm và không có tính thời vụ.

10.2. Tài sản

Tài sản cố định của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/06/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	753	0	753	0	753	0
1	Máy móc thiết bị	753	0	753	0	753	0
II	Tài sản cố định vô hình	5.977	5.753	989	841	989	816
1	Phần mềm quản lý	5.977	5.753	989	841	989	816

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện tại, VLA có phạm vi hoạt động trong nước, do đó doanh thu, lợi nhuận trong nước chiếm 100%, doanh thu lợi nhuận tại nước ngoài chiếm 0%.

Đặc thù hoạt động của VLA là kinh doanh đào tạo và xây dựng phần mềm, hoạt động chủ yếu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.

a) Tình hình đầu tư

Với hoạt động chính là đào tạo, trong năm 2021 - 2022, Công ty đã mở các lớp đào tạo kỹ năng như: Khóa học Marketing Online; Lớp Business Master Bootcamp; Lớp Chứng khoán nhân quả; Khóa đầu tư 2022 (CKB); Khóa Siêu sao môi giới Bất động sản 202; Chiến lược đầu tư Bất Động Sản Đã mang lại giá trị cao cho học viên, và nguồn doanh thu cho Công ty.

Cuối năm 2022 – đầu năm 2023, Công ty dần nghiên cứu và chuyển hướng thêm sang kinh doanh bất động sản, vốn là thị trường sôi động trong những năm qua tại Việt Nam nhằm tối đa hóa doanh thu mang lại cho Công ty và cổ đông. Cuối tháng 12/2022, VLA đã đầu tư mua đất và tài sản gắn liền trên đất là 1 khách sạn tại Thành phố Quảng Ninh với mục đích đầu tư kinh doanh. Công ty kỳ vọng với bước đi mới trong việc đầu tư, VLA sẽ gia tăng giá trị hình ảnh Công ty trên thị trường.

b) Hiệu quả đầu tư

Việc đầu tư kinh doanh bất động sản của VLA được thực hiện tháng 12/2022, đến nay, Công ty chưa có đánh giá cụ thể nào về hiệu quả đầu tư mang lại.

c) Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hiện nay, các mảng hoạt động của Công ty đều được duy trì ổn định. Hiệu quả kinh doanh của các khóa đào tạo là ngành nghề chính của VLA được duy trì ổn định và tạo tâm lý tin tưởng cho các

học viên. Ban lãnh đạo Công ty cố gắng kiểm soát các yếu tố thách thức từ môi trường bên ngoài, nền kinh tế vĩ mô, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn trong giai đoạn 2021 – 2022

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
	Hợp đồng mua hàng						
1	Công ty TNHH trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK	Phí dịch vụ vận hành đào tạo	Phí dịch vụ vận hành hàng tháng theo doanh thu	01/2021	742	01/2021	Bên liên quan của người nội bộ
2	Đặng Trọng Khang	Sử dụng tác phẩm	Tài liệu, giáo trình dạy học	01/2021	520	01/2021	Cổ đông lớn
3	Công ty TNHH trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK	Phí dịch vụ vận hành đào tạo	Phí dịch vụ vận hành hàng tháng theo doanh thu	01/2021	2.169	2022	Bên liên quan của người nội bộ
4	Đặng Trọng Khang	Sử dụng tác phẩm	Tài liệu, giáo trình dạy học	01/2021	1.251	2022	Cổ đông lớn
	Hợp đồng bán hàng						
1	Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Cập nhật phần mềm	Phần mềm kế toán, phát hành, quản lý, sản xuất giá thành, nhân sự, tiền lương, vật tư bằng mã vạch	02/2020	312	02/2020	Không
2	Công ty CP phát hành sách giáo dục	Cập nhật phần mềm	Phần mềm kế toán, phát hành, quản lý, sản xuất giá thành	02/2020	300	02/2020	Không

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
3	Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cập nhật phần mềm	Phần mềm kế toán, phát hành, quản lý, sản xuất giá thành	09/2021	312	09/2021	Không
4	Công ty CP đầu tư và phát triển GD Phương Nam	Cập nhật phần mềm	Phần mềm kế toán, phát hành, quản lý, sản xuất giá thành	09/2021	172	09/2021	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

Các điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng: Không có

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
I	Năm 2021				
I.1	Khách hàng				
1	Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	432.000.000	2021	Phần mềm quản lý	Không
2	Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	312.000.000	2021	Phần mềm quản lý	Không
3	Công ty CP phát hành sách giáo dục	228.000.000	2021	Phần mềm quản lý	Không
I.2	Nhà cung cấp				

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
1	Công ty TNHH trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK	742.061.160	2021	Phí dịch vụ vận hành hàng tháng theo doanh thu	Bên liên quan của người nội bộ
2	Đặng Trọng Khang	520.584.000	2021	Tài liệu, giáo trình dạy học	Cổ đông lớn
3	Công ty TNHH trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK	2.169.411.400	2021	Phí dịch vụ vận hành hàng tháng theo doanh thu	Bên liên quan của người nội bộ
4	Đặng Trọng Khang	1.251.312.000	2021	Tài liệu, giáo trình dạy học	Cổ đông lớn
II	Năm 2022				
II.1	Khách hàng				
1	Trần Văn Huy	398.000.000	2022	Dịch vụ đào tạo	Không
2	Phạm Trường Giang	269.000.000	2022	Dịch vụ đào tạo	Không
3	Công ty TNHH Địa Ốc Kim Đạt Thành	250.000.000	2022	Dịch vụ đào tạo	Không
4	Công ty cổ phần phát triển công nghệ VSOFIT	250.000.000	2022	Dịch vụ đào tạo	Không
II.2	Nhà cung cấp				
1	Trần Văn Thăng	18.000.000.000	2022	Mua tài sản	Cổ đông nhỏ chiếm 0.02% cổ phần
2	GOOGLE ASIA PACIFIC PTE., LTD	3.706.150.517	2022	Phí quảng cáo, marketing	Không
3	Meta Platforms Ireland Limited	3.706.150.517	2022	Phí quảng cáo, marketing	Không

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
4	Công ty TNHH trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK	2.785.293.798	2022	Phí dịch vụ vận hành hàng tháng theo doanh thu	Bên liên quan của người nội bộ
5	Đặng Trọng Khang	1.952.190.000	2022	Tài liệu, giáo trình dạy học	Cổ đông lớn
6	Nguyễn Thành Tiến	1.505.315.839	2022	Tài liệu, giáo trình dạy học	Chủ tịch HĐQT
III	Năm 2023				
II.1	Khách hàng				
1	Bùi Văn Quyết	2.800.000.000	2023	Dịch vụ tư vấn	Không
II.2	Nhà cung cấp				
1	Nhà khách Tổng liên đoàn	188.920.000	2023	Phòng học	Không
2	Nhà khách La Thành	158.370.000	2023	Phòng học	Không
3	Công ty cổ phần ASIANA Việt Nam	129.360.000	2023	Phòng học	Không
4	Khách sạn Đệ Nhất	127.500.000	2023	Phòng học	Không
5	Chi nhánh Công ty cổ phần TMDV món ăn ngon -- Trung tâm hội nghị tiệc cưới Queen Plaza Tân Bình	115.731.000	2023	Phòng học	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Tốc độ phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành nói chung và ngành giáo dục nói riêng. Khi nền kinh tế có được sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục và dân trí sẽ gia tăng, điều này thúc đẩy sự tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này. Vì vậy, ngành giáo dục đang là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian tới.

Tháng 12/2020, sau khi Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thoái hoàn toàn vốn khỏi VLA, các cổ đông của Công ty đã định hướng cho VLA hướng đi về việc phát triển các hoạt động cung cấp khóa học, khóa đào tạo như đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng, các khóa chia sẻ về đầu tư. Tới năm 2022, Công ty có thêm định hướng phát triển việc kinh doanh bất động sản.

Mặc dù mới bắt đầu dịch chuyển ngành nghề kinh doanh chính trong thời gian 2 năm, từ năm 2021, đến nay, các khóa đào tạo của VLA đã thu hút được rất nhiều học viên tham gia, đồng thời mang lại giá trị thực sự cho các học viên. Là một doanh nghiệp nhỏ trong ngành, VLA hiện chưa có các báo cáo hay số liệu để so sánh với các công ty khác cùng ngành nghề.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Cùng với nhu cầu phát triển chung của thế giới và của Việt Nam, nhu cầu về hoàn thiện kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng nâng cao kiến thức cho bản thân để có cơ hội việc làm tốt hơn và có thu nhập ổn định, tính độc lập trong công việc cao.... Những người dân đang trong độ tuổi lao động nói chung và giới trẻ thời 4.0 ngày càng mong muốn được có cơ hội học hỏi kinh nghiệm thực tế trong mọi lĩnh vực dưới các hình thức khác nhau.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển theo hướng hiện đại hóa, trong giai đoạn 2014-2017 trung bình mỗi năm có khoảng một triệu lao động Việt Nam chuyển từ ngành nông nghiệp sang lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp. Xu hướng đô thị hóa sẽ tiếp tục lan rộng với tốc độ chóng mặt, phát triển giáo dục quốc gia vì vậy trở thành ưu tiên hàng đầu để nâng cao kỹ năng lực lượng lao động và tăng năng suất làm việc. Đây cũng là tiềm năng lớn cho các công ty có mảng đào tạo cho các khóa học kỹ năng và thực hành nghề. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, các chương trình đào tạo hiện nay không còn bị giới hạn trong khuôn khổ lớp học trực tiếp, nhưng có thể triển khai theo hình thức trực tuyến (online) hoặc kết hợp trực tiếp và online. Các bài kiểm tra và thi cuối khóa cũng được phát triển theo hướng thực tế, và có độ bảo mật cao để tránh gian lận.

Bên cạnh những tiềm năng lớn, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo cũng gặp phải thách thức lớn từ cạnh tranh, do rào cản gia nhập ngành thấp. Chương trình đào tạo thực tiễn, phù hợp nhu cầu, và uy tín của người dạy có thể coi là một trong những chìa khóa thành công của doanh nghiệp hoạt động trong ngành.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trên cơ sở xu hướng phát triển cho mô hình đào tạo tại Việt Nam, Công ty định hướng chiến lược phát triển từ năm 2022 đến năm 2025 như sau:

Các lĩnh vực kinh doanh chính trong các năm tới của Công ty là:

- Tiếp tục xây dựng và phát triển các dịch vụ CNTT – cập nhật phần mềm cũ cho các khách hàng sử dụng phần mềm cũ của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các khóa đào tạo theo định hướng mới của VLA, tập trung vào những khóa học mang lại giá trị cao và thiết thực cho người học.
- Nghiên cứu và lựa chọn lĩnh vực phù hợp trong kinh doanh bất động sản để đầu tư và phát triển.
- Tăng cường năng lực cốt lõi của Công ty như nguồn nhân lực, quy trình quản lý chất lượng, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Định hướng phát triển của VLA hướng tới các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập trung vào một số kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng đầu tư ... với mục tiêu mang lại những khóa học thực tế, có giá trị cho học viên. Công ty cho rằng, tại thời điểm hiện nay, định hướng đào tạo như vậy của Công ty là hợp lý với sự phát triển chung của ngành.

10.8. Hoạt động Marketing

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng xây dựng, củng cố. Cụ thể trong thời gian qua, Công ty đã có các hoạt động sau:

- Công ty đã gửi danh mục và giới thiệu về các dịch vụ về nâng cấp phần mềm, thiết bị máy tính tới các khách hàng trên toàn quốc.
- Mở và thực hiện chương trình marketing cho các khóa đào tạo của Công ty.
- Tham dự các hội thảo về công nghệ thông tin, các hội thảo nghiệp vụ chuyên đề nhằm quảng bá về Công ty và các sản phẩm của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty còn lập một website riêng www.vla.vn nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh Công ty tới khách hàng nhanh hơn, thuận tiện hơn.

Thông qua các hoạt động Marketing, Công ty đã và đang nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu, mở rộng mạng lưới đại lý cung ứng sản phẩm đến tận các địa phương trong cả nước. Nhờ đó, Công ty có thể phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu của các doanh nghiệp trong ngành giáo dục nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của Công ty:



Công ty đang trong quá trình thực hiện đăng ký nhận diện thương hiệu đối với logo của Công ty.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty đang thực hiện việc nghiên cứu đề xuất với lãnh đạo hướng phát triển, đa dạng hóa ngành nghề. Hiện tại Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát triển các khóa đào tạo có tỷ lệ thành công cao và số lượng học viên quan tâm lớn. Ngoài ra, Công ty cũng nghiên cứu phát triển các nội dung đào tạo mới, bắt kịp xu hướng thị trường, đồng thời nghiên cứu các cơ hội đầu tư kinh doanh bất động sản, kết hợp giữa học tập đào tạo và thực hành cho học viên của VLA.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ Lĩnh vực phần mềm:

- Duy trì hợp đồng Quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm với công ty Công ty CP Phát triển Công nghệ VSOFT.
- Tăng cường đơn đốc thu tiền đúng thời hạn đối hợp đồng với Công ty CP Phát triển Công nghệ VSOFT.
- Tăng cường thù hồi công nợ tồn đọng khai thác và bảo trì phần mềm từ các năm trước.

❖ Lĩnh vực hoạt động đào tạo.

- Tiếp tục mở rộng các khóa đào tạo: Chiến lược đầu tư Bất động sản (CKB); Khóa học NIK UNI K02; Dạy con làm giàu, đánh thức năng lực vô hạn, Business Master Bootcamp; Trí tuệ đầu tư 4.0; Khóa học huy động vốn; Trí tuệ doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh đào tạo, cập nhật và nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu công việc.

❖ Công tác đầu tư

- Nghiên cứu xu thế phát triển về kinh tế, xã hội trong nước và ngoài nước để định hướng mở rộng kinh doanh đa ngành nghề theo hình thức đầu tư, góp vốn, hoặc kinh doanh trực tiếp...
- Năm 2022: Ngoài việc duy trì công tác đào tạo, Công ty tập trung mạnh vào công tác đầu tư kinh doanh bất động sản, thị trường chứng khoán và các dịch vụ khác để tăng doanh thu đảm bảo đời sống việc làm thu nhập cho CBCNV và lãi cổ tức của các cổ đông.

❖ Một số công tác khác:

- Tiếp tục phát huy các thế mạnh của Công ty, củng cố tổ chức nhân sự, nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả lao động, cụ thể, thực hiện nghiêm túc giờ giấc, thời gian làm việc, tiết kiệm các chi phí quản lý, tham mưu đúng, kịp thời, phù hợp với tình hình chung.
- Năm 2022, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành Văn phòng điện tử để điều hành sản xuất kinh doanh, trao đổi quản lý lưu trữ thông tin nội bộ được tốt và đúng quy định.
- Phối hợp với các tổ chức Đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, để tuyên truyền giáo dục CBCNV chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng nhà nước, Nội quy quy chế của Công

ty đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tiêu chí	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022
I	Theo trình độ lao động		8	18
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	8	18
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	0	0
II	Theo tính chất hợp đồng lao động		8	18
1	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	Người	0	1
2	Lao động không xác định thời hạn	Người	8	17
3	Lao động trong thời gian thử việc	Người	0	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

11.2. Chính sách với người lao động

- Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 05 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ 7 và Chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm hoàn thành công việc theo yêu cầu và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh, đảm bảo an toàn lao động và phòng chống dịch.

- Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, giới tính, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động

có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

Các thông tin tuyển dụng của công ty được đăng tải công khai, minh bạch trên trang web chính thức của công ty.

- Chính sách đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, công ty đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn. Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên tổ chức những chuyến tham quan cho đội ngũ lao động của mình để tìm hiểu các mô hình kỹ thuật ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng để họ làm quen và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn Công ty.

- Chính sách lương thưởng

Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp Lễ, Tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em CBCNV; Tặng quà cho người lao động trong các dịp Lễ, Tết, Sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

Chính sách trả lương trong thời kỳ dịch bệnh với mức hỗ trợ tối đa cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho toàn bộ CBCNV của Công ty

- Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

- Chế độ bảo hiểm sức khỏe
Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước, CBCNV của công ty khi ký hợp đồng lao động chính thức từ 1 năm trở lên.
- Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:
Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHCĐ thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành xong các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Cổ tức Công ty giai đoạn 2021-2022.

	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ cổ tức	5%	0%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Không chia

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 2 năm gần nhất (2021-2022), Công ty không thực hiện chào bán thêm cổ phiếu thu tiền về để tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Ngày 29/12/2022, Công ty đã ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ689193, cụ thể:

- Địa chỉ đất: Tổ 103, khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Diện tích đất: 200 m²
- Hiện trạng đất: hiện VLA đang thực hiện các thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết VLA không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích theo nội dung Công văn số 134/2022/CV-VLA ngày 03/10/2022.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty giai đoạn 2021-6T/2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	6T/2023
- Tổng giá trị tài sản	25.260.223.188	26.214.270.994	3,78%	25.518.076.940
- Doanh thu thuần	14.454.237.799	32.478.571.750	124,70%	8.889.897.832
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.035.083.217	8.791.232.647	24,96%	6.055.854.851
- Lợi nhuận khác	(30.362.407)	(4.197.075.616)	-	14.451.339
- Lợi nhuận trước thuế	7.004.720.810	4.594.157.031	(34,41%)	203.257.559
- Lợi nhuận sau thuế	5.667.821.303	3.639.206.804	(35,79%)	151.099.087
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9,53%	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	5%	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a) Thuận lợi

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành trẻ trung, năng động dám nghĩ dám làm đã mạnh dạn thay đổi cơ cấu hoạt động kinh doanh là phát triển lĩnh vực đào tạo theo thể mạnh của cá nhân, tập thể Công ty Văn Lang, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế thị trường và công nghệ 4.0.
- Ban điều hành, CBCNV đoàn kết một lòng, chấp hành và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ,

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

các quy chế quy định trong quản lý điều hành kinh doanh, tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị năm 2022 đã đề ra.

- Đội ngũ CBCNV của Công ty có nhiều kinh nghiệm, chăm chỉ, nhiệt tình, trách nhiệm và sáng tạo trong công việc, luôn chung sức khắc phục khó khăn, tìm hiểu học hỏi chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới, đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Khó khăn

- Năm 2020 và năm 2021 dịch bệnh kéo dài trong nước và trên thế giới, ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế đất nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong đó Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Lĩnh vực CNTT bị cạnh tranh mạnh, quy mô Công ty còn nhỏ, dẫn đến khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ được những cán bộ có trình độ làm việc lâu dài tại Công ty.
- Các sản phẩm phần mềm của VLA đã được xây dựng và phát triển hơn 10 năm, hiện nay đã đến chu kỳ cần nâng cấp và phát triển mở rộng trên các nền tảng hệ điều hành khác.
- Khách hàng của VLA rất đặc thù (ngành sách, in ấn, xuất bản) nên khó mở rộng thị trường.
- Việc thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh cũng gặp không ít khó khăn trong việc quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường và tạo niềm tin cho khách hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Vốn điều lệ	10.800.000.000	19.979.980.000	19.979.980.000

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

Vốn điều lệ thực góp của Công ty là 19.979.980.000 đồng. Trong quá trình hoạt động kể từ khi hoạt động đến nay, Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn như đã trình bày tại Mục IV.6 Bản cáo bạch.

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty bao gồm:

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty

Đơn vị: đồng

Tổ chức chào bán:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

BẢN CÁO BẠCH

Vốn kinh doanh	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
NỢ PHẢI TRẢ	4.529.199.666	2.497.397.094	1.722.888.089
Nợ ngắn hạn	4.529.199.666	2.497.397.094	1.722.888.089
Nợ dài hạn	0	0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	20.731.023.522	23.716.873.900	23.795.188.851
TỔNG NGUỒN VỐN	25.260.223.188	26.214.270.994	25.518.076.940

(Nguồn: BCTC năm 2021-2022 được kiểm toán, BCTC 6 tháng đã được soát xét của Công ty)

Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính công ty

(Đơn vị: đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.699.931.706	7.306.814.864	6.635.363.640
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.090.840	2.669.700.282	2.872.223.211
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.824.220.000	2.745.596	404.041.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.500.178.281	4.410.584.583	2.965.376.211
Hàng tồn kho	0	34.000.000	390.389.278
Tài sản ngắn hạn khác	81.442.585	189.784.403	3.333.340
TÀI SẢN DÀI HẠN	8.560.291.482	18.907.456.130	18.882.713.300
Các khoản phải thu dài hạn	58.400.000	58.400.000	58.400.000
Tài sản cố định	5.753.065.002	841.256.130	816.513.300
Tài sản dở dang dài hạn	2.741.090.000	18.007.800.000	18.007.800.000
Tài sản dài hạn khác	7.736.480	-	-
TỔNG TÀI SẢN	25.260.223.188	26.214.270.994	25.518.076.940

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC 6T/2023 đã được soát xét của Công ty)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

(Nguồn: BCTC năm 2022 được kiểm toán)

Trong 02 năm gần đây và cho đến thời điểm hiện tại Công ty không thay đổi phương pháp tính khấu hao.

e) Mức lương bình quân

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, v.v. căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Mức lương bình quân của người lao động công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Mức lương bình quân	Đồng/người/tháng	26 triệu	11 triệu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

So với mức lương cơ bản theo quy định của doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là khá tốt. Năm 2022, Công ty đầu tư vào các hoạt động đào tạo nên tuyển dụng thêm nhân sự và chấp nhận các nhân sự mới tốt nghiệp và chưa có kinh nghiệm, do đó mức lương bình quân giảm hơn so với năm 2021, tuy nhiên các nhân sự chủ chốt không bị giảm lương.

d) Tình hình công nợ

❖ **Tình hình các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của Công ty theo báo cáo tài chính công ty

(Đơn vị: đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.500.178.281	4.410.584.583	2.965.376.211
Phải thu của khách hàng	940.714.600	586.893.200	336.893.200
Trả trước cho người bán	30.000.000	65.921.088	50.000.000

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Tổ chức chào bán:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

BẢN CÁO BẠCH

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	2.000.000.000	0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.652.363.681	1.926.270.295	2.775.183.011
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(122.900.000)	(168.500.000)	(196.700.000)
Các khoản phải thu dài hạn	58.400.000	58.400.000	58.400.000
Phải thu dài hạn khác	58.400.000	58.400.000	58.400.000
Tổng cộng	4.558.578.281	4.468.984.583	3.023.776.221

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC 6T/2023 đã được soát xét của Công ty

❖ Các khoản nợ phải thu quá hạn:

Các khoản phải thu quá hạn theo báo cáo tài chính công ty tại 31/12/2021 – nay

Đơn vị: đồng

STT	Đối tượng	Giá gốc	Giá trị đã trích lập dự phòng (*)	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn nợ
1	Công ty CP Sách và thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	6.000.000	0	Trên 3 năm (từ năm 2018)
2	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn la	33.000.000	9.900.000	23.100.000	Trên 3 năm (từ năm 2018)
3	Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	16.500.000	16.500.000	Dưới 3 năm (từ năm 2020)
4	Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng lợi	12.000.000	12.000.000	0	Trên 3 năm (từ năm 2016)
5	Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12.000.000	12.000.000	0	Trên 3 năm (từ năm 2018)
6	Công ty CP Sách Alpha	68.000.000	68.000.000	0	Trên 3 năm (từ năm 2016)
7	Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	25.000.000	25.000.000	Dưới 3 năm (từ năm 2021)
8	Công ty cổ phần đầu tư và xuất bản Giáo dục	25.000.000	12.500.000	12.500.000	Dưới 3 năm (từ năm 2020)
Tổng cộng:		239.000.000	161.900.000		

(Nguồn: VLA)

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

(*) Theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, những khoản nợ quá hạn trên 3 năm đều được VLA trích lập dự phòng 100% theo quy định. Tuy nhiên, bộ phận kế toán của Công ty vẫn định kỳ theo dõi các khoản nợ này và có công văn đề nghị thanh toán. Trong trường hợp thu hồi lại được nợ, VLA sẽ hạch toán các khoản phải thu quá hạn này theo đúng quy định.

❖ **Tình hình công nợ của Công ty**

Công nợ của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty

(Đơn vị: đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Nợ ngắn hạn	4.529.199.666	2.497.397.094	1.722.888.089
Vay và nợ ngắn hạn	1.000.000.000	0	0
Phải trả cho người bán	415.821.154	278.616.240	190.482.601
Người mua trả tiền trước	494.290.000	0	0
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.337.666.726	1.202.475.944	529.532.400
Phải trả người lao động	536.537.860	345.654.048	203.850.385
Chi phí phải trả	598.504.400	512.728.095	534.216.800
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	145.670.540	58.959.448	93.058.448
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	708.986	98.963.319	171.747.455
Nợ dài hạn	0	0	0
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	4.529.199.666	2.497.397.094	1.722.888.089

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC 6T/2023 đã được soát xét của Công ty)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 – 2022 và từ Công ty, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

e) **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty năm 2022

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2022	Đã nộp trong năm 2022	31/12/2022
1	Thuế giá trị gia tăng	0	3.034.726.390	0

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	1.338.250.694	929.621.429
3	Thuế thu nhập cá nhân	8.255.033	101.393.776	243.187.571
4	Các loại thuế khác	0	379.602.293	29.666.944
5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	1.446.899	0
Tổng cộng		8.255.033	4.855.420.052	1.202.475.944

(Nguồn: BCTC năm 2022 được kiểm toán)

Năm 2021, Công ty phát sinh khoản phải nộp là lãi phạt chậm nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp với giá trị 5,8 triệu đồng. Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và ngân sách nhà nước.

f) Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Theo số liệu BCTC, Công ty trích lập các quỹ như sau:

Số dư trích lập các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	708.986	98.963.319	171.747.455
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.151.046.342	0	181.960.340
Tổng cộng		3.151.755.328	80.914.612	353.707.795

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC 6T/2023 đã được soát xét của Công ty)

g) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Khả năng thanh toán		

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,69	2,92
- Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	3,69	2,92
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,09
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,11
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	0,70	1,34
- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	1,05	2,71
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	N/A	338,3
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	39,21%	11,20%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	27,58%	14,14%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	31,20%	16,37%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	5.248	1.764

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

a. Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(*) Thông tin về việc Đính chính Báo cáo tài chính năm 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 của VLA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP và ban hành theo Báo cáo số 58/BCKT/TC ngày 21/1/2022. Tại thuyết minh số 36 của BCTC này,

Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác ngoài các khoản tiền lương và phụ cấp HĐQT trả cho các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

Do sơ suất trong quá trình tổng hợp thông tin để lập báo cáo, VLA đã công bố thiếu thông tin về số dư công nợ và giao dịch với các bên liên quan của Công ty. Ngày 17/03/2023, Công ty đã có Công văn số 46/2023/VLA-CV về việc đính chính Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của VLA đã có xác nhận của đơn vị kiểm toán, trong đó, Công ty đã bổ sung chi tiết về số dư công nợ và giao dịch với các bên liên quan tại thuyết minh số 36. Việc đính chính này đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP xác nhận và công bố thông tin theo quy định.

b. Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

a. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 21/03/2023, trong đó chỉ tiêu hoạt động năm 2023 như sau:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% tăng/giảm
Vốn điều lệ	tỷ đồng	19,9	39,8	100%
Doanh thu hoạt động SXKD	tỷ đồng	32,5	35,0	9,4%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,6	5,0	38,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	11,3%	14,3%	3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	18,0%	12,5%	(5,5%)
Tỷ lệ cổ tức	%	0%	5%	5%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

b. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

❖ *Lĩnh vực phần mềm:*

- Duy trì hợp đồng Quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm với công ty Công ty CP Phát triển Công nghệ VSOFIT.
- Tăng cường đơn độc thu tiền đúng thời hạn đối hợp đồng với Công ty CP Phát triển Công

nghe VSOFTE.

- Tăng cường thù hồi công nợ tồn đọng khai thác và bảo trì phần mềm từ các năm trước.

❖ *Lĩnh vực hoạt động đào tạo.*

- Tiếp tục mở rộng các khóa đào tạo: Chiến lược đầu tư Bất động sản (CKB); Khóa học NIK UNI K02; Dạy con làm giàu, đánh thức năng lực vô hạn, Business Master Bootcamp; Trí tuệ đầu tư 4.0; Khóa học huy động vốn; Trí tuệ doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh đào tạo, cập nhật và nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu công việc.

❖ *Công tác đầu tư*

- Nghiên cứu xu thế phát triển về kinh tế, xã hội trong nước và ngoài nước để định hướng mở rộng kinh doanh đa ngành nghề theo hình thức đầu tư, góp vốn, hoặc kinh doanh trực tiếp...
- Năm 2022: Ngoài việc duy trì công tác đào tạo, Công ty tập trung mạnh vào công tác đầu tư kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính và các dịch vụ khác để tăng doanh thu đảm bảo đời sống việc làm thu nhập cho CBCNV và lãi cổ tức của các cổ đông.
- Công ty dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ để mở Chi nhánh hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh, mở địa điểm kinh doanh tại khu vực phía Nam để thuận lợi cho quá trình hoạt động kinh doanh, tiếp xúc đối tác, học viên và tổ chức đào tạo

❖ *Một số công tác khác:*

- Tiếp tục phát huy các thế mạnh của Công ty, cùng cố tổ chức nhân sự, nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả lao động, cụ thể, thực hiện nghiêm túc giờ giấc, thời gian làm việc, tiết kiệm các chi phí quản lý, tham mưu đúng, kịp thời, phù hợp với tình hình chung.
- Năm 2022, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành Văn phòng điện tử để điều hành sản xuất kinh doanh, trao đổi quản lý lưu trữ thông tin nội bộ được tốt và đúng quy định.
- Phối hợp với các tổ chức Đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, để tuyên truyền giáo dục CBCNV chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng nhà nước, Nội quy quy chế của Công ty đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

c. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang. Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2020-2021; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như kế hoạch Công ty năm 2022 với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động tiêu cực lớn thì NSI đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty được xây dựng phù hợp với khả năng của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá

của tổ chức tư vấn; dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Theo Điều lệ của Công ty, VLA không có cổ đông sáng lập. Đồng thời VLA hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ năm 2007. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 07/11/2007 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Cổ đông là cá nhân

Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty tại ngày 15/08/2022 như sau:

Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty

Stt	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/CCCD	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Trọng Khang	1987	Việt Nam	072087000365	499.130	24,98%
2	Nguyễn Hữu Thuận	1990	Việt Nam	132342101	199.800	10%
3	Nguyễn Thành Tiến	1986	Việt Nam	100925835	181.485	9,08%
4	Nguyễn Thu Hà	1989	Việt Nam	022189000663	134.125	6,69%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang)

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Các cổ đông được hưởng cổ tức hàng năm theo mức nắm giữ cổ phần. Tỷ lệ cổ tức được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngoài ra Ông Nguyễn Thành Tiến có thêm thù lao và các khoản lương thưởng khác tương ứng với chức danh Chủ tịch HĐQT của Công ty. Ông Nguyễn Hữu Thuận có thêm thù lao và các khoản lương thưởng khác tương ứng với chức danh Phó Chủ tịch HĐQT

kiêm Giám đốc Công ty. Bà Nguyễn Thu Hà các khoản lương thưởng khác tương ứng với chức danh Phó Giám đốc Công ty

+ Trong năm 2022, VLA giao dịch với bên liên quan như sau:

Nguyễn Thành Tiến

Tạm ứng: 29.200.000.000 đồng

Hoàn tạm ứng: 28.992.276.320 đồng

Nguyễn Hữu Thuận

Tạm ứng 26.511.305.264 đồng

Hoàn tạm ứng: 29.428.967.149 đồng

- Lợi ích của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VLA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VLA: Không có
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn với VLA: Không có

2.2 Cổ đông là tổ chức

Không có

2.3 Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn:

Thông tin của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 17/02/2023 về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại, và dự kiến sau chào bán:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

STT	Tên	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước chời niêm đăng ký phát hành (05/06/2023)		Dự kiến sau phát hành				
A. Cổ đông lớn là cá nhân										
1	Đặng Trọng Khang	269.800	269.800	24,98%	499.130	499.130	24,98%	998.260	998.260	24,98%
Người có liên quan đến cổ đông lớn năm giữ cổ phiếu:										
1.1	Vũ Thị Anh				97.310	97.310	4,87%	194.620	194.620	4,87%
2	Nguyễn Thành Tiến	98.100	98.100	9,08%	181.485	181.485	9,08%	362.970	362.970	9,08%
Người có liên quan đến cổ đông lớn năm giữ cổ phiếu:										
1.1	Nguyễn Văn Thọ - Bố ruột				80.475	80.475	4,04%	160.950	160.950	4,04%
1.2	Trần Thị Thanh Hoa - Mẹ ruột				88.060	88.060	4,41%	176.120	176.120	4,41%
1.3	Nguyễn Thu Hà - Em ruột				134.125	134.125	6,71%	268.250	268.250	6,71%
1.4	Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ				60.310	60.310	3,01%	120.620	120.620	3,01%
3	Nguyễn Hữu Thuận	108.000	108.000	10%	199.800	199.800	10%	399.600	399.600	10%
Người có liên quan đến cổ đông lớn năm giữ cổ phiếu: Không có										

STT	Tên	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty	
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước thời điểm đăng ký phát hành (05/06/2023)		Dự kiến sau phát hành					
4	Nguyễn Thu Hà	72.500	72.500	6,71%	134.125	134.125	6,69%	268.250	268.250	6,69%	
Người có liên quan đến cổ đông lớn năm giữ cổ phiếu: Không có											
4.1	Nguyễn Thành Tiến - Anh ruột				181.485	181.485	9,08%	362.970	362.970	9,08%	
4.2	Nguyễn Văn Thọ - Bố ruột				80.475	80.475	4,04%	160.950	160.950	4,04%	
4.3	Trần Thị Thanh Hoa - Mẹ ruột				88.060	88.060	4,41%	176.120	176.120	4,41%	
B. Tổ chức là cổ đông lớn: Không có											

(Nguồn: VLA)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	Điều hành
2	Nguyễn Hữu Thuận	Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc	Điều hành
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Nguyễn Quang Thịnh	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Phạm Đăng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT độc lập	Không điều hành

a. Nguyễn Thành Tiến – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Thành Tiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/11/1986
- Nơi sinh: Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 1, Khu 4, Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 100925835 cấp ngày 01/11/2011 tại Công an Quảng Ninh
- Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005 -2009	Học đại học tại Trường Đại học xây dựng	Bí thư
2010 – 2012	Kỹ sư – Công ty xây dựng Udic	Nhân viên
2012 –30/06/2020	Kinh doanh tự do	
30/7/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 181.485 cổ phần, tương đương 9,08% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Thọ	Bố ruột	80.475	4,04%
Trần Thị Thanh Hoa	Mẹ ruột	88.060	4,41%
Nguyễn Thu Hà	Em ruột	134.125	6,71%
Vũ Thị Hiền Nhung	Vợ	60.310	3,01%

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	Bố ruột	80.475	4,04%
Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	Em ruột	134.125	6,71%

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Chủ tịch HĐQT và lương, thưởng:

- Năm 2020: 216.500.000 đồng
- Năm 2021: 6.000.000 đồng
- Năm 2022: 1.359.284.255 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Đã nêu tại Mục VI.2. Cổ đông lớn

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

b. Nguyễn Hữu Thuận – Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Thuận
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 04/10/1990
4. Nơi sinh: Tứ Yên, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu 2, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, Phú Thọ
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 132342101 cấp ngày 04/04/2016 tại Công an Phú Thọ
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Lập trình viên Quốc tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2014 – 2020	Công ty Cổ phần Babiday	Giám Đốc
2020 – Nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Giám Đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 199.800 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:
Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT và lương, thưởng

- Năm 2020: 0 đồng

- Năm 2021: 242.512.000 đồng

- Năm 2022: 288.186.500 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

c. Nguyễn Văn Đức – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đức

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 15/10/1990

4. Nơi sinh: Xã Đại Sơn, Đô Lương, Nghệ An

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Đại Sơn, Đô Lương, Nghệ An

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 230766670 cấp ngày 23/08/2005 tại Công an Gia Lai

8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854

9. Trình độ chuyên môn: Lập trình viên

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2011 - 06/2013	Tỉnh Vân Grup	Lập trình viên
07/2013 – 12/2013	Công Ty TNHH Evizi Việt Nam	Lập trình viên
10/2014- 08/2019	Công Ty Cổ Phần Babiday	Phó Giám đốc
09/2019 – 06/2020	Kinh doanh tự do	
07/2020 – đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 4.255 cổ phần, tương đương 0,21% vốn điều lệ của Công ty

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không.

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT

- Năm 2020: 0 đồng

- Năm 2021: 3.600.000 đồng

- Năm 2022: 87.251.250 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

d. Trần Quang Thịnh – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Trần Quang Thịnh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 15/10/1988
4. Nơi sinh: Vinh Thành, Yên Thành, Nghệ An
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tân Thanh, huyện Yên Thành, Nghệ An
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 186649888 cấp ngày 18/09/2017 tại Công an Nghệ An
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ Thông tin
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2010 – 2015	Công ty VicKo	Trưởng chi nhánh Hà Nội
2016 – đến nay	Công Ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh Và Đầu Tư Thực Tế Nik	Giám đốc Đối ngoại
07/2020 - đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 47.545 cổ phần, tương đương 2,37% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 3.600.000 đồng
 - Năm 2022: 2.700.000 đồng
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

e. **Phạm Đăng Hoàng Huy – Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Phạm Đăng Hoàng Huy
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 04/09/1989
4. Nơi sinh: Xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P1803A – CT1 Thạch Bàn – P. Thạch Bàn – Q. Long Biên – Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 013680965 cấp ngày 08/02/2014 tại Công an Hà Nội
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Donareal Vân Đồn
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2011 - 2014	Kinh doanh tự do	
2014 - 2019	Phó giám đốc, Công ty TNHH Bất động sản Rongbayland	Phó Giám đốc
2019 - nay	Giám đốc, Công ty cổ phần Donareal Vân Đồn	Giám đốc
09/2021 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 370 cổ phần, tương đương 0,02% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - Năm 2022: 2.700.000 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.2 Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Hoàng Thị Việt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Huy Bảo	Thành viên
3	Khương Thị Phương Uyên	Thành viên

a. Hoàng Thị Việt – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Hoàng Thị Việt
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/10/1962
- Nơi sinh: Thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 49, ngõ 39, Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 013367496 cấp ngày 15/12/2010 tại Công an Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
T4/1987 – T10/1990	Phòng Tài chính Điện Biên, Lai Châu	Thu quốc doanh
T10/1990 – T10/1993	Chi cục thuế huyện Điện Biên, Lai Châu	Nhân viên thuế
T10/1993 – T3/1995	Chi cục thuế Tx. Điện Biên, Lai Châu	Nhân viên thuế
T3/1995 – T4/1999	Cục thuế tỉnh Điện Biên	Nhân viên thuế
T4/1999 – T5/2000	Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)	Trợ lý Kiểm toán viên

T5/2000 – T11/2003	Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)	Kiểm toán viên Quốc gia
T11/2003 – T11/2017	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)	Kiểm toán viên, Trưởng phòng
T11/2017 - T4/2018	Công Ty Cổ phần Next	Kiểm soát nội bộ
T4/2019 - T5/2021	Công ty Cổ phần và Đầu tư XD Thiên Đức	Kiểm soát nội bộ
Từ tháng 06/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ văn Lang	Trưởng phòng HC-NS- Trưởng Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên BKS

- Năm 2020: 0 đồng
- Năm 2021: 111.069.091 đồng
- 6 tháng năm 2022: 108.834.764 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

b. Nguyễn Huy Bảo – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Huy Bảo

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 02/01/1999

4. Nơi sinh: Kim Song Trường- Can Lộc- Hà Tĩnh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 2 Lê Văn Thiêm, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 184353912 cấp ngày 01/07/2016 tại Công an Hà Tĩnh
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/2021 - nay	Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	Nhân viên
09/2021 - nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Thành viên BKS

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên BKS
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 900.000 đồng
 - 6 tháng năm 2022: 1.800.000 đồng
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

c. Khương Thị Phương Uyên - Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Khương Thị Phương Uyên
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 13/08/1999
4. Nơi sinh: Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kim Ôc, Xuân Hoà, Thọ Xuân, Thanh Hoá
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 038199000277 cấp ngày 29/04/2021 tại Công an Hà Nội
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Cao Đẳng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2020 đến nay	Công ty TNHH Trường Đào Tạo Đầu Tư Thực Tế NIK	Nhân viên kinh doanh
09/2021 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Thành viên BKS

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên BKS
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 900.000 đồng
 - 6 tháng năm 2022: 1.800.000 đồng
18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.3 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
2	Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc

a. Nguyễn Hữu Thuận – Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc (xem mục HĐQT)

b. Nguyễn Thu Hà – Phó Giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Thu Hà
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 10/11/1989
4. Nơi sinh: Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 1 – Khu 4 –P. Hồng Hà – TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số: 022189000663 cấp ngày 19/05/2016 tại Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân Hàng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình học tập và làm việc:

Tháng, năm	Nơi làm việc	Chức vụ
2011 - 2012	Ngân hàng TMCP MB	Cán bộ tín dụng
2012 - 2021	Kinh doanh tự do	
11/2021 - nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Phó Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 134.125 cổ phần, tương đương 6,71% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Thọ	Bố ruột	80.475	4,04%
Trần Thị Thanh Hoa	Mẹ ruột	88.060	4,41%
Nguyễn Thành Tiến	Anh ruột	181.485	9,08%

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	Bố ruột	80.475	4,04%
Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	Anh ruột	181.485	9,08%

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương, thưởng theo quy định của Công ty

- Năm 2020: 0 đồng

- Năm 2021: 31.705.000 đồng

- Năm 2022: 193.544.669 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không:

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.4 Kế toán trưởng - Bà Hà Diệu Ngọc

1. Họ và tên: Hà Diệu Ngọc

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 22/03/1983

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 26, ngõ 202, đường Bờ tây Sông Nhuệ - Thụy Phương – Bắc Từ Liêm – Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 001183007259 cấp ngày 10/05/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH

8. Điện thoại liên hệ: 024. 66555854

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 05/2008 đến 6/2009	Công ty nước Giải khát AQUAPLUS	Kế toán bán hàng
Từ tháng 7/2009 đến 6/2010	Công ty Thiết kế Sóng Việt	Kế toán tổng hợp

Từ tháng 7/2010 đến 03/2002	Công ty cổ phần SX & TBGD Hóa màu	Kế toán thuế - Kế toán tổng hợp
Từ tháng 04/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan:

15. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:
Không

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương, thưởng theo quy định của công ty

- Năm 2020: 0 đồng

- Năm 2021: 0 đồng

- Năm 2022: 121.224.387 đồng

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

19. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 1.997.998 cổ phiếu, tương ứng chiếm 100% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 19.979.980.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp giá đã được nêu tại Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 v/v phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và được ĐHDCĐ thông qua tại Nghị quyết số 04/2022/NQ- ĐHDCĐBTVLA ngày 14/09/2022, cụ thể:

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2022 theo BCTC soát xét Quý II/2022 của Công ty:**

$$\begin{aligned} & \text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ & \text{Giá trị sổ sách} = \frac{21.827.510.968}{1.997.998} = 10.925 \text{ đồng} \end{aligned}$$

- **Giá thị trường:** Trong khoảng thời gian từ 04/07/2022 đến 12/08/2022 trên sàn giao dịch HNX, cổ phiếu VLA có giá đóng cửa bình quân là **68.500 đồng/cổ phiếu**.

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua là: **10.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- Hình thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
- Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực phân phối: 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, 01 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới).
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết:
 - + Do tỷ lệ chào bán là 1:1 nên đợt chào bán này không phát sinh cổ phiếu lẻ.
 - + Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
 - + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- a) **Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:**

Không quy định

b) Thời hạn đăng ký

Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày theo đúng luật quy định.

c) Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có):

Không quy định

d) Số lượng cổ phiếu chào bán: 1.997.998 cổ phiếu

e) Phương thức thanh toán

- Đối với cổ đông đã lưu ký:

- Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

- Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Địa điểm giao dịch Công ty tại: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong toả của Công ty.

f) Chuyển nhượng quyền mua:

Trong thời hạn đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 02 ngày làm việc so thời hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền.

✓ Đối với cổ đông đã lưu ký:

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.

✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại địa chỉ phòng giao dịch của Công ty: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Các điều khoản có liên quan:

✓ Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu chào bán theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.

✓ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.

✓ Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua

nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

g) Chuyển giao cổ phiếu

- Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK, TVLK hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, sổ chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Địa điểm giao dịch Công ty: Số nhà 1204, Tòa 17-T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc chào bán kéo dài hơn thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa không quá 30 ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Quý II/2023 – Quý IV/2023, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Lịch trình dự kiến của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

STT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm lưu ký và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	T đến T+2
3	Công bố việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 2 đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 12
6	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông	T + 14 đến T + 18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu	T + 19 đến T + 40
8	Tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu chào bán thêm	T + 47

9	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần cho nhà đầu tư	T + 48 đến T + 58
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả chào bán	T + 58
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua	T + 58 đến T + 88

Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Quyền mua của cổ đông được chuyển nhượng 01 (một) lần. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người thứ ba.
- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Do tỷ lệ chào bán là 1:1 nên đợt chào bán không phát sinh cổ phiếu lẻ. Số lượng cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Số tài khoản: 0861101128003
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Do công ty không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Như đã nêu tại Mục 9 Phần IV Bản cáo bạch, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VLA là 0%. Theo danh sách cổ đông do VSD cung cấp, tại ngày 15/08/2022, tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài chiếm 3,34% vốn điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị VLA đã có Nghị quyết HĐQT thông qua các biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài hiện tại đang nắm giữ tại Công ty như sau:

- + Thực hiện phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu do VSD lập và theo đúng tỷ lệ được quyền mua.
- + Đối với trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký thực hiện chuyển nhượng quyền tại Công ty và

số cổ phiếu còn dư chưa phân phối, Hội đồng quản trị cam kết giám sát việc chuyển nhượng cổ phiếu và phân bổ số cổ phiếu còn dư để đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

a) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Căn cứ theo Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2018: Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

b) Thu nhập từ cổ tức

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức:

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC thu nhập từ cổ tức nhận được từ góp vốn từ doanh nghiệp trong nước, nếu đơn vị nhận vốn góp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của phần cổ tức đó. Thì cổ tức nhận được thuộc các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN khi xác định thu nhập tính thuế.

16. Thông tin về các cam kết

❖ Thông tin cam kết niêm yết bổ sung

- Việc niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 155/2020/QH14 ngày 31/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Sau khi hoàn thành phân phối cổ phiếu chào bán đồng thời thực hiện báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang sẽ nộp hồ sơ niêm yết bổ sung và triển khai các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thiện hồ sơ niêm yết bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc đợt chào bán.
- Ngoài ra Công ty không có cam kết nào khác liên quan đến đợt chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022, số tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Đề án thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022, sự cần thiết của việc thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh được diễn giải như sau:

Trong năm 2021 và 2022, Từ những nhu cầu thực tế của xã hội. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã nghiên cứu thị trường, nghiên cứu môi trường và các điều kiện khác và xét thấy việc mở rộng và phát triển trong lĩnh vực đào tạo các kỹ năng làm việc, kỹ năng đầu tư là cần thiết. VLA đã thực hiện nghiên cứu thị trường và đưa ra các khóa đào tạo thử nghiệm tại Hà Nội và nhận được các phản hồi tích cực từ học viên, mang lại giá trị doanh thu, lợi nhuận cao cho Công ty.

Xét thấy thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều tiềm năng trong việc phát triển kinh doanh đào tạo, việc thành lập chi nhánh trực thuộc CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh được VLA kỳ vọng đạt được những hiệu quả tích cực trong công tác giáo dục và đào tạo tại phía Nam, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 19.979.980.000 đồng, được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

TT	Mục đích sử dụng	Giá trị đầu tư	Thời gian dự kiến
1	Chi phí nhân công	3.062.400.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
2	Chi phí quảng cáo	10.800.000.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
3	Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác	6.117.580.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
	Cộng	19.979.980.000	

Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh.

2. Tính khả thi của Dự án

Căn cứ Đề án được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh thu, chi phí và lợi nhuận dự kiến cho 01 năm tài chính như sau:

STT	Nội Dung	Chi nhánh HCM			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
I	Doanh thu			24.000.000.000	
	Doanh thu đào tạo	10.000	2.450.000	24.000.000.000	
II	Chi phí			21.412.600.000	
1	Chi phí nhân công			2.342.400.000	
1.1	Lương	10	16.000.000	1.920.000.000	Bình quân
	<i>Giám đốc CN</i>	<i>1</i>			
	<i>Phó Giám đốc CN</i>	<i>1</i>			
	<i>NVKD</i>	<i>4</i>			
	<i>Kế toán</i>	<i>1</i>			
	<i>Thủ quỹ</i>	<i>1</i>			
	<i>Văn thư, tạp vụ</i>	<i>1</i>			
	<i>Bảo vệ</i>	<i>1</i>			
1.2	Chi phí BHXH	10	22%	422.400.000	%/DT
2	Chi phí thuê giảng viên	3%	24.360.000.000	720.000.000	%/DT
3	Chi phí vận chuyển			250.000.000	
	<i>Chi phí thuê xe</i>	1	250.000.000	250.000.000	

4	Chi phí thuê mặt bằng	12	35.000.000	420.000.000	
5	Công cụ, dụng cụ			239.600.000	
	<i>Bàn ghế làm việc</i>	9	1.400.000	12.600.000	
	<i>Máy tính để bàn tốc độ cao</i>	9	12.000.000	108.000.000	
	<i>Máy in HP in 2 mặt</i>	4	6.000.000	24.000.000	
	<i>Tivi 50 inch Samsung</i>	1	15.000.000	15.000.000	
	<i>Điều hòa</i>	4	15.000.000	60.000.000	
	<i>Hạ tầng mạng</i>	1	20.000.000	20.000.000	
	<i>Tủ sắt 2 buồng</i>	4	1.500.000	6.000.000	
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1		17.440.600.000	
	Chi phí công tác	7	500.000	21.000.000	
	Văn phòng phẩm	9	400.000	21.600.000	
	Chi phí điện nước	12	3.000.000	36.000.000	
	Chi phí giao dịch tiếp khách	7	10.000.000	70.000.000	
	Chi phí quảng cáo	45%	24.360.000.000	10.800.000.000	%/DT
	Chi phí điện thoại	12	1.000.000	12.000.000	
	Chi phí hội nghị	17%	24.360.000.000	4.080.000.000	%/DT
	Chi phí vận hành	10%	24.360.000.000	2.400.000.000	%/DT
7	Lợi nhuận trước thuế			2.587.400.000	
8	Thuế TNDN	20%		517.480.000	
9	Lợi nhuận sau thuế			2.069.920.000	

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI)

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 38181 888

Fax: (024) 38181 688

Website: <https://www.NSI.com.vn/>

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 37425 888 Fax: 024. 37578 666

Website: <https://kiemtoanttp.vn/>

3. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt phát hành

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung nguồn vốn nhằm phục vụ cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 1.997.998 cổ phiếu (tương đương 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của Công ty). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2022 (theo báo cáo tài chính Quý III/2022) là 11.516 đồng/cổ phiếu. Với những thông tin trên, chúng tôi – Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu VLA và khả năng Công ty chào bán thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán: Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

- Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THÀNH TIẾN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU THUẬN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀ DIỆU NGỌC

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN ĐÌNH DŨNG

XIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 14/09/2022; Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 về phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; Tờ trình số 113/2022/TTr-HĐQTVLA ngày 15/08/2022 về thông qua Phương án thành lập Chi nhánh CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang; Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 21/03/2023; Tờ trình số 38/2023/TTr-HĐQTVLA ngày 20/02/2023 về việc tiếp tục thực hiện phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
3. **Phụ lục III: Các Nghị quyết Hội đồng quản trị**
 - Số 129/2022/NQ-HĐQT ngày 28/09/2022 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
 - Số 55/2023/NQ-HĐQT ngày 29/03/2023 điều chỉnh thời gian sử dụng vốn trong việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
 - Số 81/2023 ngày 26/07/2023 điều chỉnh nội dung Nghị quyết HĐQT số 132/2022/NQ-HĐQT về việc Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
 - Số 84/2023/NQ-HĐQTVLA ngày 27/07/2023 thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 được kiểm toán của Công ty (Bao gồm Công văn số 46/2023/VLA-CV ngày 17/03/2023 đính chính BCTC kiểm toán năm 2021 của VLA); Báo cáo tài chính Quý II/2023 đã được soát xét của Công ty
6. **Các phụ lục khác:**
 - Xác nhận tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
 - Công văn số 7214/UBCK-PTTT ngày 31/10/2022 về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
 - Các Hợp đồng nguyên tắc thuê xe vận chuyển, thuê nhà và Hợp đồng thuê chuyên gia giảng dạy của VLA.
 - Đề án thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14;
- Căn cứ Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia;
- Căn cứ thỏa thuận của hai bên,

Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. BÊN ỦY QUYỀN: Ông HỒ ANH DŨNG

Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD do UBCK Nhà nước cấp lần đầu ngày 15/12/2006
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- CMND số: 001082006351 Ngày cấp: 14/06/2018
Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại : (84-24) 3944 5474 Fax: (84-24) 3944 5475

II. NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN: Ông TRẦN ĐÌNH DŨNG

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 24/10/1982
- Giấy chứng minh nhân dân số: 036082000096 ngày cấp: 20/01/2014 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG
- Hộ khẩu thường trú: Phòng 2008, Tòa nhà Rainbow, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

được thay mặt Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) thực hiện các công việc sau đây:

1. Ký các giấy tờ, hồ sơ, văn bản, hợp đồng, phụ lục hợp đồng có liên quan đến nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành chứng khoán, bao gồm nhưng không hạn chế các dịch vụ sau:
 - Tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán;
 - Đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán;
 - Tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, mua bán doanh nghiệp;
 - Tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp;
 - Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
2. Ký công văn, giấy tờ gửi các khách hàng, đối tác của công ty liên quan đến mảng Nghiệp vụ kinh doanh được phân công.
3. Ký ban hành cơ chế kinh doanh cho mảng Nghiệp vụ được phân công sau khi được Tổng Giám đốc phê duyệt.



Ông **Trần Đình Dũng** chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc thực hiện theo nội dung Giấy ủy quyền này, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho Tổng Giám đốc sau khi thực hiện nội dung ủy quyền.

Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày ký ủy quyền cho đến khi có thông báo khác.
Giấy ủy quyền này gồm hai (02) trang, được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau; bên ủy quyền giữ một (01) bản, bên nhận ủy quyền giữ một (01) bản, Công ty giữ một (01) bản. /

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đình Dũng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Anh Dũng



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102459018

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 11 tháng 07 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN LANG TECHNOLOGY
DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: V.L.A., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 9426554

Fax: 9424632

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 19.979.980.000 đồng.

*Bằng chữ: Mười chín tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm tám
mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.997.998

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

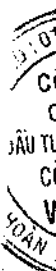
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 132342101

Ngày cấp: 04/04/2016

Nơi cấp: Công an Tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Khu 2, Phường Vân Cơ, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt
Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 2, Phường Vân Cơ, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam



* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 14/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 100925835

Ngày cấp: 01/11/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu 4, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 2, Phường Vân Cơ, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG *h*



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hữu Lương



**TU. CHỦ TỊCH
CÁN BỘ TƯ PHÁP**
Đinh Thị Thanh Mai

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và những văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/BB-ĐHCĐBTVLA ngày 14/09/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty theo nội dung Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15 /08/2022

Điều 2. Thông qua Phương án thành lập Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung tại Tờ trình số 113/2022/Ttr-HĐQT ngày 15/08/2022.

Điều 3. Thông qua Phương án thay đổi ngành nghề kinh doanh chính theo nội dung Tờ trình số 114/2022/Ttr-HĐQT ngày 15 /08/2022.

Chi tiết như sau:

1. Ngành nghề kinh doanh kinh doanh chính trước khi sửa đổi:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xuất bản phần mềm; <i>Chi tiết:</i> Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;	5820	X

2. Ngành nghề kinh doanh kinh doanh chính sau khi sửa đổi:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ; đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian; - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. <p>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);</p>	8559	X

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, đơn vị trực thuộc công ty và các cổ đông có trách nhiệm chấp hành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UB chứng khoán NN;
- HNX
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 20 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Thành Tiến

2



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

TỜ TRÌNH

V/v: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang năm 2022 đã thông qua việc Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo nội dung tại Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT ngày 20/01/2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 21/02/2022.

Tuy nhiên, nhận thấy hiện nay việc mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều tiềm năng mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai, đồng thời mục đích phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết nêu trên chưa phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty, do đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Hủy bỏ Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Tờ trình số 10/2022/TTr-HĐQT ngày 20/01/2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 21/02/2022.
- Đồng thời thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với nội dung cụ thể như sau:

A. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

- | | |
|------------------------------------|--|
| 1. Tên tổ chức chào bán: | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang |
| 2. Tên cổ phiếu chào bán: | Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang |
| 3. Loại cổ phiếu chào bán: | Cổ phiếu phổ thông |
| 4. Mệnh giá cổ phiếu: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 5. Vốn điều lệ trước khi chào bán: | 19.979.980.000 đồng |
| 6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.997.998 cổ phiếu |

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 8 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

- trước khi chào bán:
7. Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 1.997.998 cổ phiếu (chiếm 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty)
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 19.979.980.000 đồng (Mười chín tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)
10. Phương thức phát hành: Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền
11. Tỷ lệ phát hành: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm)
12. Xử lý cổ phiếu lẻ: Do tỷ lệ chào bán là 1:1 nên đợt chào bán này không phát sinh cổ phiếu lẻ
13. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.
14. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Căn cứ xác định giá chào bán:
- + Giá trị sổ sách của cổ phiếu VLA tại ngày 30/06/2022 được ghi nhận trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2022 là: 10.925 đồng/cổ phiếu.
 - + Giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu VLA trong 30 phiên giao dịch liên tiếp từ ngày 04/07/2022 đến ngày 12/08/2022 là: 68.500 đồng/cổ phiếu.
- Để tăng khả năng thành công của đợt chào bán, Hội đồng quản trị đề xuất giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.
15. Chuyển nhượng quyền: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt quyền thực hiện mua cổ phiếu được chuyển quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba.
16. Xử lý cổ phiếu cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết: Số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết, sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông

hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm và nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư phân phối cổ phiếu sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trường hợp HĐQT không phân phối được hết số lượng cổ phiếu trên còn dư nêu trên, số lượng cổ phiếu này sẽ bị hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

17. Các hạn chế liên quan:

- Đối với số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu: Tự do chuyển nhượng

- Đối với số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác: hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:

Toàn bộ số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu hoạt động của Chi nhánh là tập trung mở và vận hành các lớp đào tạo trực tiếp (offline) và trực tuyến (online) trong các lĩnh vực như: Kỹ năng đầu tư, kỹ năng kinh doanh bất động sản, đào tạo ngoại ngữ, đào tạo kỹ năng mềm ... Một số chi phí dự kiến cho việc thành lập chi nhánh như sau:

- Chi phí nhân công: 3.062.400.000 đồng/năm
- Chi phí quảng cáo, marketing: 10.800.000.000 đồng/năm
- Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác: 6.117.580.000 đồng/năm

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho đợt chào bán và cho từng mục đích sử dụng vốn trong đợt chào bán; và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và đảm



bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán.

19. Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

20. Đăng ký lưu ký và Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

21. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không quy định. Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

B. Đại hội đồng cổ đông xem xét giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty và xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:

- Điều chỉnh/ bổ sung phương án chào bán cổ phiếu đảm bảo phù hợp với sự thay đổi của các văn bản pháp luật tại mọi thời điểm triển khai phương án (xin cấp phép các cơ quan quản lý, phân phối cổ phiếu, niêm yết, lưu ký bổ sung cổ phiếu chào bán thành công...) và/ hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo nguyên tắc đảm bảo số lượng cổ phiếu chào bán không vượt quá tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, để đảm bảo đợt chào bán được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Lựa chọn thời điểm triển khai đợt chào bán;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
- Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho phương án sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý (nếu có), nhằm

triển khai phương án chào bán đạt được hiệu quả cao nhất, phù hợp với Công ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ và quyền lợi của cổ đông Công ty;

- Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua hết;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất phương án phát hành, chào bán đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, bao gồm việc phê duyệt hồ sơ liên quan đến đợt chào bán nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Sửa đổi Điều lệ theo quy mô vốn điều lệ sau đợt chào bán, thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt chào bán và Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu chào bán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT,



Nguyễn Thành Tiến



PHỤ LỤC

Giá đóng cửa của cổ phiếu VLA trong 30 phiên giao dịch
từ 04/07/2022 đến 12/08/2022

TT	Phiên giao dịch	Tổng khối lượng giao dịch	Giá đóng cửa	TT	Phiên giao dịch	Tổng khối lượng giao dịch	Giá đóng cửa
1	12/8/2022	-	71.000	16	22/7/2022	-	77.000
2	11/8/2022	-	71.000	17	21/7/2022	-	77.000
3	10/8/2022	-	71.000	18	20/7/2022	200	77.000
4	9/8/2022	-	71.000	19	19/7/2022	-	70.500
5	8/8/2022	-	71.000	20	18/7/2022	200	70.500
6	5/8/2022	-	71.000	21	15/7/2022	400	71.000
7	4/8/2022	100	71.000	22	14/7/2022	1.500	65.000
8	3/8/2022	43.100	66.000	23	13/7/2022	100	61.000
9	2/8/2022	-	71.000	24	12/7/2022	200	65.000
10	1/8/2022	-	71.000	25	11/7/2022	500	62.000
11	29/7/2022	-	71.000	26	8/7/2022	-	61.000
12	28/7/2022	1.100	71.000	27	7/7/2022	1.000	61.000
13	27/7/2022	2.700	68.000	28	6/7/2022	-	61.000
14	26/7/2022	1.380	68.000	29	5/7/2022	1.300	61.000
15	25/7/2022	1.000	70.000	30	4/7/2022	-	62.000
					Giá bình quân		68.500

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Phương án thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển Công nghệ Văn Lang**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Đầu
tư và Phát triển công nghệ Văn lang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019 và những văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang (VLA) ban hành ngày 21/02/2022;
- Căn cứ tình hình kinh doanh năm 2022 và chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn lang

Căn cứ vào tình hình thực tế trong lĩnh vực đào tạo tại Công ty. Căn cứ nhu cầu của đông đảo người học nhằm có được các kỹ năng cơ bản về đầu tư kinh doanh, kỹ năng bán hàng và các kỹ năng khác...

Qua khảo sát thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, HĐQT thấy tiềm năng về đào tạo kỹ năng trên địa bàn là rất lớn và thiết thực. HĐQT xét thấy việc thành lập Chi nhánh đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh là rất cần thiết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua Phương án thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang như sau:

1. Tên gọi và loại hình

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Chi nhánh công ty cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh: Branch of Van Lang Technology Development & Investment JSC
- Loại hình: Chi nhánh trực thuộc
- Thời hạn hoạt động: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh cho đến khi có quyết định giải thể của công ty,
- Phạm vi hoạt động: Chi nhánh hoạt động trong phạm vi ngành nghề của công ty

2. Chi phí kinh doanh dự kiến : 21.412.600.000 đồng, chi tiết như sau:

- Chi phí nhân công: 3.062.400.000 đồng/năm
- Chi phí quảng cáo, marketing: 10.800.000.000 đồng/năm
- Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác: 7.550.200.000 đồng/năm

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (thời điểm thành lập, thủ tục thành lập, vốn kinh doanh, ...)
4. Tài liệu kèm theo là: “*Đề án thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TK.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 11 tháng 7 năm 2022



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tiến

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và những văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/BB-DHĐCĐVLA ngày 21/03/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2022 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (theo nội dung Tờ trình số 31/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023) như sau:

Đơn vị tính: đồng

• Tổng doanh thu	36.801.815.852
○ Doanh thu SXKD:	32.478.571.750
○ Doanh thu hoạt động tài chính:	4.309.827.485
○ Thu nhập khác:	13.416.617
• Tổng chi phí:	32.207.658.821
• Lợi nhuận trước thuế (LNTT):	4.594.157.031
• Chi phí thuế TN hiện hành	954.950.227
• Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.639.206.804
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	5%LNST
• Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	2%LNST
• Chia cổ tức năm 2022	0%/VĐL



Điều 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2023 (theo nội dung Tờ trình số 32/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023) như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

• Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	35.000.000
• Tổng chi phí	28.750.000
• Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.250.000
• Chi phí thuế TN hiện hành	1.250.000
• Lợi nhuận sau thuế :	5.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển :	20% LNST
• Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi:	2% LNST
• Cổ tức năm 2023 dự kiến:	5% vốn điều lệ

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và đính chính Báo cáo tài chính năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số 47/2023/TTr-HĐQT ngày 17/03/2023).

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 (theo nội dung Tờ trình số 34/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 (theo nội dung Tờ trình số 35/2023/TTr-BKS ngày 20/02/2023).

Điều 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán (theo nội dung tại Tờ trình số 36/2023/TTr-BKS ngày 20/02/2023).

Điều 7. Thông qua phương án trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2023 (theo nội dung tại Tờ trình số 37/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 8. Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ (theo nội dung tại Tờ trình số 38/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 9. Thông qua Tờ trình ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (theo nội dung tại Tờ trình số 39/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 10. Thông qua Chủ trương đầu tư góp vốn thành lập công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (theo nội dung tại Tờ trình số 40/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 11. Thông qua Phương án Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại TP Hồ Chí Minh (theo Tờ trình số 41/2023/TTr-HĐQT ngày 20/02/2023).

Điều 12. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, đơn vị trực thuộc công ty và các cổ đông có trách nhiệm chấp hành.

Nơi nhận:

- Như điều 12;
- UBCK, HNX;
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thành Tiến



TỜ TRÌNH

V/v: Tiếp tục thực hiện phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ
đồng hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022;
- Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang năm 2022 đã thông qua phương án Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu theo nội dung tại Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022.

Thực hiện phương án chào bán đã được thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã nộp Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hiện nay, hồ sơ đang được UBCKNN xem xét và Công ty cũng đang hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.

Do vậy HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 tiếp tục thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu đã được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022 và Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 với một số nội dung chính như sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Tên tổ chức chào bán: | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang |
| 5. Vốn điều lệ trước khi chào bán: | 19.979.980.000 đồng |
| 8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: | 1.997.998 cổ phiếu (chiếm 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty) |
| 10. Phương thức chào bán: | Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền |
| 11. Tỷ lệ thực hiện quyền: | 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đồng thực hiện quyền mua cổ phiếu, cổ đồng sở hữu 01 cổ phiếu được |

nhận 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm)

14. Giá chào bán:

10.000 đồng/cổ phiếu

18. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán:

Toàn bộ số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Đề án thành lập chi nhánh đã được ĐHCĐ Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ số 04/2022/NQ-ĐHCĐBTVLA ngày 14/09/2022. Trong đó, số vốn huy động được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng hoàn toàn cho việc thành lập chi nhánh theo nội dung Đề án nêu trên.

Các nội dung khác của phương án chào bán, bao gồm các nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT,

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày...7...tháng...7...năm 2022.



Nguyễn Thành Tiên



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Số: 129/2022/NQ-HĐQTVLA

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
(V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang Số 128/2022/BB-HĐQTVLA ngày 28/09/2022;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thông qua tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022 với các nội dung chính như sau:

1. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
2. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Vốn điều lệ trước khi chào bán: 19.979.980.000 đồng
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán: 1.997.998 cổ phiếu

6. Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 1.997.998 cổ phiếu (*Một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám cổ phiếu*)
8. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 19.979.980.000 đồng (*Mười chín tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*)
9. Phương thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền
10. Tỷ lệ chào bán: **1:1** (*Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm*)
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, cổ đông A đang sở hữu 155 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $155 \times 1:1 = 155$ cổ phiếu.*
11. Xử lý cổ phiếu lẻ: Do tỷ lệ chào bán là 1:1 nên đợt chào bán này không phát sinh cổ phiếu lẻ
12. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.
13. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
14. Chuyển nhượng quyền: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt quyền thực hiện mua cổ phiếu được chuyển quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba.
15. Xử lý cổ phiếu cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết: Số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua, không mua hết, sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm và nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư phân phối cổ phiếu sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.
- Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền đáp ứng

các quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trường hợp HĐQT không phân phối được hết số lượng cổ phiếu trên còn dư nêu trên, số lượng cổ phiếu này sẽ bị hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

16. Mức độ pha loãng cổ phiếu

a) Pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang chào bán 1.997.998 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định.

Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CDHH.

Ví dụ: giá đóng cửa của cổ phiếu VLA tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 60.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của VLA sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{60.000 + (1 \times 10.000)}{1 + 1} = 30.000 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

b) Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế /Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân.

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm



xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

c) Pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

17. Các hạn chế liên quan:

- Đối với số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu: Tự do chuyển nhượng

- Đối với số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không mua hết, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác: hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 19.979.980.000 đồng, được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

TT	Mục đích sử dụng	Giá trị đầu tư	Thời gian dự kiến
1	Chi phí nhân công	3.062.400.000	Quý IV/2022 - Quý I/2023
2	Chi phí quảng cáo	10.800.000.000	Quý IV/2022 - Quý I/2023
3	Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác	6.117.580.000	Quý IV/2022 - Quý I/2023
	Cộng	19.979.980.000	

Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh

19. Đăng ký lưu ký và Niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật.

20. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không quy định. Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.
21. Thời gian thực hiện: Quý IV/2022 – Quý I/2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 2: Ủy Quyền:

Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ.

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Tiên



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

(V/v: điều chỉnh thời gian sử dụng vốn trong việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022;
- Nghị quyết số 129/2022/NQ-HĐQT ngày 28/09/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 54/2023/BBHĐQTVLA ngày 29/03/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc điều chỉnh thời gian dự kiến sử dụng vốn trong việc triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, cụ thể:

Nội dung được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 129/2022/NQ-HĐQT ngày 28/09/2022:

18. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 19.979.980.000 đồng, được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:



TT	Mục đích sử dụng	Giá trị đầu tư	Thời gian dự kiến
1	Chi phí nhân công	3.062.400.000	Quý IV/2022 – Quý I/2023
2	Chi phí quảng cáo	10.800.000.000	Quý IV/2022 – Quý I/2023
3	Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác	6.117.580.000	Quý IV/2022 – Quý I/2023
	Cộng	19.979.980.000	

Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh

21. Thời gian thực hiện:

Quý IV/2022 – Quý I/2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Nội dung điều chỉnh:

18. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 19.979.980.000 đồng, được sử dụng cho mục đích thành lập chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

TT	Mục đích sử dụng	Giá trị đầu tư	Thời gian dự kiến
1	Chi phí nhân công	3.062.400.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
2	Chi phí quảng cáo	10.800.000.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
3	Chi phí cơ sở vật chất và Chi phí khác	6.117.580.000	Quý II/2023 – Quý IV/2023
	Cộng	19.979.980.000	

Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh

21. Thời gian thực hiện: Quý II/2023 – Quý IV/2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Điều 2: Ủy quyền:

Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ.

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thành Tiến





Số: 81/2023/NQ-HĐQTVLA

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

(V/v: Điều chỉnh nội dung Nghị quyết HĐQT số 132/2022/NQ-HĐQT về việc Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/09/2022;
- Nghị quyết HĐQT số 129/2022/NQ-HĐQTVLA ngày 28/09/2022 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Công văn số 7214/UBCK-PTTT ngày 31/10/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của VLA;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 80/2023/BB-HĐQTVLA ngày 26/07/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Điều chỉnh thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VLA tại Nghị quyết HĐQT số 132/2022/NQ-HĐQT ngày 3/10/2022 về Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật trong đợt chào bán, cụ thể:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty được xác định là 0%.
- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán được thực hiện như sau:
 - + Thực hiện phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu do VSD lập và theo đúng tỷ lệ được quyền mua.



- + Đối với trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký thực hiện chuyển nhượng quyền tại Công ty và số cổ phiếu còn dư chưa phân phối, Hội đồng quản trị cam kết giám sát việc chuyển nhượng cổ phiếu và phân bổ số cổ phiếu còn dư để đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.

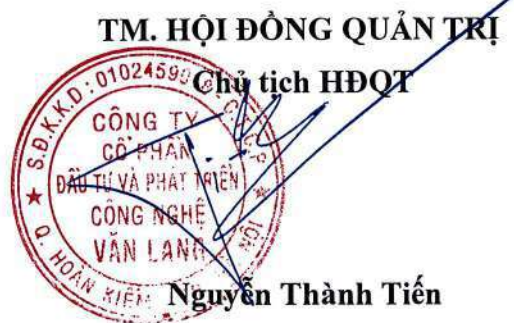
Điều 2: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



Số: 84/2023/NQ-HĐQTVLA

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

(V/v: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/09/2022;
- Công văn số 4832/UBCK-QLCB ngày 20/07/2023 về hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của VLA;
- Căn cứ Biên bản họp số 83/2023/BB- HĐQTVLA Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang ngày 27/07/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang với các tài liệu như sau:

1. Bản cáo bạch Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu ngày 27/07/2023;
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/07/2022;
3. Điều lệ Công ty ngày 21/02/2022;
4. Báo cáo tài chính Công ty năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý II/2023 đã được soát xét ;
5. Nghị quyết số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐBTVLA ngày 14/09/2022 của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng kèm Tờ trình số 112/2022/TTr-HĐQT ngày 15/08/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang về phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 21/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của VLA kèm theo các Tờ trình: Tờ trình về việc tiếp tục thực hiện phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty; Tờ trình thông qua phương án thành lập Chi nhánh VLA tại TP. Hồ Chí Minh.
6. Nghị quyết HĐQT số 129/2022/NQ-HĐQTVLA ngày 28/9/2022 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
 7. Nghị quyết HĐQT số 55/2023/NQ-HĐQT ngày 29/03/2023 điều chỉnh thời gian sử dụng vốn trong việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
 8. Nghị quyết HĐQT số 81/2023/NQ-HĐQTVLA ngày 26/07/2023 thông qua điều chỉnh nội dung Nghị quyết HĐQT số 132/2022/NQ-HĐQT về việc Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài;
 9. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Quân Đội, chi nhánh Ba Đình ngày 28/09/2022 về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
 10. Các tài liệu khác có liên quan tới mục đích sử dụng vốn.

Điều 2: Hiệu lực:

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 146/2022/NQ-HĐQT ngày 16/11/2022 thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thành Tiến

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN LANG**

VAN LANG TECHNOLOGY DEVELOPMENT
AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/02/2022)

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 9 năm 2022



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Hà Nội, tháng 02 năm 2022



MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	6
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	6
Điều 1. Định nghĩa.....	6
Điều 2. Tên, trụ sở, điện thoại, fax, email, webside, biểu tượng, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của công ty.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty.....	8
Điều 4. Dấu của công ty.....	8
Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh.....	9
CHƯƠNG II.....	13
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 6. Vốn điều lệ.....	13
Điều 7. Cổ đông sáng lập.....	13
Điều 8. Các loại cổ phần.....	13
Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông.....	14
Điều 10. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết.....	16
Điều 11. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.....	16
Điều 12. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.....	16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	17
Điều 14. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập.....	17
Điều 15. Cổ phiếu.....	18
Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	19
Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông.....	19
Điều 18. Chào bán cổ phần.....	19
Điều 19. Bán cổ phần.....	19
Điều 20. Thu hồi cổ phần.....	20
Điều 21. Chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho cổ phần.....	20
Điều 22. Mua cổ phần, trái phiếu.....	21
Điều 23. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	21
Điều 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty.....	21
Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	22
Điều 26. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.....	23
CHƯƠNG III.....	24
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY.....	24
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.....	24
Mục 1.....	24
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	24

110
CÔNG
CỐ P
TƯ V
CỔ P
VĂN
V KI

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 29. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 30. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 33. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 34. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 35. Thay đổi các quyền.....	28
Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng.....	29
Điều 38. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 39. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	31
Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 41. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 43. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	35
Mục 2.....	35
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
Điều 44. Hội đồng quản trị.....	35
Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	38
Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	40
Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 52. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Điều 53. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	44
Điều 54. Người phụ trách quản trị công ty.....	44
Mục 3.....	44
GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	44
Điều 55. Giám đốc.....	44
Điều 56. Phó giám đốc.....	46
Điều 57. Kế toán trưởng.....	46
Điều 58. Thư ký công ty.....	46
Điều 59. Cán bộ quản lý khác.....	46

Mục 4.....	46
BAN KIỂM SOÁT	46
Điều 60. Ban kiểm soát.....	46
Điều 61. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	47
Điều 62. Trưởng Ban kiểm soát	48
Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	48
Điều 64. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	50
Điều 65. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	51
Điều 66. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	51
Điều 67. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	51
Mục 5.....	52
MINH BẠCH LỢI ÍCH	52
Điều 68. Công khai các lợi ích liên quan.....	52
Điều 69. Nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty	53
Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.....	54
Điều 71. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	54
Điều 72. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	55
CHƯƠNG IV	56
LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	56
Điều 73. Tuyển dụng lao động	56
Điều 74. Công đoàn	56
CHƯƠNG V	56
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ	56
Điều 75. Phân phối lợi nhuận.....	56
Điều 76. Trả cổ tức	57
Điều 77. Xử lý lỗ	58
CHƯƠNG VI	58
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	58
Điều 78. Tài khoản ngân hàng	58
Điều 79. Năm tài chính	58
Điều 80. Chế độ kế toán.....	58
CHƯƠNG VII	58
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN	58
Điều 81. Trình báo cáo hàng năm	58
Điều 82. Công bố thông tin.....	59
CHƯƠNG VIII	59
KIỂM TOÁN CÔNG TY	59
Điều 83. Kiểm toán công ty	59
CHƯƠNG IX	59
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	59

Điều 84. Chấm dứt hoạt động	59
Điều 85. Giải thể công ty	60
Điều 86. Thanh lý	60
Điều 87. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể	60
Điều 88. Phá sản công ty.....	61
CHƯƠNG X.....	61
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
Điều 89. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	61
CHƯƠNG XI	61
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	61
Điều 90. Điều khoản cuối cùng.....	61

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và những văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thông qua tại phiên họp thường niên ngày 23/09/2021, quy định về hình thức pháp lý, tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
2. Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
3. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán.
4. Ngày thành lập là ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
5. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.
6. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty.
7. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.
8. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
9. Cổ phần đã bán là cổ phần được quyền chào bán và đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty.
10. Cổ phần được quyền chào bán là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.
11. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho công ty.
12. Người quản lý công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, Người đứng đầu chi nhánh của công ty và các chức danh tương đương khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có).
13. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.
14. Người nội bộ là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; thành viên Ban kiểm soát

(Kiểm soát viên); thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

15. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp sau đây:

- a) Người nội bộ của công ty;
- b) Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
- c) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người nội bộ của công ty;
- d) Doanh nghiệp mà các cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a, b, c khoản này có sở hữu vốn đến mức chi phối việc ra quyết định của doanh nghiệp đó;
- đ) Và một số trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

16. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc những văn bản thay thế của chúng. Trường hợp giữa Điều lệ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có mâu thuẫn theo chiều hướng loại trừ nhau thì các quy định của văn bản quy phạm pháp luật được lựa chọn để áp dụng.

Điều 2. Tên, trụ sở, điện thoại, fax, email, website, biểu tượng, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của công ty

1. Tên công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
- Tên tiếng Anh: VAN LANG TECHNOLOGY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VLA CO., JSC

2. Trụ sở, điện thoại, fax, email, website, biểu tượng (logo):

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

- Điện thoại: 024.35121610

Fax: 024.35121611

- Email:.....

Website: www.vla.vn

- Biểu tượng (Logo):

3. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty: Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập, giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty.

4. Thời hạn hoạt động: Không xác định thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

- Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b) Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 4. Dấu của công ty

1. Dấu của công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và dấu dưới hình thức chữ ký số.

2. Dấu được làm tại cơ sở khắc dấu:

a) Số lượng: 01 (một) dấu. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định khắc thêm dấu thứ hai để sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Hình thức: Hình tròn, màu đỏ.

c) Nội dung dấu: thể hiện tên gọi, mã số doanh nghiệp của công ty.

3. Dấu dưới hình thức chữ ký số:

Hội đồng quản trị quyết định nội dung, hình thức chữ ký số của công ty khi sử dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Quản lý, sử dụng dấu:

Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng dấu của công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của công ty là: Huy động và sử dụng hiệu quả tiền vốn và các nguồn lực khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079	
2.	In ấn; Chi tiết: In;	1811	
3.	Dịch vụ liên quan đến in; Chi tiết: Các dịch vụ liên quan đến in;	1812	
4.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;	2023	
5.	Xây dựng nhà để ở;	4101	
6.	Xây dựng nhà không để ở;	4102	
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước;	4222	
8.	Xây dựng công trình công ích khác;	4229	
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4299	

10.	Phá dỡ;	4311	
11.	Chuẩn bị mặt bằng;	4312	
12.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321	
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;	4322	
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	4329	
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng;	4330	
16.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;	4390	
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; <i>Chi tiết:</i> Đại lý cung cấp phần mềm;	4610	
18.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết:</i> Bán buôn thực phẩm chức năng	4632	
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649	
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; <i>Chi tiết:</i> Buôn bán máy tính;	4651	
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;	4659	
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; <i>Chi tiết:</i> Buôn bán bán thảo;	4669	
23.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh siêu thị (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);	4719	
24.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761	
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	



26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
27.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
28.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
29.	Xuất bản phần mềm; <i>Chi tiết:</i> Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;	5820	
30.	Lập trình máy vi tính; <i>Chi tiết:</i> Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;	6201	
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; <i>Chi tiết:</i> Dịch vụ bảo trì hệ thống phần mềm	6209	
32.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu; <i>Chi tiết:</i> Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin nhà nước cấm)	6399	
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; <i>Chi tiết:</i> Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn Pháp luật, Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Thuế và Chứng khoán); Đầu tư chứng khoán.	6619	
34.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810	
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết:</i> Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820	
36.	Hoạt động tư vấn quản lý; <i>Chi tiết:</i> Quản trị doanh nghiệp;	7020	
37.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310	
38.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;	7320	
39.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng; <i>Chi tiết:</i> Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;	7410	
40.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; <i>Chi tiết:</i>	7490	

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại; - Tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục; 		
41.	Cho thuê xe có động cơ;	7710	
42.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; <i>Chi tiết:</i> Tổ chức hội trợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;	8230	
43.	Đào tạo trung cấp; <i>Chi tiết:</i> Đào tạo hướng nghiệp;	8532	
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;	8560	
45.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ; đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian; - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);	8559	x

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của công ty là: 19.979.980.000 đồng (Mười chín tỷ, chín trăm bảy chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Tổng số cổ phần: 1.997.998 cổ phần (Một triệu chín trăm chín bảy nghìn, chín trăm chín tám cổ phần)

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần (Mười nghìn đồng/1 cổ phần)

- Loại cổ phần:

+ Cổ phần phổ thông: 1.997.998 cổ phần (Một triệu chín trăm chín bảy nghìn, chín trăm chín tám cổ phần)

+ Cổ phần ưu đãi: Không có

- Số cổ phần, loại cổ phần đã bán:

+ Cổ phần phổ thông: 1.997.998 cổ phần (Một triệu chín trăm chín bảy nghìn, chín trăm chín tám cổ phần)

+ Cổ phần ưu đãi: Không có

- Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán: Không có

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ đông sáng lập

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

Sinh ngày: 21/9/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 001077012546 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 17/10/2016

HKTT: B15, ngõ 191/46, đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội

2. Ông Lê Thành Anh

Sinh ngày: 21/11/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 012968200 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/05/2007

HKTT: 58/156 phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

3. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh Tùng

Trụ sở: Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điều 8. Các loại cổ phần

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, công ty chỉ có một loại cổ phần đó là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Trong quá trình hoạt động, công ty có thể phát hành thêm một số loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi.

3. Cổ phần ưu đãi bao gồm một số loại sau: cổ phần ưu đãi biểu quyết; cổ phần ưu đãi cổ tức; cổ phần ưu đãi hoàn lại; và cổ phần ưu đãi khác theo pháp luật về chứng khoán và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm phát hành.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 14 của Điều lệ này hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm phát hành cổ phiếu huy động vốn có quy định khác;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 23 của Điều lệ này;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

HOA
TY
VN
IT T
HỆ
NG
TP.

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên cần bầu thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại hội đồng cổ đông quy định tại thời điểm phát hành. Chỉ có cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có quyền sau đây:

a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền sau đây:

a) Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;

c) Quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 của Điều lệ này.

Điều 12. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 của Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.
8. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

1. Tại thời điểm đăng ký thành lập công ty, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng

lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

3. Các hạn chế quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:

- a) Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- b) Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập.

Điều 15. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- e) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu
- g) Các nội dung khác đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi quy định trong luật doanh nghiệp (nếu có).

2. Cổ đông của công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Trong thời hạn 07 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hợp lệ hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành cổ phiếu) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần của công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 16. Chứng chỉ chứng khoán khác

Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của công ty được phát hành theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát hành, phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 18. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Việc chào bán cổ phần của công ty ngoài việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 19. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán

cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;
3. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 20. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ, đúng hạn đã gây ra cho công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định của Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 21. Chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng quy định tại khoản 2, Điều 14 của Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm phát hành cổ phiếu huy động vốn và được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại

diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được Hội đồng quản trị chấp thuận và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 23. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

5. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải

cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã thanh toán cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 26. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân, được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần của công ty được ủy quyền tối đa cho 01 người đại diện.

b) Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần của công ty có thể ủy quyền tối đa cho 02 người đại diện.

c) Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần của công ty trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện.

3. Trường hợp cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số cổ đông; số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; địa chỉ thường trú/trụ sở chính của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

đ) Họ, tên, chữ ký của cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông là công ty có cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản quản lý công ty (Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) làm người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó tại công ty.

24
NG
PH
A P
G N
V L

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Bộ máy quản trị, điều hành công ty được tổ chức theo mô hình sau đây:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc;
5. Các phòng, ban chức năng, đơn vị trực thuộc.

Mục I

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển công ty, kế hoạch kinh doanh của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 71 của Điều lệ này;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ

tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu

cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 33. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp

2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

3. Thông báo mời họp và tài liệu gửi kèm được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Các cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông tải tài liệu họp từ trang thông tin điện tử của công ty để sử dụng theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp. Thông báo mời họp và tài liệu gửi kèm đồng thời được gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.

118
Y
I
TR
H
G

Điều 34. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự như cuộc họp đại hội đồng cổ đông thông thường.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

Điều 37. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thủ tục họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa phiên họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến

muốn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào các tình trạng "tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến" cho từng vấn đề vào phiếu biểu quyết. Khi thực hiện biểu quyết xong, cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.

Điều 38. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với họp trực tuyến. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn hình thức họp cho phù hợp.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 39. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

d) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 43. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 44. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các chức danh khác tương đương; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp bầu thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ tương ứng.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Phải là cổ đông hoặc là người đại diện ủy quyền của cổ đông của công ty;

c) Có trình độ trung cấp trở lên, hiểu biết pháp luật;

d) Có kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 04 ứng viên.

010
CỔ
CỔ
TƯ V
CỔ N
VÀ
V K

đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 05 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.

5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị là người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Có đề nghị của Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời

hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đầy đủ, đúng như quy định.

Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện như sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu gửi văn bản yêu cầu đến người quản lý được yêu cầu. Văn bản yêu cầu phải có đầy đủ các nội dung: họ, tên, chức vụ người yêu cầu; họ, tên, chức vụ người được yêu cầu; thông tin, tài liệu yêu cầu cung cấp; mục đích sử dụng thông tin, tài liệu; thời hạn cung cấp.

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu được gửi trực tiếp đến người quản lý được yêu cầu hoặc gửi về trụ sở chính của công ty; bộ phận văn thư công ty có trách nhiệm chuyển văn bản này đến người quản lý được yêu cầu ngay trong ngày nhận được văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp cần gia hạn thời gian cung cấp thông tin, tài liệu thì người quản lý được yêu cầu phải có văn bản xin gia hạn thời gian cung cấp gửi đến thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu trước khi thời hạn cung cấp kết thúc ít nhất 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do xin gia hạn và kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xin gia hạn là có cơ sở.

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

Thành viên Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp nói tại khoản này chính thức bị miễn nhiệm (không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị) kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm.

2. Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị thì cổ đông đó có thể cử người đại diện ủy quyền khác thay thế; khi đó, người đại diện ủy mới của cổ đông sẽ được công nhận là thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn thành viên Hội đồng quản trị thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.

Mọi nghị quyết của Hội đồng quản trị có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là hợp pháp, nếu thành viên Hội đồng quản trị thay thế không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sau đó.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ liên tục quá một nửa thời hạn của nhiệm kỳ thì sẽ bị miễn nhiệm toàn bộ các thành viên của nhiệm kỳ đó; Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành họp để bầu lại toàn bộ số thành viên Hội đồng quản trị này theo trình tự thủ tục chung.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật, Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty thì sẽ bị bãi nhiệm ngay lập tức kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra

vấn bản kết luận sau khi đã tập hợp đầy đủ bằng chứng chứng minh về hành vi sai phạm của thành viên đó mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết bãi nhiệm, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 của Điều này, theo đề nghị của trên một nửa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với bất kể thành viên Hội đồng quản trị nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

Điều 52. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 53. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác của Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, nhiệm kỳ, số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định khi thành lập. Người đứng đầu mỗi tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị, ưu tiên là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Điều 54. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và giải quyết các công việc khác liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Phụ trách công tác chuẩn bị cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về trình tự, thủ tục tiến hành các cuộc họp, ban hành các nghị quyết, quyết định của công ty;

d) Tham dự các cuộc họp của công ty;

d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Phụ trách công tác công bố thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3

GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 55. Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính của công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bỏ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quan lý cấp cao của công ty, gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác, Luật sư của công ty.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương, thưởng của Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 56. Phó giám đốc

1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một (hoặc một số) người làm Phó giám đốc công ty. Phó giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty trong từng lĩnh vực công tác theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công, ủy quyền.

Phó giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn, đề xuất để Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi đã tham khảo ý kiến của Giám đốc.

2. Phó giám đốc được ký thay Giám đốc đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Giám đốc thuộc phạm vi, lĩnh vực công tác thường xuyên đã được Giám đốc phân công; và các văn bản thuộc lĩnh vực công tác khác nếu được Giám đốc ủy quyền bằng văn bản tại thời điểm ký.

Điều 57. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm.

2. Kế toán trưởng có quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật về Kế toán, Điều lệ công ty và các quy phạm quản lý nội bộ do công ty ban hành.

Điều 58. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Thư ký công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 59. Cán bộ quản lý khác

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty trong từng thời điểm, Giám đốc xây dựng phương án nhân sự cụ thể để trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, quyết định.

Mục 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 60. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát công ty có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Phiên họp Ban kiểm soát chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02/03 Kiểm soát viên tham dự.

4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, đại diện tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính của công ty tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

5. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung hợp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên Kiểm soát viên dự họp; họ, tên Kiểm soát viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng Kiểm soát viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Kiểm soát viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và Kiểm soát viên tham dự.

Chủ tọa, người ghi biên bản và Kiểm soát viên tham dự phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 61. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc công ty và người quản lý khác của công ty;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- e) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty hoặc công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.

Điều 62. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
- c) Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên;
- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập;
- e) Ký các văn bản của Ban kiểm soát;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có người được ủy quyền thì Kiểm soát viên có số phiếu trúng cử cao nhất trong số những Kiểm soát viên còn lại sẽ giữ chức Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

4. Trưởng Ban kiểm soát có thể bị bãi miễn theo quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến

ngợi về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

19. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 64. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

a) Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu gửi văn bản yêu cầu đến người quản lý được yêu cầu. Văn bản yêu cầu phải có đầy đủ các nội dung: họ, tên, chức vụ người yêu cầu; họ, tên, chức vụ người được yêu cầu; thông tin, tài liệu yêu cầu cung cấp; mục đích sử dụng thông tin, tài liệu; thời hạn cung cấp.

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu được gửi trực tiếp đến người quản lý được yêu cầu hoặc gửi về trụ sở chính của công ty; bộ phận văn thư công ty có trách nhiệm chuyển văn bản này đến người quản lý được yêu cầu ngay trong ngày nhận được văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; trường hợp cần gia hạn thời gian cung cấp thông tin, tài liệu thì người quản lý được yêu cầu phải có văn bản xin gia hạn thời gian cung cấp gửi đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có yêu cầu trước khi thời hạn cung cấp kết thúc ít nhất 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do xin gia hạn và kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xin gia hạn là có cơ sở.

Điều 65. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 66. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 67. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Kiểm soát viên là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

Kiểm soát viên thuộc các trường hợp nói tại khoản này chính thức bị miễn nhiệm (không còn tư cách Kiểm soát viên) kể từ thời điểm Ban kiểm soát họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm.

2. Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần của Kiểm soát viên thì cổ đông đó có thể cử người đại diện ủy quyền khác thay thế; khi đó, người đại diện ủy mới của cổ đông sẽ được công nhận là Kiểm soát viên mới thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Ban kiểm soát họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, Kiểm soát viên thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn Kiểm soát viên thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.

Mọi nghị quyết của Ban kiểm soát có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là hợp pháp, nếu thành viên Ban kiểm soát thay thế không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sau đó.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên đối với bất kể Kiểm soát viên nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

Mục 5

MINH BẠCH LỢI ÍCH

Điều 68. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan (*Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu*) của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 69. Nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 68 của Điều lệ này

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 71. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn nếu Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 39 của Điều lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 72. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những

sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của công ty hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG IV

LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 73. Tuyển dụng lao động

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng, trả lương và các chế độ, phúc lợi xã hội khác cho lao động theo thẩm quyền đã được quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của công ty. Giám đốc có quyền đề ra Nội quy công ty, các nhân viên công ty phải tuân thủ theo Nội quy công ty. Nội quy này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị trước khi áp dụng.

3. Hàng năm, Giám đốc phải lập kế hoạch về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội và các khoản phúc lợi xã hội khác đối với cán bộ quản lý thuộc quyền và người lao động để Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 74. Công đoàn

Công ty tôn trọng quyền và tạo điều kiện thuận lợi để cho người lao động tham gia hoạt động công đoàn, đoàn thể theo quy định của pháp luật. Công ty bảo đảm trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ

Điều 75. Phân phối lợi nhuận

Hàng năm, lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ được phân phối như sau:

1. Bù lỗ năm trước.
2. Trích lập các quỹ.
 - Quỹ đầu tư phát triển;
 - Quỹ phúc lợi tập thể.
3. Trả cổ tức.

Việc trích lập các quỹ, trả cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 76. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi được quy định tại Nghị quyết phát hành cổ phần ưu đãi của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

8. Trường hợp việc cổ tức trái với quy định tại Điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 77. Xử lý lỗ

Hàng năm, nếu phát sinh lỗ trong kinh doanh, công ty sẽ sử dụng lợi nhuận của năm sau để bù lỗ cho năm trước, trích quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ. Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn biện pháp xử lý lỗ cụ thể khi phát sinh lỗ và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.

CHƯƠNG VI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 78. Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam, Ngân hàng nước ngoài để thực hiện các giao dịch về tài chính thông qua tài khoản của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 79. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 80. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyên đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

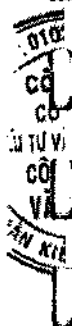
CHƯƠNG VII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 81. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;



- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 82. Công bố thông tin

Công ty phải thực hiện đúng các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 83. Kiểm toán công ty

1. Tại phiên họp thường niên hằng năm, theo đề xuất của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty được tham dự các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, được nhận các văn bản, tài liệu liên quan đến phiên họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính.

CHƯƠNG IX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 84. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 1. Công ty bị giải thể;



2. Công ty phá sản;
3. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 85. Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 86. Thanh lý

1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 05 thành viên, gồm có: 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 02 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ban thanh lý thay mặt công ty để thực hiện tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của công ty;

e) Phần tiền còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các chi phí, các khoản nợ nói tại điểm a, b, c, d của khoản này sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 87. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

1. Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm công ty, người quản lý công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;

b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

4580
CÔNG TY
PHÂN
PHÁT
NGH
LANG
M - 1

c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của công ty;

d) Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể công ty;

đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 88. Phá sản công ty

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG X

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 89. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a) Cổ đông với công ty; hoặc

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác của công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải nói tại Khoản 1 của Điều này không thành thì các bên có tranh chấp đều có quyền đưa vụ việc tranh chấp ra Trung tâm trọng tài Thương mại hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi công ty đặt trụ sở chính để giải quyết theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 90. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm có 11 Chương, 90 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc chữ ký của tối thiểu trên một nửa tổng số thành viên Hội đồng quản trị của công ty thì mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN HỮU THUẬN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 08 tháng 10 năm 2021.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Không có sự kiện sau ngày khóa sổ cần công bố trên Báo cáo tài chính

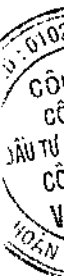
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 23/09/2021)
Ông Đặng Việt Mạnh	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm 23/9/2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Viêt	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23/9/2021)
Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23/9/2021)
Bà Khương Thị Phương Uyên	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23/9/2021)



Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban (Từ nhiệm ngày 10/5/2021)
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên (Từ nhiệm ngày 28/5/2021)
Ông: Ngô Quốc Cường	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 23/9/2021)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/01/2021)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/01/2021)
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2021)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Hữu Thuận – Giám đốc công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022



Nguyễn Hữu Thuận

15907
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN LANG
HÀ NỘI



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*

Kính gửi:

Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn lang được lập ngày 21 tháng 01 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 3318 quyền số: 01SCT/BS
Ngày: 15-09-2022

Trần Thị Hạnh
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0726-2018-133-1

Hoàng Thị Khánh Vân
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 0371-2018-133-1



**TUQ. CHỦ TỊCH
CÁN BỘ TƯ PHÁP**
Đinh Thị Thanh Mai



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.699.931.706	10.741.819.315
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	294.090.840	1.920.405.851
1. Tiền	111		294.090.840	1.920.405.851
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	11.824.220.000	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.824.220.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.500.178.281	2.346.364.195
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	940.714.600	1.703.183.259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	30.000.000	3.711.220
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	3.652.363.681	737.469.716
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(122.900.000)	(98.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	9	-	459.607.988
1. Hàng tồn kho	141		-	459.607.988
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.442.585	15.441.281
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.187.552	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14a	8.255.033	15.441.281
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.560.291.482	5.103.166.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.400.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	58.400.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.753.065.002	940.227.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753.454.249)	(753.454.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.753.065.002	940.227.522
- Nguyên giá	228		5.976.711.273	989.713.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(223.646.271)	(49.485.660)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	2.741.090.000	4.124.044.818
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.741.090.000	4.124.044.818
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.736.480	28.894.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	7.736.480	28.894.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.260.223.188	15.844.985.775

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.529.199.666	241.783.556
I. Nợ ngắn hạn	310		4.529.199.666	241.783.556
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	415.821.154	3.180.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	494.290.000	51.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.337.666.726	186.694.570
4. Phải trả người lao động	314		536.537.860	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	598.504.400	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	145.670.540	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		708.986	708.986
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.731.023.522	15.603.202.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	20.731.023.522	15.603.202.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.800.000.000	10.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.800.000.000	10.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		174.697.520	174.697.520
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.151.046.342	3.151.046.342
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.605.279.660	1.477.458.357
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		937.458.357	1.463.415.128
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.667.821.303	14.043.229
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.260.223.188	15.844.985.775

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Lê Thị Chung

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	14.454.237.799	7.788.843.167
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		14.454.237.799	7.788.843.167
4. Giá vốn hàng bán	11	23	3.405.697.161	3.516.807.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.048.540.638	4.272.035.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	87.603.762	582.349.295
7. Chi phí tài chính	22	25	2.877.000	9.582.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.877.000	
8. Chi phí bán hàng	24	27	127.429.600	156.870.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	3.970.754.583	4.654.123.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.035.083.217	33.808.696
11. Thu nhập khác	31	29	1.200.000	750.000
12. Chi phí khác	32	30	31.562.407	4.992.779
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(30.362.407)	(4.242.779)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.004.720.810	29.565.917
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.336.899.507	12.136.824
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.667.821.303	17.429.093
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.247,98	2,92
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Kế toán trưởng



Lê Thị Chung

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Phương pháp gián tiếp****Năm 2021**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.004.720.810	29.565.917
2. Điều chỉnh cho các khoản		114.333.849	(659.843.038)
- Khấu hao tài sản cố định	02	174.160.611	49.485.660
- Các khoản dự phòng	03	24.900.000	(126.979.403)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(87.603.762)	(582.349.295)
- Chi phí lãi vay	06	2.877.000	
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.119.054.659	(630.277.121)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.293.115.390)	(52.333.511)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	21.904.715	148.827
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.961.098.047	(552.035.782)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	21.157.640	247.069.276
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(11.824.220.000)	968.601.835
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.458.444)	(268.914.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.007.578.773)	(287.741.400)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.166.340.000)	(1.385.381.727)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.000.000.000	1.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.603.762	533.891.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.921.263.762	648.509.962
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.000.000.000	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(540.000.000)	(1.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	460.000.000	(1.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.626.315.011)	(1.151.231.438)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.920.405.851	3071637289
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	294.090.840	1.920.405.851

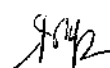
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Lê Thị Chung

Giám đốc



Hữu Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 08 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 10.800.000.000 đồng. (Bằng chữ: Mười tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn./).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 1.080.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 8 người

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm và Giáo dục

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho hàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Lập trình máy tính. Chi tiết: Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: buôn bán máy tính.
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Giáo dục không theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng; Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng marketing, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,....

Các thông tin khác

Năm 2021 Công ty đã bổ sung ngành nghề kinh doanh giáo dục (Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng marketing, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,....), do vậy doanh thu năm 2021 tăng đáng kể so với năm 2020.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được

căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 – 10 năm |

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 5% đối với hoạt động cài đặt, xây dựng bảo trì phần mềm tin học, xây dựng website.
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động, dịch vụ khác

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	15.758.489		260.203.370	
Tiền gửi ngân hàng không năm hạn	278.332.351		1.660.202.481	
	294.090.840		1.920.405.851	

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty	Số cuối năm			Số đầu năm	
	SL	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần tập đoàn CEO	149.900	6.847.890.000			
Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng	58.600	4.976.330.000			
Cộng		11.824.220.000			

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	#REF!		#REF!	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	6.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	3.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Ba Đình	-	-	3.000.000.000	-
Cộng	-	-	6.000.000.000	-

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	320.400.000		798.000.000	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	298.314.600		135.446.259	
Các khách hàng khác	322.000.000		769.737.000	
	940.714.600		1.703.183.259	

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	30.000.000		-	
Công ty TNHH Viettel - CHT	-		3.000.000	
Các khách hàng khác	-		711.220	
Cộng	30.000.000		3.711.220	

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	3.652.363.681	-	737.469.716	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.243.426	-
Tạm ứng	3.644.963.681	-	507.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	7.400.000	-	229.226.290	-
b. Dài hạn	58.400.000	-	10.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	58.400.000	-	10.000.000	-
Cộng	3.710.763.681	-	746.226.290	-

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	9.900.000	-	-
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	15.000.000	-	-
Cộng	181.000.000	122.900.000	98.000.000	98.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang	-	-	459.607.988	-
	-	-	459.607.988	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 753.454.249 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phân mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	989.713.182	989.713.182
Số tăng trong năm	4.986.998.091	4.986.998.091
- Mua trong năm	4.986.998.091	4.986.998.091
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	5.976.711.273	5.976.711.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	49.485.660	49.485.660
Số tăng trong năm	174.160.611	174.160.611
- Khấu hao trong năm	174.160.611	174.160.611
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	223.646.271	223.646.271
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	940.227.522	940.227.522
Tại ngày cuối năm	5.753.065.002	5.753.065.002

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2021 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 0 VND.

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.124.044.818
Dự án phần mềm quản lý doanh nghiệp	-	4.124.044.818
- Mua sắm TSCĐ	2.741.090.000	
Quyền sử dụng đất tại Bắc Giang	2.741.090.000	
	2.741.090.000	4.124.044.818

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dài hạn	7.736.480	28.894.120
- Chi phí khác	7.736.480	28.894.120
+ Dịch vụ cloud server	7.736.480	28.894.120
Cộng	7.736.480	28.894.120

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	330.026.616	330.026.616		
Phải trả người bán khác	85.794.538	85.794.538	3.180.000	3.180.000
	415.821.154	415.821.154	3.180.000	3.180.000

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Học viên nộp tiền tham gia các khóa học	451.390.000	
Người mua trả tiền trước khác	42.900.000	51.200.000
Cộng	494.290.000	51.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
 1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

0
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	28.193.567	12.792.961	40.986.528	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.441.281	-	1.336.899.507	13.458.444	-	1.307.999.782
Thuế Thu nhập cá nhân	-	158.501.003	228.247.083	395.003.119	8.255.033	-
Các loại thuế khác	-	-	29.666.944	-	-	29.666.944
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.349.592	10.349.592	-	-
Cộng	15.441.281	186.694.570	1.617.956.087	459.797.683	8.255.033	1.337.666.726

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Lãi vay	2.877.000	-
- Chi phí bản quyền bài giảng	520.584.000	-
- Thuê chuyên gia Chăm sóc phần mềm	25.043.400	-
- Khác	50.000.000	-
Cộng	598.504.400	-
18. PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	22.668.448	-
Bảo hiểm xã hội	6.134.592	-
Bảo hiểm y tế	1.102.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	245.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.520.000	-
<i>Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK (tiền sách thu hộ)</i>	<i>106.220.000</i>	
<i>Thù lao HDQT</i>	<i>9.300.000</i>	
Cộng	145.670.540	-

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Vay cá nhân	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Cao Thị Ngọc Hà	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-

Chi tiết hợp đồng vay:

- Khế ước vay vốn số 01/2021/KUVV-VLA ngày 16/12/2021 và Phụ lục khế ước vay vốn số 01/2021/PLKUVV-VLA ngày 30/12/2021 với Bà Cao Thị Ngọc Hà
- + Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng
- + Thời hạn vay: Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 30/3/2022
- + Lãi suất: 7%/năm
- + Mục đích vay tiền: Bỏ sung vốn lưu động
- Số dư tại thời điểm 31/12/2021: 1.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VẠN LANG

1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	2.972.029.264	17.097.773.126
- Lãi trong năm trước	-	-	-	17.429.093	17.429.093
- Cổ tức	-	-	-	(1.512.000.000)	(1.512.000.000)
Số dư cuối năm trước	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	1.477.458.357	15.603.202.219
Số dư đầu năm nay	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	1.477.458.357	15.603.202.219
- Lãi trong năm nay	-	-	-	5.667.821.303	5.667.821.303
- Chia cổ tức	-	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Số dư cuối năm	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	6.605.279.660	20.731.023.522

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Ông Đặng Trọng Khang	2.698.000.000	24,98%	2.698.000.000	24,98%
Ông Nguyễn Hữu Thuận	1.080.000.000	10,00%	-	0,00%
Ông Nguyễn Thành Tiến	981.000.000	9,08%	981.000.000	9,08%
Bà Nguyễn Thu Hà	725.000.000	6,71%	725.000.000	6,71%
Công ty Cổ phần Bất động sản cho thuê Minh Bảo Tín	500.000.000	4,63%	1.192.000.000	11,04%
Công ty TNHH Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	0,00%	1.080.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	4.816.000.000	44,59%	4.124.000.000	38,19%
	10.800.000.000	100,00%	10.800.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	10.800.000.000	10.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	540.000.000	1.512.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>540.000.000</i>	<i>1.512.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:	540.000.000	1.512.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>540.000.000</i>	<i>1.512.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.080.000	1.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.080.000	1.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.080.000</i>	<i>1.080.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.080.000</i>	<i>1.080.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	3.151.046.342	3.151.046.342

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (Phần mềm)	1.907.641.804	1.925.256.500
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)	12.537.870.000	5.863.586.667
- Doanh thu hoạt động khác	8.725.995	
	14.454.237.799	7.788.843.167

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm (Phần mềm)	1.907.641.804	1.925.256.500
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)	12.537.870.000	5.863.586.667
- Doanh thu hoạt động khác	8.725.995	-
	14.454.237.799	7.788.843.167

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	1.547.877.824	1.280.346.491
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.857.819.337	2.236.461.501
	3.405.697.161	3.516.807.992

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	87.603.762	431.581.689
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	102.310.000
- Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	48.457.606
	87.603.762	582.349.295

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	2.877.000	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	7.000.000
- Chi phí tài chính khác	-	2.582.590
	2.877.000	9.582.590

26. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	356.983.920	61.945.455
- Chi phí nhân công	4.602.367.568	5.106.346.363
- Chi phí khấu hao	174.160.611	49.485.660
- Chi phí dự phòng	24.900.000	(6.000.000)
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.707.453.979	275.106.344
- Chi phí khác bằng tiền	634.801.814	712.916.934
Cộng	7.503.667.892	6.202.800.756

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác bằng tiền	127.429.600	156.870.000
Cộng	127.429.600	156.870.000

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	3.040.468.346	3.829.228.334
- Chi phí dự phòng	24.900.000	(6.000.000)
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.824.954	271.847.916
- Chi phí khác bằng tiền	461.561.283	556.046.934
	3.970.754.583	4.654.123.184

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	1.200.000	750.000
	1.200.000	750.000

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, chậm nộp thuế, chậm nộp tờ khai thuế,...	5.829.616	4.992.779
- Chi phí các dự án đã kết thúc từ những năm trước	22.881.995	-
- Chi phí khác	2.850.796	-
	31.562.407	4.992.779

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thông thường		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.489.467.055	(196.158.356)
Các khoản điều chỉnh tăng	48.362.407	-
<i>lãi phạt chậm nộp tờ khai</i>	5.829.616	-
<i>Thu lao HĐQT k chuyên trách</i>	16.800.000	-
<i>Chi phí các năm trước</i>	25.732.791	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.537.829.462	(196.158.356)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	1.307.565.892	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	515.253.755	225.724.273
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	515.253.755	225.724.273
Chi phí thuế TNDN hiện hành (5%)	25.762.688	11.286.214
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	-	(4.236.474)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	3.570.927	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.336.899.507	7.049.740

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.090.840	-	1.920.405.851	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.651.478.281	122.900.000	2.450.652.975	98.000.000
Đầu tư ngắn hạn	11.824.220.000	-	6.000.000.000	-
	16.769.789.121	122.900.000	10.371.058.826	98.000.000
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Vay và nợ			1.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác			561.491.694	3.180.000
Chi phí phải trả			598.504.400	-
			2.159.996.094	3.180.000

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.090.840			294.090.840
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.593.078.281	58.400.000		4.651.478.281
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	11.824.220.000			11.824.220.000
Đầu tư dài hạn				-
	16.711.389.121	58.400.000	-	16.769.789.121

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	1.920.405.851			1.920.405.851
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.440.652.975	10.000.000		2.450.652.975
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000			6.000.000.000
Đầu tư dài hạn				-
	10.361.058.826	10.000.000	-	10.371.058.826

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.000.000.000	-		1.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	561.491.694	-		561.491.694
Chi phí phải trả	598.504.400	-		598.504.400
	2.159.996.094	-	-	2.159.996.094



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.180.000	-	-	3.180.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	3.180.000	-	-	3.180.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.907.641.804	12.537.870.000	8.725.995		14.454.237.799
Chi phí bộ phận	1.547.877.824	1.857.819.337			3.405.697.161
Kết quả kinh doanh bộ phận	359.763.980	10.680.050.663	8.725.995		11.048.540.638
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					4.098.184.183
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.950.356.455
Doanh thu hoạt động tài chính					87.603.762
Chi phí tài chính					2.877.000
Thu nhập khác					1.200.000
Chi phí khác					31.562.407
Thuế TNDN hiện hành					1.336.899.507
Lợi nhuận sau thuế					5.667.821.303

36. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2021 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Nguyễn Thành Tiến	6.000.000	
Nguyễn Hữu Thuận	4.800.000	237.712.000
Nguyễn Văn Đức	3.600.000	
Trần Quang Thịnh	3.600.000	
Đặng Viết Mạnh	3.600.000	244.800.000
Cộng	21.600.000	482.512.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

37. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang hoạt động kinh doanh liên tục.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Mai Lan

Kế toán trưởng



Lê Thị Chung



Giám đốc

Nguyễn Hữu Thuận



Số: 46 /2023/VLA-CV

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

(V/v: *Đính chính Báo cáo tài chính
kiểm toán năm 2021 của VLA*)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (VLA) xin gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được Công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện kiểm toán và ban hành theo Báo cáo số 58/BCKT/TC ngày 21/1/2022 đã được công bố thông tin.

Do sơ suất trong quá trình tổng hợp thông tin để lập báo cáo, VLA đã công bố thiếu thông tin về số dư công nợ và giao dịch với các bên liên quan gồm: Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK (*Chủ tịch của VLA và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK có quan hệ vợ chồng*) và ông Nguyễn Hữu Thuận (*Giám đốc VLA*). Việc thực hiện hạch toán kế toán về giao dịch trên đã được thực hiện đúng và đầy đủ tại thời điểm giao dịch.

Bằng công văn này, VLA đính chính và công bố bổ sung thông tin trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại thuyết minh số 36 trang 34 Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của VLA, như sau:

1. Thông tin thuyết minh số 36 của Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán trước đính chính

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2021 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Nguyễn Thành Tiến	6.000.000	
Nguyễn Hữu Thuận	4.800.000	237.712.000
Nguyễn Văn Đức	3.600.000	
Trần Quang Thịnh	3.600.000	
Đặng Việt Mạnh	3.600.000	244.800.000
Cộng	21.600.000	482.512.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

2. Thuyết minh số 36 Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán sau khi bổ sung và đính chính

- Bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh Và Đầu Tư Thực Tế Nik	Thành viên chủ chốt có quan hệ mật thiết
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc Công ty

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2021 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Nguyễn Thành Tiến	6.000.000	
Nguyễn Hữu Thuận	4.800.000	237.712.000
Nguyễn Văn Đức	3.600.000	
Trần Quang Thịnh	3.600.000	
Đặng Viết Mạnh	3.600.000	244.800.000
Cộng	21.600.000	482.512.000

- Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2021	Năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Thuận		
Tạm ứng	3.643.641.500	-
Hoàn tạm ứng	12.399.000	-

Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK

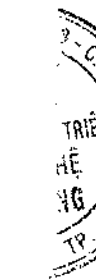
- Dịch vụ quản lý vận hành (chưa bao gồm VAT)	649.979.782	-
- Mua sách (chưa bao gồm VAT)	84.913.920	-
- VLA thanh toán tiền cho NIK	474.110.760	-

Số dư công nợ với các bên liên quan

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Ông Nguyễn Hữu Thuận		
Tạm ứng	3.631.242.500	-

Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK

Phải trả người bán	330.026.616	-
Phải trả ngắn hạn khác – tiền sách thu hộ	106.220.000	-



	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị chưa thanh toán	9.300.000	-
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch HĐQT	1.500.000	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Phó Chủ tịch HĐQT	1.200.000	-
Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT	900.000	-
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy - Ủy viên HĐQT	900.000	-
Ông Trần Quang Thịnh - Ủy viên HĐQT	900.000	-
Ông Nguyễn Văn Thọ - Thư ký HĐQT	900.000	-
Ban Kiểm soát		
Bà Hoàng Thị Việt - Trưởng Ban Kiểm soát	1.200.000	-
Ông Nguyễn Huy Bảo - Thành viên Ban Kiểm soát	900.000	-
Bà Khương Thị Phương Uyên - Thành viên Ban Kiểm soát	900.000	-

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác./.

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 không thay đổi.

Công văn này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

Trân trọng./.

CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

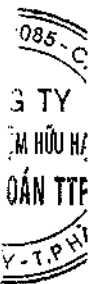
Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu HCNS, TCK.



Nguyễn Hữu Thuận



Xác nhận của đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán TTP:

Chúng tôi xác nhận nội dung Thuyết minh Báo cáo tài chính theo định chính nêu tại Công văn số 46/2023/VLA-CV ngày 17 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (VLA) là phù hợp số liệu kế toán và các bằng chứng kiểm toán mà VLA cung cấp cho Chúng tôi. **Đồng thời ý kiến trên báo cáo kiểm toán của chúng tôi đối với báo cáo tài chính năm năm 2021 không thay đổi.**

Phó Tổng giám đốc



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 27 -07- 2023
4136 - 01

Số:.....Quyển:.....-SCT/BS

Trần Thị Hạnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kim Duyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 38

24890
CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ
VĂN LANG
KIỂM -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Không có sự kiện sau ngày khóa sổ cần công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên ban kiểm soát
Bà Khuông Thị Phương Uyên	Thành viên ban kiểm soát



Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thuận

Giám đốc

Bà Nguyễn Thu Hà

Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán

Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 41/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*

Kính gửi:

Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được lập ngày 17 tháng 02 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023



Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Hạnh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0726 -2023 -133



Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 1474-2021-133-1



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Bích Châu

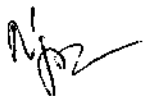
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.306.814.864	16.699.931.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.669.700.282	294.090.840
1. Tiền	111		2.669.700.282	294.090.840
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2.745.596	11.824.220.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.297.034	11.824.220.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.551.438)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.410.584.583	4.500.178.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	586.893.200	940.714.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	65.921.088	30.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	1.926.270.295	3.652.363.681
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(168.500.000)	(122.900.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	34.000.000	-
1. Hàng tồn kho	141		34.000.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.784.403	81.442.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	12.606.796	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		177.177.607	73.187.552
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	8.255.033
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.907.456.130	8.560.291.482
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.400.000	58.400.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8b	58.400.000	58.400.000
II. Tài sản cố định	220		841.256.130	5.753.065.002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753.454.249)	(753.454.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	841.256.130	5.753.065.002
- Nguyên giá	228		989.713.110	5.976.711.273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(148.456.980)	(223.646.271)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	18.007.800.000	2.741.090.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.007.800.000	2.741.090.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	7.736.480
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	-	7.736.480
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.214.270.994	25.260.223.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.497.397.094	4.529.199.666
I. Nợ ngắn hạn	310		2.497.397.094	4.529.199.666
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	278.616.240	415.821.154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	-	494.290.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.202.475.944	1.337.666.726
4. Phải trả người lao động	314		345.654.048	536.537.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	512.728.095	598.504.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	58.959.448	145.670.540
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	1.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		98.963.319	708.986
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.716.873.900	20.731.023.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	23.716.873.900	20.731.023.522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.979.980.000	10.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.979.980.000	10.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	174.697.520
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	3.151.046.342
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.736.893.900	6.605.279.660
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		97.687.096	937.458.357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.639.206.804	5.667.821.303
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.214.270.994	25.260.223.188

Người lập biểu



Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	32.478.571.750	14.454.237.799
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	32.478.571.750	14.454.237.799
4. Giá vốn hàng bán	11	24	11.502.375.986	3.405.697.161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.976.195.764	11.048.540.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.309.827.485	87.603.762
7. Chi phí tài chính	22	26	4.157.792.214	2.877.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.592.863	2.877.000
8. Chi phí bán hàng	24	27	8.183.619.910	127.429.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	4.153.378.478	3.970.754.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		8.791.232.647	7.035.083.217
11. Thu nhập khác	31	29	13.416.617	1.200.000
12. Chi phí khác	32	30	4.210.492.233	31.562.407
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.197.075.616)	(30.362.407)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.594.157.031	7.004.720.810
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	954.950.227	1.336.899.507
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.639.206.804	5.667.821.303
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.764,69	5.247,98
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

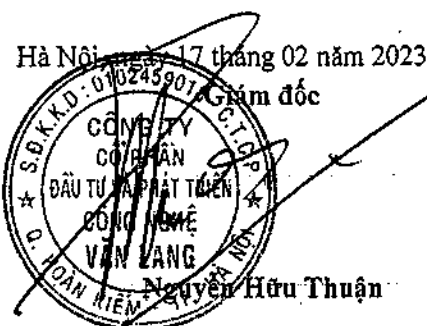


Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.594.157.031	7.004.720.810
2. Điều chỉnh cho các khoản		4.294.505.688	114.333.849
- Khấu hao tài sản cố định	02	298.835.562	174.160.611
- Các khoản dự phòng	03	48.151.438	24.900.000
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04	3.942.925.825	(87.603.762)
- Chi phí lãi vay	06	4.592.863	2.877.000
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.888.662.719	7.119.054.659
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.689.348.676	(2.293.115.390)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(34.000.000)	21.904.715
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(857.235.864)	1.961.098.047
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.870.316)	21.157.640
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		11.818.922.966	(11.824.220.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.469.863)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.338.250.694)	(13.458.444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		113.356.426	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.102.093)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		23.253.361.957	(5.007.578.773)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(18.007.800.000)	(3.166.340.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	468.000.000	
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	6.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	202.047.485	87.603.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.337.752.515)	2.921.263.762

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

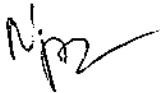
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	34	(540.000.000)	(540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.540.000.000)	460.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.375.609.442	(1.626.315.011)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	294.090.840	1.920.405.851
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.669.700.282	294.090.840

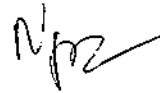
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

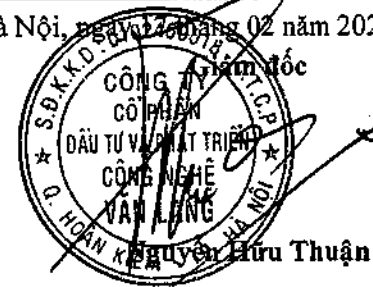
Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



Hà Diệu Ngọc



Nguyễn Hữu Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 7 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 19.979.980.000 đồng. (Bằng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm bảy chín triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng./.).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 1.997.998 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 18 người

Lĩnh vực kinh doanh chính: Giáo dục

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

+ Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,....

+ Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng;

+ Các dịch vụ dạy kèm (Gia sư);

+ Giáo dục dự bị;

+ Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;

+ Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;

+ Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;

+ Dạy đọc nhanh;

+ Đào tạo về sự sống;

+ Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;

+ Dạy máy tính

(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chúng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chúng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chúng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chúng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chúng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 – 10 năm |

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kip thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động cài đặt, xây dựng bảo trì phần mềm tin học, xây dựng website, cho thuê phần mềm
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động, dịch vụ khác

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và

Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18. Vấn đề khác

Bổ sung thuyết minh đầu kỳ của các bên liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu Thuận – Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại thuyết minh số 8.
- Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK - Bà Vũ Thị Hiền Nhung là vợ của Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật tại thuyết minh số 15.
- Ông Đặng Trọng Khang – Cổ đông lớn tại thuyết minh số 18.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày Báo cáo tài chính

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	721.369	15.758.489
Tiền gửi ngân hàng	2.668.978.913	278.332.351
	2.669.700.282	294.090.840

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(Chi tiết xem phụ lục I)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam	-	320.400.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Vsoft	250.000.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	97.893.200	298.314.600
Công ty Cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000
Các khách hàng khác	171.000.000	254.000.000
	586.893.200	940.714.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	-	30.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc Gia	50.000.000	-
Google	15.921.088	-
Cộng	65.921.088	30.000.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Bà Nguyễn Mai Lan	2.000.000.000	-	-	-
	2.000.000.000	-	-	-

(*) Cho vay theo Hợp đồng số 05/2022/HĐVV ngày 30/12/2022, số tiền vay 2 tỷ đồng, thời gian cho vay: 2 tháng; Lãi suất 8%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	1.926.270.295	-	3.652.363.681	-
Tạm ứng (*)	1.921.270.295	-	3.644.963.681	-
Phải thu khác ngắn hạn	5.000.000	-	7.400.000	-
b. Dài hạn	58.400.000	-	58.400.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	58.400.000	-	58.400.000	-
Cộng	1.984.670.295	-	3.710.763.681	-

(*) Chi tiết số dư tạm ứng:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Tạm ứng kinh doanh	713.580.615	3.631.242.500
Ông Nguyễn Thành Tiến - Tạm ứng kinh doanh	207.723.680	-
Ông Nguyễn Tùng Anh - Tạm ứng Marketing	440.000.000	-
Ông Hoàng Trịnh Vĩnh An - Tạm ứng Marketing	559.966.000	-
Các đối tượng khác	-	13.721.181
Cộng	1.921.270.295	3.644.963.681

Số dư bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Thành Tiến Chủ tịch HĐQT	207.723.680	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận Giám đốc	713.580.615	3.631.242.500
Bà Hoàng Thị Việt Trưởng ban kiểm soát	-	2.500.000
Cộng	921.304.295	3.633.742.500

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	16.500.000	33.000.000	-
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	16.500.000	33.000.000	9.900.000
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	25.000.000	50.000.000	15.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.000.000	12.500.000	25.000.000	-
Cộng	239.000.000	168.500.000	239.000.000	122.900.000

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hoá	34.000.000	-	-	-
	34.000.000	-	-	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối năm	753.454.249	753.454.249
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 753.454.249 VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	5.976.711.273	5.976.711.273
Số giảm trong năm	(4.986.998.163)	(4.986.998.163)
- Do thanh lý tài sản	(4.986.998.163)	(4.986.998.163)
Số cuối năm	989.713.110	989.713.110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	223.646.271	223.646.271
Số tăng trong năm	298.835.562	298.835.562
- Khấu hao trong năm	298.835.562	298.835.562
Số giảm trong năm	(374.024.853)	(374.024.853)
- Do thanh lý tài sản	(374.024.853)	(374.024.853)
Số cuối năm	148.456.980	148.456.980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	5.753.065.002	5.753.065.002
Tại ngày cuối năm	841.256.130	841.256.130

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2022 là: 0 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 0 VND.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	-	-
Quyền sử dụng đất tại Bắc Giang	-	2.741.090.000
Quyền sử dụng đất tại Quảng Ninh	18.007.800.000	-
	18.007.800.000	2.741.090.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	12.606.796	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.606.796	-
- Chi phí khác	3.000.000	-
b. Dài hạn	-	7.736.480
- Dịch vụ cloud server	-	7.736.480
	12.606.796	7.736.480

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK (*)	-	-	330.026.616	330.026.616
Công ty TNHH Hòn Kiển	56.249.640	56.249.640		
Bà Như Thị Thanh Huyền	35.480.000	35.480.000		-
Công ty TNHH Bến Phà	35.359.200	35.359.200		-
Công ty TNHH Đầu tư âm thực Sài Gòn New	28.438.000	28.438.000		-
Phải trả người bán khác	123.089.400	123.089.400	85.794.538	85.794.538
	278.616.240	278.616.240	415.821.154	415.821.154

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Trường Đào Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK (*)	Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật	-	330.026.616

(*) Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK cung cấp dịch vụ quản lý vận hành các khóa học và bán sách.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Học viên nộp tiền tham gia các khóa học	-	451.390.000
Người mua trả tiền trước khác	-	42.900.000
Cộng	-	494.290.000

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả	
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	-	3.034.726.390	3.034.726.390	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.307.999.782	959.872.341	1.338.250.694	-	-	929.621.429
Thuế Thu nhập cá nhân	8.255.033	-	352.836.380	101.393.776	-	-	243.187.571
Các loại thuế khác	-	29.666.944	379.602.293	379.602.293	-	-	29.666.944
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.446.899	1.446.899	-	-	-
Cộng	8.255.033	1.337.666.726	4.728.484.303	4.855.420.052	-	-	1.202.475.944

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Lãi vay	-	2.877.000
- Chi phí bản quyền bài giảng	512.728.095	520.584.000
- Thuê chuyên gia Chăm sóc phần mềm	-	25.043.400
- Khác	-	50.000.000
Cộng	512.728.095	598.504.400

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	512.728.095	520.584.000

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	40.359.448	22.668.448
Bảo hiểm xã hội	-	6.134.592
Bảo hiểm y tế	-	1.102.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	245.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.600.000	115.520.000
<i>Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK (tiền sách thu hộ)</i>	-	106.220.000
<i>Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát</i>	18.600.000	9.300.000
Cộng	58.959.448	145.670.540

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Trường đào tạo kinh doanh và đầu tư thực tế NIK (tiền sách thu hộ)	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật	-	106.220.000
Thù lao HĐQT			
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	1.500.000
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	2.400.000	1.200.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT	1.800.000	900.000
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT	1.800.000	900.000
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT	1.800.000	900.000
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	1.800.000	900.000
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng Ban kiểm soát	2.400.000	1.200.000
Ông Nguyễn Huy Bảo	Kiểm soát viên	1.800.000	900.000
Bà Khương Thị Phương Uyên	Kiểm soát viên	1.800.000	900.000
CỘNG		18.600.000	115.520.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngân hạn	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Vay cá nhân	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cao Thị Ngọc Hà	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-

Chi tiết hợp đồng vay:

- Khế ước vay vốn số 01/2021/KUVV-VLA ngày 16/12/2021 và Phụ lục khế ước vay vốn số 01/2021/PLKUVV-VLA ngày 30/12/2021 với Bà Cao Thị Ngọc Hà
- + Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng
- + Thời hạn vay: Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 30/3/2022
- + Lãi suất: 7%/năm
- + Mục đích vay tiền: Bổ sung vốn lưu động
- Số dư tại thời điểm 31/12/2022: 0VND

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	1.477.458.357	15.603.202.219
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5.667.821.303	5.667.821.303
- Cổ tức	-	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Số dư cuối năm trước	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	6.605.279.660	20.731.023.522
Số dư đầu năm nay	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	6.605.279.660	20.731.023.522
- Lãi trong năm	-	-	-	3.639.206.804	3.639.206.804
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
- Trích quỹ(*)	-	-	283.391.065	(396.747.491)	(113.356.426)
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại(*)	9.179.980.000	(174.697.520)	(3.434.437.407)	(5.570.845.073)	-
Số dư cuối năm	19.979.980.000	-	-	3.736.893.900	23.716.873.900

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2022/NQĐHĐCĐVL ngày 21/2/2022, trong đó: Chia cổ tức bằng tiền: 540.000.000 VND; Tăng vốn từ nguồn thặng dư, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối: 9.179.980.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Ông Đặng Trọng Khang	4.991.300.000	24,98%	2.698.000.000	24,98%
Ông Nguyễn Hữu Thuận	1.998.000.000	10,00%	1.080.000.000	10,00%
Ông Nguyễn Thành Tiến	1.814.850.000	9,08%	981.000.000	9,08%
Bà Nguyễn Thu Hà	1.341.250.000	6,71%	725.000.000	6,71%
Công ty Cổ phần Bất động sản cho thuê Minh Bảo Tín	597.550.000	2,99%	500.000.000	4,63%
Các cổ đông khác	9.237.030.000	46,23%	4.816.000.000	44,59%
	19.979.980.000	100,00%	10.800.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	9.179.980.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	19.979.980.000	10.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	540.000.000	540.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	540.000.000	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:	540.000.000	540.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:	540.000.000	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

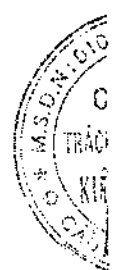
d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.997.998	1.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.997.998	1.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.997.998	1.080.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.997.998	1.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.997.998	1.080.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	-	3.151.046.342



22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	419.904.761	1.907.641.804
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)	32.058.666.989	12.537.870.000
- Doanh thu hoạt động khác		8.725.995
	32.478.571.750	14.454.237.799

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm	419.904.761	1.907.641.804
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, bảo trì PM)	32.058.666.989	12.537.870.000
- Doanh thu hoạt động khác	-	8.725.995
	32.478.571.750	14.454.237.799

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	352.644.923	1.547.877.824
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.149.731.063	1.857.819.337
	11.502.375.986	3.405.697.161

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	202.047.485	87.603.762
- Lãi từ bán các khoản đầu tư	4.107.780.000	-
	4.309.827.485	87.603.762

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	4.592.863	2.877.000
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	4.114.952.041	-
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	2.551.438	-
- Chi phí tài chính khác	35.695.872	-
	4.157.792.214	2.877.000

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	19.296.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.017.337.369	-
- Chi phí khác bằng tiền	146.986.541	127.429.600
Cộng	8.183.619.910	127.429.600

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC	41.393.030	-
- Chi phí nhân công	2.132.263.336	3.040.468.346
- Chi phí dự phòng	45.600.000	24.900.000
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.501.222.645	440.824.954
- Chi phí khác bằng tiền	429.899.467	461.561.283
	4.153.378.478	3.970.754.583

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	13.416.617	1.200.000
	13.416.617	1.200.000

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, chậm nộp thuế, chậm nộp tờ khai thuế,...	65.508.402	5.829.616
- Thanh lý tài sản cố định	4.144.973.310	-
- Chi phí các dự án đã kết thúc từ những năm trước	-	22.881.995
- Chi phí khác	10.521	2.850.796
	4.210.492.233	31.562.407

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thông		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.278.157.031	6.489.467.055
Các khoản điều chỉnh tăng	338.594.105	48.362.407
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, chậm nộp thuế, chậm nộp tờ khai thuế,...	65.508.402	5.829.616
Chi phí không có hóa đơn	166.297.404	-
Thu lao HĐQT không chuyên trách	24.000.000	16.800.000
Chi phí khác	82.788.299	25.732.791
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.616.751.136	6.537.829.462
Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	923.350.227	1.307.565.892
b. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	316.000.000	515.253.755
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	316.000.000	515.253.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành (10%)	31.600.000	25.762.688
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	3.570.927
c. Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	954.950.227	1.336.899.507

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.639.206.804	5.667.821.303
Các khoản điều chỉnh	113.356.426	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST</i>	113.356.426	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.525.850.378	5.667.821.303
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	1.997.998	1.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.764,69	5.247,98

(*): Năm 2022 công ty có thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư, lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 và các quỹ của công ty, số lượng là: 917.998 CP. Theo đó số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền năm nay được tính như sau:

Chi tiết cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm:

Ngày	Số tiền	Số lượng	Cổ phiếu bình quân
01/01/2022	10.800.000.000	1.080.000	1.080.000
01/01/2022	9.179.980.000	917.998	917.998
Tổng cộng	19.979.980.000	1.997.998	1.997.998

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.669.700.282	-	294.090.840	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.571.563.495	168.500.000	4.651.478.281	122.900.000
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	5.297.034	2.551.438	11.824.220.000	-
	7.246.560.811	171.051.438	16.769.789.121	122.900.000
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Vay và nợ			-	1.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			337.575.688	561.491.694
Chi phí phải trả			512.728.095	598.504.400
			850.303.783	2.159.996.094

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.669.700.282	-	-	2.669.700.282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.513.163.495	58.400.000	-	2.571.563.495
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.297.034	-	-	5.297.034
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	7.188.160.811	58.400.000	-	7.246.560.811

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	294.090.840	-	-	294.090.840
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.593.078.281	58.400.000	-	4.651.478.281
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	11.824.220.000	-	-	11.824.220.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	16.711.389.121	58.400.000	-	16.769.789.121

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	337.575.688	-	-	337.575.688
Chi phí phải trả	512.728.095	-	-	512.728.095
	850.303.783	-	-	850.303.783
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	561.491.694	-	-	561.491.694
Chi phí phải trả	598.504.400	-	-	598.504.400
	2.159.996.094	-	-	2.159.996.094

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm 2022 công ty có thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư, lợi nhuận để lại và các quỹ của công ty theo Nghị quyết Đại Hội cổ đông số 02/2022/NQĐHĐCĐVL ngày 21/2/2022, số tiền là: 9.179.980.000 VND. Do vậy, trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số tiền này không được phản ánh vào chỉ tiêu "Tiền thu từ phát hành cổ phiếu".

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	419.904.761	32.058.666.989	-		32.478.571.750
Chi phí bộ phận	352.644.923	11.149.731.063			11.502.375.986
Kết quả kinh doanh bộ phận	67.259.838	20.908.935.926	-		20.976.195.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					12.336.998.388
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.639.197.376
Doanh thu hoạt động tài chính					4.309.827.485
Chi phí tài chính					4.157.792.214
Thu nhập khác					13.416.617
Chi phí khác					4.210.492.233
Thuế TNDN hiện hành					954.950.227
Lợi nhuận sau thuế					3.639.206.804

37. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh & Đầu Tư Thực Tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo trong năm 2022 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch HĐQT	4.500.000	1.354.784.255
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	3.600.000	284.586.500
Ông Trần Quang Thịnh - Thành viên HĐQT	2.700.000	
Ông Phạm Nguyễn Văn Đức - Thành viên HĐQT	2.700.000	84.551.250
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy - Thành viên HĐQT	2.700.000	
Ông Nguyễn Văn Thọ - Thư ký HĐQT	2.700.000	174.201.669
Bà Nguyễn Thu Hà - Phó Giám Đốc		193.544.669
Bà Hà Diệu Ngọc - Kế toán trưởng		121.224.387
Cộng	18.900.000	2.212.892.730

- Giao dịch với bên liên quan

Họ và tên	Năm nay
Ông Nguyễn Thành Tiến	
Tạm ứng	29.200.000.000
Hoàn tạm ứng	28.992.276.320
Ông Nguyễn Hữu Thuận	
Tạm ứng	26.511.305.264
Hoàn tạm ứng	29.428.967.149
Ông Nguyễn Văn Đức	
Tạm ứng	8.046.401.500
Hoàn tạm ứng	8.046.401.500
Bà Hoàng Thị Việt	
Hoàn tạm ứng	2.500.000
Bà Hà Diệu Ngọc	
Tạm ứng	3.500.000
Hoàn tạm ứng	3.500.000
Ông Đặng Trọng Khang	
Chi phí bản quyền bài	1.952.190.000
Thanh toán chi phí bản quyền bài giảng	1.960.045.905
Công ty TNHH Trường Đào Tạo Kinh Doanh & Đầu Tư Thực Tế NIK	
Mua sách	264.244.912
Chi phí dịch vụ quản lý vận hành	2.521.048.886
Thanh toán tiền hàng	3.115.320.414

- Số dư với bên liên quan

Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số 8, 15, 18 và 19.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

38. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang hoạt động kinh doanh liên tục.

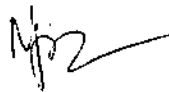
39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc

Hà Diệu Ngọc



Phụ lục số 01:

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	SL	Giá gốc	SL	Giá gốc
Đầu tư tài chính ngắn hạn	192	5.297.034	208.500	11.824.220.000
Công ty cổ phần tập đoàn CEO	-	-	149.900	6.847.890.000
Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng	192	5.297.034	58.600	4.976.330.000
Cộng	192	5.297.034	208.500	11.824.220.000

Số đầu năm

Dự phòng

Giá gốc

SL

Dự phòng

Giá gốc

SL

Dự phòng

Giá gốc

SL

Dự phòng

BẢN SAO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện sau ngày khóa sổ cần công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Huy Bảo	Thành viên ban kiểm soát
Bà Khuông Thị Phương Uyên	Thành viên ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn

mục, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

TM. Ban Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận



Số : 398 /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được lập ngày 26 tháng 07 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của đơn vị tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Hoàng Thị Khánh Vân
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0371 -2023 -133 -1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.635.363.640	7.306.814.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.872.223.211	2.669.700.282
1. Tiền	111		2.872.223.211	2.669.700.282
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	404.041.600	2.745.596
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.297.034	5.297.034
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.255.434)	(2.551.438)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.965.376.211	4.410.584.583
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	336.893.200	586.893.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	50.000.000	65.921.088
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	2.775.183.011	1.926.270.295
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(196.700.000)	(168.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	390.389.278	34.000.000
1. Hàng tồn kho	141		390.389.278	34.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.333.340	189.784.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	3.333.340	12.606.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	177.177.607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.882.713.300	18.907.456.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.400.000	58.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8b	58.400.000	58.400.000
II. Tài sản cố định	220		816.513.300	841.256.130
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		753.454.249	753.454.249
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(753.454.249)	(753.454.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	816.513.300	841.256.130
- Nguyên giá	228		989.713.110	989.713.110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(173.199.810)	(148.456.980)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	18.007.800.000	18.007.800.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.007.800.000	18.007.800.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.518.076.940	26.214.270.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
 (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.722.888.089	2.497.397.094
I. Nợ ngắn hạn	310		1.722.888.089	2.497.397.094
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	190.482.601	278.616.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	529.532.400	1.202.475.944
4. Phải trả người lao động	314		203.850.385	345.654.048
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	534.216.800	512.728.095
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	93.058.448	58.959.448
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		171.747.455	98.963.319
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.795.188.851	23.716.873.900
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	23.795.188.851	23.716.873.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.979.980.000	19.979.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.979.980.000	19.979.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		181.960.340	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.633.248.511	3.736.893.900
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.482.149.424	97.687.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		151.099.087	3.639.206.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.518.076.940	26.214.270.994

Người lập biểu

(Chữ ký)

Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Hà Diệu Ngọc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	8.889.897.832	18.348.434.176
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.889.897.832	18.348.434.176
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.834.042.981	5.004.626.793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.055.854.851	13.343.807.383
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	27.964.281	4.133.278.028
7. Chi phí tài chính	22	24	(1.296.004)	4.370.755.288
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			4.592.863
8. Chi phí bán hàng	24	25	4.663.312.562	4.819.296.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	1.232.996.354	1.894.373.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		188.806.220	6.392.661.000
11. Thu nhập khác	31	27	44.780.137	1.893.998
12. Chi phí khác	32	28	30.328.798	4.196.966.068
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		14.451.339	(4.195.072.070)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		203.257.559	2.197.588.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	52.158.472	447.745.058
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		151.099.087	1.749.843.872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	75,63	875,80
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu



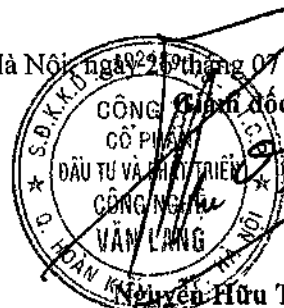
Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Hữu Thuận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Đơn vị tính: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	203.257.559	2.197.588.930
2. Điều chỉnh cho các khoản		23.682.545	8.516.528.953
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.742.830	274.092.732
- Các khoản dự phòng	03	26.903.996	4.118.368.076
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(27.964.281)	4.119.475.282
- Chi phí lãi vay	06	-	4.592.863
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	226.940.104	10.714.117.883
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	405.814.021	(19.943.262.365)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(356.389.278)	(795.113.162)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(756.129.428)	16.112.142.453
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	9.273.456	(16.280.498)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		-	4.431.411.924
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(7.469.863)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(954.950.227)	(1.338.250.694)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			113.356.426
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(17.150.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.425.441.352)	9.253.501.304
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000)	(6.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.964.281	25.498.028
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.627.964.281	(5.974.501.972)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	34	-	(540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(540.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	202.522.929	2.738.999.332
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.669.700.282	294.090.840
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.872.223.211	3.033.090.172

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu



Hà Diệu Ngọc

Kế toán trưởng



Hà Diệu Ngọc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 7 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại Phòng 1204, tòa 17 T5 – Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 19.979.980.000 đồng. (Bằng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm bảy chín triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng./.).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 1.997.998 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 15 người

Lĩnh vực kinh doanh chính: Giáo dục, tư vấn

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

- + Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ, Đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian,....
- + Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng;
- + Các dịch vụ dạy kèm (Gia sư);
- + Giáo dục dự bị;
- + Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;
- + Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;
- + Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;
- + Dạy đọc nhanh;
- + Đào tạo về sự sống;
- + Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;

+ Dạy máy tính

(Chi hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép).

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 – 10 năm |

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 20% đối với các hoạt động, dịch vụ khác

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.275.522	721.369
Tiền gửi ngân hàng	2.863.947.689	2.668.978.913
	2.872.223.211	2.669.700.282

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(Chi tiết xem phụ lục 1)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Vsoft	-	250.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	97.893.200	97.893.200
Công ty Cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Các khách hàng khác	121.000.000	121.000.000
	336.893.200	586.893.200

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc Gia	50.000.000	50.000.000
Google	-	15.921.088
Cộng	50.000.000	65.921.088

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Bà Nguyễn Mai Lan	-	-	2.000.000.000	-
	0	0	2.000.000.000	0

(*) Cho vay theo Hợp đồng số 05/2022/HĐVV ngày 30/12/2022, số tiền vay 2 tỷ đồng, thời gian cho vay: 2 tháng; Lãi suất 8%/năm. Hợp đồng đã thanh lý ngày 28/02/2023.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	2.775.183.011	-	1.926.270.295	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng (*)	2.774.630.682	-	1.921.270.295	-
Phải thu khác ngắn hạn	552.329	-	5.000.000	-
b. Dài hạn	58.400.000	-	58.400.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	58.400.000	-	58.400.000	-
Cộng	2.833.583.011	-	1.984.670.295	-

(*) Chi tiết số dư tạm ứng:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Tạm ứng kinh doanh	-	713.580.615
Ông Nguyễn Thành Tiến - Tạm ứng kinh doanh	-	207.723.680
Ông Nguyễn Tùng Anh - Tạm ứng Marketing	-	440.000.000
Ông Hoàng Trịnh Vĩnh An - Tạm ứng Marketing	600.000.000	559.966.000
Bà Hà Thúy Hằng - Tạm ứng kinh doanh	590.338.682	-
Bà Nguyễn Mai Lan - Tạm ứng kinh doanh	417.000.000	-
Ông Phạm Bá Thái - Tạm ứng kinh doanh	560.000.000	-
Ông Phạm Đồng Gia Kiệt - Tạm ứng kinh doanh	607.292.000	-
Cộng	2.774.630.682	1.921.270.295

Số dư bên liên quan:

		Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	-	207.723.680
Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc	-	713.580.615
Cộng		-	921.304.295

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	33.000.000	23.100.000	33.000.000	16.500.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	33.000.000	23.100.000	33.000.000	16.500.000
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Tuyên Quang	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Công ty cổ phần Sách Alpha	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam	50.000.000	35.000.000	50.000.000	25.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	25.000.000	17.500.000	25.000.000	12.500.000
Cộng	239.000.000	196.700.000	239.000.000	168.500.000

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	353.149.278	-	-	-
Hàng hoá	37.240.000	-	34.000.000	-
	390.389.278	-	34.000.000	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối kỳ	753.454.249	753.454.249
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu năm	753.454.249	753.454.249
Số dư cuối kỳ	753.454.249	753.454.249
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 753.454.249 VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	989.713.110	989.713.110
Số cuối kỳ	989.713.110	989.713.110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	148.456.980	148.456.980
Số tăng trong kỳ	24.742.830	24.742.830
- Khấu hao trong kỳ	24.742.830	24.742.830
Số cuối kỳ	173.199.810	173.199.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	841.256.130	841.256.130
Tại ngày cuối kỳ	816.513.300	816.513.300

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 30/06/2023 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 0 VND.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Mua sắm TSCĐ	18.007.800.000	18.007.800.000
Quyền sử dụng đất tại Quảng Ninh (*)	18.007.800.000	18.007.800.000
	18.007.800.000	18.007.800.000

(*) Là giá trị QSD đất tại Tờ 103, khu Cao Sơn, phường Cẩm Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang với ông Trần Văn Thăng ngày 20/12/2022. Đến thời điểm 30/06/2023 hai bên đang hoàn tất thủ tục chuyển tên sở hữu quyền sử dụng đất sang tên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.333.340	12.606.796
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.733.340	9.606.796
- Chi phí khác	1.600.000	3.000.000
b. Dài hạn	-	-
	3.333.340	12.606.796

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK (*)	176.784.600	176.784.600	-	-
Công ty TNHH Hòn Kiển Bà Nhữ Thị Thanh Huyền	-	-	56.249.640	56.249.640
Công ty TNHH Bến Phà	-	-	35.480.000	35.480.000
Công ty TNHH Đầu tư ẩm thực Sài Gòn New	-	-	35.359.200	35.359.200
	-	-	28.438.000	28.438.000
Phải trả người bán khác	13.698.001	13.698.001	123.089.400	123.089.400
	190.482.601	190.482.601	278.616.240	278.616.240

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK (*)	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật	176.784.600	-
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh và Đầu tư thực tế NIK	cung cấp dịch vụ quản lý vận hành các khóa học và bán sách.		

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Số phải trả	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	-	478.261.986	43.017.895	-	435.244.091
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	929.621.429	77.487.270	954.950.227	-	52.158.472
Thuế Thu nhập cá nhân	-	243.187.571	68.171.360	269.229.094	-	42.129.837
Các loại thuế khác	-	29.666.944	32.841.508	62.508.452	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	1.202.475.944	659.762.124	1.332.705.668	-	529.532.400

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí bản quyền bài giảng	236.810.000	512.728.095
- Chi phí giảng viên	297.406.800	
Cộng	534.216.800	512.728.095

Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn	236.810.000	512.728.095
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	297.406.800	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	52.170.448	40.359.448
Bảo hiểm xã hội	17.760.750	-
Bảo hiểm y tế	3.134.250	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.393.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.600.000	18.600.000
<i>Thù lao HĐQT</i>	<i>18.600.000</i>	<i>18.600.000</i>
Cộng	93.058.448	58.959.448

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Thù lao HĐQT			
Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	2.400.000	2.400.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT	1.800.000	1.800.000
Ông Phạm Đăng Hoàng Huy	Ủy viên HĐQT	1.800.000	1.800.000
Ông Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT	1.800.000	1.800.000
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thư ký HĐQT	1.800.000	1.800.000
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng Ban kiểm soát	2.400.000	2.400.000
Ông Nguyễn Huy Bảo	Kiểm soát viên	1.800.000	1.800.000
Bà Khương Thị Phương Uyên	Kiểm soát viên	1.800.000	1.800.000
CỘNG		18.600.000	18.600.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.800.000.000	174.697.520	3.151.046.342	6.605.279.660	20.731.023.522
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.639.206.804	3.639.206.804
- Chia cổ tức	-	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
- Trích quỹ	-	-	283.391.065	(396.747.491)	(113.356.426)
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	9.179.980.000	(174.697.520)	(3.434.437.407)	(5.570.845.073)	-
Số dư cuối năm trước	19.979.980.000	-	-	3.736.893.900	23.716.873.900
Số dư đầu năm nay	19.979.980.000	-	-	3.736.893.900	23.716.873.900
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	151.099.087	151.099.087
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Trích quỹ (*)	-	-	181.960.340	(254.744.476)	(72.784.136)
Số dư cuối kỳ	19.979.980.000	-	181.960.340	3.633.248.511	23.795.188.851

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-DHĐCĐVLA ngày 21/03/2023, trong đó: Trích quỹ đầu tư phát triển 5%LNST, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST: 254.744.476 VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Ông Đặng Trọng Khang	4.991.300.000	24,98%	4.991.300.000	24,98%
Ông Nguyễn Hữu Thuận	1.998.000.000	10,00%	1.998.000.000	10,00%
Ông Nguyễn Thành Tiến	1.814.850.000	9,08%	1.814.850.000	9,08%
Bà Nguyễn Thu Hà	1.341.250.000	6,71%	1.341.250.000	6,71%
Các cổ đông khác	9.834.580.000	49,22%	9.834.580.000	49,22%
	19.979.980.000	100,00%	19.979.980.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	19.979.980.000	10.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	9.179.980.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	19.979.980.000	19.979.980.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm:	-	540.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	-	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng tiền:	-	540.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	-	540.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.997.998	1.997.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.997.998	1.997.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.997.998	1.997.998
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.997.998	1.997.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.997.998	1.997.998

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	181.960.340	-

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	48.952.380	389.619.047
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, tư vấn)	8.840.945.452	17.958.815.129
	8.889.897.832	18.348.434.176

21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	48.952.380	389.619.047
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (đào tạo, tư vấn)	8.840.945.452	17.958.815.129
	8.889.897.832	18.348.434.176

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	29.371.430	233.770.721
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.804.671.551	4.770.856.072
	2.834.042.981	5.004.626.793

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.964.281	25.498.028
- Lãi từ bán các khoản đầu tư		4.107.780.000
	27.964.281	4.133.278.028

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay		4.592.863
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư		263.913.883
- Dự phòng giảm giá đầu tư		4.079.368.076
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(1.296.004)	
- Chi phí tài chính khác		22.880.466
	(1.296.004)	4.370.755.288

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	619.381.019	19.296.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.043.931.543	4.800.000.000
- Chi phí khác bằng tiền		
Cộng	4.663.312.562	4.819.296.000

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC	10.473.456	26.982.848
- Chi phí nhân công	743.993.136	937.626.441
- Chi phí dự phòng	28.200.000	39.000.000
- Thuế, phí, lệ phí	28.162.020	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.824.956	653.984.931
- Chi phí khác bằng tiền	61.342.786	233.778.903
	1.232.996.354	1.894.373.123

27. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thu nhập khác	44.780.137	1.893.998
	44.780.137	1.893.998

28. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, chậm nộp thuế, chậm nộp tờ khai thuế,...		51.992.758
- Thanh lý tài sản cố định		4.144.973.310
- Chi phí khác	30.328.798	-
	30.328.798	4.196.966.068

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thông		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	203.257.559	2.131.588.930
Các khoản điều chỉnh tăng	57.534.801	74.136.358
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Thu nhập chịu thuế TNDN	260.792.360	2.205.725.288
Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	52.158.472	441.145.058
b. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	66.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	66.000.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (10%)	-	6.600.000
c. Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	52.158.472	447.745.058

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	151.099.087	1.749.843.872
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	151.099.087	1.749.843.872
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.997.998	1.997.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	75,63	875,80

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.872.223.211		2.669.700.282	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.170.476.211	196.700.000	2.571.563.495	168.500.000
Các khoản cho vay	-		2.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	405.297.034	1.255.434	5.297.034	2.551.438
	6.447.996.456	197.955.434	7.246.560.811	171.051.438

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	283.541.049		337.575.688	
Chi phí phải trả	534.216.800		512.728.095	
	817.757.849		850.303.783	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.872.223.211			2.872.223.211
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.112.076.211	58.400.000		3.170.476.211
Đầu tư ngắn hạn	405.297.034			405.297.034
	6.389.596.456	58.400.000	-	6.447.996.456
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.669.700.282			2.669.700.282
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.513.163.495	58.400.000		2.571.563.495
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-		2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.297.034			5.297.034
	7.188.160.811	58.400.000	-	7.246.560.811

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	283.541.049	-		283.541.049
Chi phí phải trả	534.216.800	-		534.216.800
	<u>817.757.849</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>817.757.849</u>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả khác	337.575.688	-		337.575.688
Chi phí phải trả	512.728.095	-		512.728.095
	<u>850.303.783</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>850.303.783</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	48.952.380	8.840.945.452	-	8.889.897.832
Chi phí bộ phận	29.371.430	2.804.671.551		2.834.042.981
Kết quả kinh doanh bộ phận	19.580.950	6.036.273.901	-	6.055.854.851
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				5.896.308.916
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				159.545.935
Doanh thu hoạt động tài chính				27.964.281
Chi phí tài chính				(1.296.004)
Thu nhập khác				44.780.137
Chi phí khác				30.328.798
Thuế TNDN hiện hành				52.158.472
Lợi nhuận sau thuế				151.099.087

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ

Ông Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Thị Việt	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Diệu Ngọc	Kế toán trưởng
Ông Đặng Trọng Khang	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh & Đầu tư Thực tế NIK	Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Vợ của Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật

- Giao dịch với bên liên quan

Họ và tên	6 tháng đầu năm 2023
Ông Nguyễn Thành Tiến	
Tạm ứng kinh doanh	3.850.000.320
Hoàn tạm ứng	4.057.724.000
Chi phí giảng viên	297.406.800
Ông Nguyễn Hữu Thuận	
Tạm ứng kinh doanh	32.070.285
Hoàn tạm ứng	745.650.900
Ông Đặng Trọng Khang	
Chi phí bản quyền bài giảng	236.810.000
Ông Nguyễn Văn Đức	
Tạm ứng kinh doanh	34.900.000
Hoàn ứng	34.900.000
Công ty TNHH Trường Đào tạo Kinh doanh & Đầu tư Thực tế NIK	
Mua sách	29.371.430
Chi phí dịch vụ quản lý vận hành	341.623.636
Thanh toán tiền hàng và chi phí dịch vụ	229.841.402

- Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong 6 tháng năm 2023 như sau:

Họ và tên	Phụ cấp HĐQT	Tiền lương
Ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch HĐQT	3.000.000	
Ông Nguyễn Hữu Thuận - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	2.400.000	135.167.335
Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên HĐQT	1.800.000	95.883.750
Ông Nguyễn Văn Thọ - Thư ký HĐQT	1.800.000	85.825.832
Bà Nguyễn Thu Hà - Phó Giám đốc		91.423.878
Bà Hà Diệu Ngọc - Kế toán trưởng		85.009.705
Cộng	9.000.000	493.310.500

- Số dư với bên liên quan

Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số 8, 15, 17 và 18.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

35. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang hoạt động kinh doanh liên tục.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét. Số liệu này đã được phân loại lại một số chỉ tiêu cho phù hợp trình bày Báo cáo tài chính kỳ này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Hà Diệu Ngọc

Hà Diệu Ngọc



 CÔNG CHỨNG VIÊN
 Nguyễn Thu Hà

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG
1204 Tòa 17T5 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Phụ lục số 01:

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
	SL	Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	192	5.297.034	1.255.434	2.551.438
Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng	192	5.297.034	1.255.434	2.551.438
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		400.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội		400.000.000		
Cộng	192	405.297.034	1.255.434	2.551.438

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 2 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ – CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Hôm nay ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại Văn phòng Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Địa chỉ: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chi Thành

1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên: Bà Nguyễn Chi Thành

Chức vụ: Tổng Giám đốc người đại diện pháp luật Công ty TNHH Kiểm toán TTP

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Họ và tên: Bà Trần Thị Hạnh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Nội dung ủy quyền

Ủy quyền cho Bà Trần Thị Hạnh:

- Trực tiếp giao dịch, đàm phán, ký kết với khách hàng về các Hợp đồng kinh tế, Thanh lý Hợp đồng của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán Báo cáo tài chính, Kiểm toán Quyết toán vốn đầu tư các công trình Xây dựng cơ bản hoàn thành của Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Thời gian ủy quyền

- Từ ngày 06 tháng 12 năm 2019 cho đến khi có văn bản khác thay thế.



Bên ủy quyền

Nguyễn Chi Thành

Bên nhận ủy quyền

Trần Thị Hạnh



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 8 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ - CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Hôm nay ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Văn phòng Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Địa chỉ: Tầng 17 tháp Tây Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên: Bà Nguyễn Chi Thành

Chức vụ: Tổng Giám đốc người đại diện pháp luật Công ty TNHH Kiểm toán TTP

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

Họ và tên: Bà Hoàng Thị Khánh Vân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Nội dung ủy quyền

Ủy quyền cho Bà Hoàng Thị Khánh Vân:

- Trực tiếp giao dịch, đàm phán, ký kết với khách hàng về các Hợp đồng kinh tế, Thanh lý Hợp đồng của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán Báo cáo tài chính, Kiểm toán Quyết toán vốn đầu tư các công trình Xây dựng cơ bản hoàn thành của Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Thời gian ủy quyền

- Từ ngày 22 tháng 11 năm 2022 cho đến khi có văn bản khác thay thế.



Bên ủy quyền

Nguyễn Chi Thành

Bên nhận ủy quyền

Hoàng Thị Khánh Vân



**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NGÂN HÀNG TMCP
QUÂN ĐỘIĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2022

CHI NHÁNH BA ĐÌNH

Số: 21/TB-MB.B.ĐÌNH

XÁC NHẬN PHONG TỎA TÀI KHOẢNKính gửi : Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn LangĐịa chỉ : 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Ba Đình (Sau đây gọi là “Ngân hàng”) xin thông báo đến Quý khách hàng các thông tin về tài khoản của Quý khách hàng như sau:

Số tài khoản	Loại tiền	Tên tài khoản	Ngày mở	Số dư ngày 28/09/2022
0861101128003	VND	Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Công nghệ Văn Lang	21/12/2018	939,999 VND

Bằng văn bản này, Ngân hàng chúng tôi xác nhận tài khoản số 0861101128003 là tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang và sẽ thực hiện phong tỏa tài khoản số 0861101128003 kể từ ngày 28/09/2022 cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo kết quả đợt chào bán với Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ UBCKNN.

Trân trọng!

Ngày: 30-09-2022

Nơi gửi: (02 bản)

Số: 06852/2022/QĐ-UBCKNN; 01-SCT/BS

- Lưu.PQLNB

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Huyền

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kim Huyền

Branch office

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH BA ĐÌNH
Số 3 Liễu Giai, Phường Liễu Giai
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Contact us

Điện thoại: (024) 3767 4004
Fax: (024) 6273 0555
www.mbbank.com.vn

**BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7214/UBCK-PTTT
Về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của CTCP
Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Liên quan đến hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (HNX:VLA) (Công ty), căn cứ các ngành nghề đăng ký kinh doanh của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Giấy thông báo tỷ lệ SHNN tối đa số 139/2022/TB-VLA ngày 10/10/2022, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 301188/22 ngày 28/9/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật có liên quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến như sau:

Hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty ở mức 0% là đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Đề nghị Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp Công ty có tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật, Công ty cần tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo để Công ty, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị liên quan biết và thực hiện theo đúng quy định./. *ℳ*

Nơi nhận:

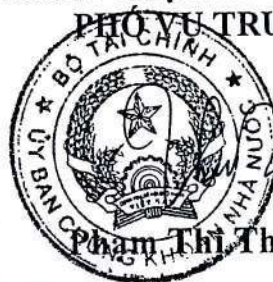
- Như trên;
- Lãnh đạo UBCK (để b/c);
- Vụ GSDC;
- Vụ QLCB;
- Vụ PC.



TL. CHỦ TỊCH

KT. VỤ TRƯỞNG

**VỤ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Phạm Thị Thùy Linh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thu Hà

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 7 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC THUÊ XE VẬN CHUYỂN

Số:02.../VLA-PC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 07 năm 2023, tại, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi là Bên A)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI DU LỊCH PLAN CENTER

Người đại diện: Nguyễn Thị Phương

Chức vụ : Giám đốc

Mã số thuế: 0317019786

Địa chỉ: 61/11/19 Đường 149B, Khu Centana Điền Phúc Thành, Khu phố Trường Lưu, Phường Long Trường, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Tài khoản số: 015213919 tại ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – CN Quận 9

BÊN THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên B)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Thuận

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0102459018

Địa chỉ: 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0246.6555.854

Email:

vlagroup.jsc@gmail.com

XÉT RẰNG:

(A) Công ty TNHH Thương Mại vận tải Du lịch Plan Center (bên cho thuê) hiện là Cơ sở kinh doanh cho thuê xe vận chuyển hợp pháp theo qui định của Pháp luật Việt Nam.

(B) Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang (Bên thuê) có nhu cầu thuê bên cho thuê vận chuyển học viên, nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại thành phố Hồ Chí Minh và đã yêu cầu bên cho thuê được thuê xe vận chuyển;

(C) Bên cho thuê đồng ý cho bên thuê được thuê xe vận chuyển học viên, nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại thành phố Hồ Chí Minh

SAU KHI THẢO LUẬN, các Bên đồng ý ký Hợp Đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý vận chuyển học viên, nhân viên Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình tổ chức các lớp học theo nhu cầu của bên B dựa vào từng lịch trình cụ thể. .

Bên A đón, trả, vận chuyển học viên, nhân viên cho Bên B tại địa điểm do Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang yêu cầu. Trong quá trình, đón, trả, vận chuyển, hai bên tiến hành xác nhận, nghiệm thu trên Lệnh điều xe của bên B và là căn cứ thanh toán sau này.

Thời gian, địa điểm vận chuyển: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang sẽ thông báo bằng mail hoặc điện thoại, hoặc fax cho bên B biết theo từng chuyến vận chuyển cụ thể.

1019
PL
EN
PH
C
C
V
M
I
E
D. D
C
C
ĐẦU TƯ
CỔ
PH
HOAN K

Điều 2: Phương thức thanh toán

1. Giá cả: theo thỏa thuận như phụ lục báo giá đính kèm hợp đồng này của bên A và bên B tại thời điểm phát sinh vận chuyển và được tính theo từng chuyến, từng loại xe mà bên A cung cấp theo yêu cầu của bên B.

2. Phương thức, thời gian thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt nam đồng (VNĐ).
- Thanh toán sau mỗi chuyến vận chuyển hoàn thành có nghiệm thu hoặc thanh toán vào tháng kế tiếp của tháng phát sinh vận chuyển và bên A cung cấp hóa đơn tài chính cho bên B

Điều 3: Trách nhiệm của các bên

Bên A:

- Đảm bảo cung cấp xe đúng theo yêu cầu của bên B; quản lý, chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện để đảm bảo vận hành xe, vận chuyển hành khách an toàn trong thời gian cung cấp dịch vụ cho bên B.
- Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo chính xác giờ giấc đưa đón và an toàn cho khách đi xe. Trường hợp xe đến điểm đón khách trễ từ 10 phút trở lên vì bất kể lí do gì, Bên B sẽ trừ vào tiền thuê xe của chuyến đó 200.000 đồng; Nếu xe đến điểm đón khách trễ 30 phút, Bên B có quyền hủy chuyến xe ngày hôm đó, đồng thời mà không phải chịu phí hủy chuyến.
- Bên A phải chuẩn bị đủ giấy tờ cho lái xe, phương tiện đi lại hợp lệ và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của lái xe, phương tiện vận tải.
- Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hành khách theo quy định của pháp luật.
- Từ chối vận chuyển vượt trọng tải, không đi vào đường cấm và đường nguy hiểm, không chở người, hành lý, hàng hóa trái với quy định pháp luật.
- Chịu chi phí sửa chữa, xăng dầu, bến bãi hàng tháng của phương tiện trong quá trình vận chuyển.

786.
AN
TE
HỒ
NG
PH
PH
N
LA
4
24
NG
PH
PH
NG N
LA
M -
C. I.
NÊN
LA M

- Cung cấp đội ngũ tài xế lịch sự, lái xe an toàn, vệ sinh xe sạch sẽ, chuẩn bị tình hình vận hành xe cẩn thận trước các chuyến đi, không uống rượu bia, nói tục khi phục vụ khách hàng.

- Trong trường hợp hư hỏng do lỗi của lái xe gây ra hoặc do trục trặc đột xuất về kỹ thuật xe, Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B biết, và Bên A tìm mọi biện pháp khắc phục hoặc thay thế xe khác để phục vụ đoàn khách của bên B theo đúng như hành trình đã thỏa thuận.

- Tuỳ theo thời điểm cung cấp giá cả hợp lý được hai bên thỏa thuận.

- Xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

Bên B:

- Đảm bảo thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận.

- Đảm bảo số lượng khách trên xe không vượt quá số ghế đăng ký của từng loại xe.

- Bên B có trách nhiệm phải thông báo trước cho Bên A về việc hủy chuyến trước 23h đêm của ngày đặt xe nếu xe đi vào sáng hôm sau, và trước 8g sáng nếu xe đi vào trưa hôm đó, để Bên B có đủ thời gian đưa xe ra kinh doanh mà xe không phải nằm không vì đã nhận chuyến của Bên A đặt. Trường hợp Bên B hủy chuyến sau 24h đêm hôm trước và sau 8g sáng hôm sau, Bên A sẽ tính phí hủy chuyến 200.000 đồng/chuyến;

- Có mặt tại địa điểm xuất phát đúng thời gian đã thỏa thuận; tôn trọng, chấp hành đúng các quy định của bên vận chuyển và các quy định khác về bảo đảm an toàn giao thông.

- Bên B phải thanh toán thêm chi phí phát sinh theo thực tế nếu trong quá trình sử dụng xe có phát sinh thêm ngoài lộ trình đã báo trước cho Bên A.

Điều 4: Điều khoản cuối cùng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên ký kết. Mọi phát sinh, sửa đổi, bổ sung phải được cả hai bên lập thành văn bản;

2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên đều đã tự đọc lại toàn bộ nội dung của Hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý với toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng, không có điều gì vướng mắc. Bên A, bên B đã tự nguyện ký tên/đóng dấu/điểm chỉ vào Hợp đồng này.

Hợp đồng được lập thành ..2..(2/ai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ..1.. bản làm bằng chứng.

BÊN CHO THUÊ

(ký và ghi rõ họ tên)



BÊN THUÊ

(ký và ghi rõ họ tên)



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày... tháng... năm 20... 23



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ VIỆC CHO THUÊ NHÀ

Số: 01/HĐT/MBT

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ VIỆC CHO THUÊ NHÀ này (sau đây gọi là “Hợp Đồng”) được ký kết vào ngày 30. tháng 4. năm 2023 giữa các bên dưới đây:

Bên cho thuê

Công ty Cổ phần Bất động sản cho thuê Minh Bảo Tín

Đại diện pháp luật: Ông Đặng Trọng Khang

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 3702592225

Địa chỉ: Số 28, đường số 5, Khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0938090579

(Sau đây gọi tắt là “Bên cho thuê”)

Và

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Thuận

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0102459018

Địa chỉ: 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0246.6555.854

Email: vlagroup.jsc@gmail.com

(Sau đây gọi tắt là “Bên thuê”)

(Trong Hợp Đồng này, Bên cho thuê và Bên thuê được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”).

XÉT RẰNG:

(A) Bên cho thuê hiện là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất đối toàn bộ Hạng mục công trình số 1.05 chung cư Orient Apartment số 331 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Diện tích 210,17 m² (Hai trăm mười phẩy mười bảy mét vuông). Chủ sở hữu: CÔNG TY CP BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ MINH BẢO TÍN (sau đây gọi là “Khu vực thuê”);



(B) Bên thuê có nhu cầu thuê khu vực thuê để làm Trụ sở Văn phòng chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang và đã yêu cầu Bên cho thuê cho Bên thuê được thuê Khu Vực Thuê;

(C) Bên cho thuê đồng ý cho Bên thuê được thuê Khu Vực Thuê;

SAU KHI THẢO LUẬN, các Bên đồng ý ký Hợp Đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên cho thuê cho Bên thuê toàn bộ diện tích Khu Vực Thuê và các trang thiết bị đi kèm (được liệt kê chi tiết trong biên bản bàn giao do đại diện hợp pháp của hai bên ký kết) trong suốt thời hạn thuê được quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

1.2. Khu Vực Thuê sẽ chỉ được sử dụng như làm trụ sở Văn phòng làm việc của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang. Khu Vực Thuê sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác trái với các mục đích quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê được quy định theo Hợp Đồng này là **05** năm kể từ Ngày bắt đầu dự kiến là đầu Quý 2 năm 2023, trừ khi có việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn theo các quy định tại Hợp Đồng này.

ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ VÀ THANH TOÁN

3.1 Tiền Thuê tạm tính là **50.000.000** đồng/tháng. Tiền thuê chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

3.2. Trong trường hợp ký kết Hợp đồng thuê chính thức giữa Bên cho thuê và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê chính thức”), hai Bên sẽ thống nhất giá thuê phù hợp với giá thị trường tại thời điểm ký kết Hợp đồng thuê chính thức.

3.3 Bên thuê sẽ thanh toán Tiền Thuê 06 tháng một lần cho năm đầu. Từ năm thứ hai trở đi, Tiền Thuê được thanh toán 03 tháng một lần.

3.4 Tiền Thuê được giữ nguyên 02 năm đầu. Từ năm thứ 03 trở đi, Tiền Thuê có thể được điều chỉnh tăng hoặc giảm tùy thuộc theo tình hình biến động của thị trường. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, việc điều chỉnh Tiền Thuê không được vượt quá 05% giá thuê ban đầu.

3.5. Bên Thuê đặt cọc cho Bên Cho Thuê một khoản tiền tương ứng với 01 tháng Tiền thuê sau khi ký kết Hợp đồng nguyên tắc này (Sau đây gọi tắt là “Tiền đặt cọc”). Tiền đặt cọc sẽ được tự động chuyển thành tiền đặt cọc của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh cho Bên cho thuê theo quy định tại Hợp đồng thuê chính thức trong trường hợp Hợp đồng thuê chính thức được ký kết và được duy trì cho đến hết Thời hạn thuê. Bên cho thuê sẽ phải trả lại cho Bên thuê số tiền đặt cọc (không tính lãi) ngay sau khi Bên thuê - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển

N:37
C
C
BẮT
C
MI
THU D
K.D. OTC
CÔ
CÔ
Đ. Đ. V
D. CÔNG
VĂN
CH
HOAN KIẾN
C
V
HOAN

Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh (tùy từng trường hợp cụ thể) thực hiện xong các nghĩa vụ của mình đối với Bên cho thuê.

ĐIỀU 4: KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ CHÍNH THỨC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

4.1. Các Bên dự kiến ngày ký hợp đồng thuê chính thức giữa Bên cho thuê và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không muộn hơn Ngày bắt đầu dự kiến Tại Điều 2 Hợp đồng này trừ khi Bên thuê yêu cầu gia hạn và chấp thuận thanh toán đầy đủ Tiền thuê cho Bên cho thuê cho đến thời điểm dự kiến hoàn tất thủ tục thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực ngay khi Hợp đồng thuê chính thức được ký kết.

4.2. Trong trường hợp đến ngày dự kiến ký hợp đồng thuê chính thức theo quy định tại Khoản 4.1 nêu trên hoặc thời điểm khác đã được gia hạn, Bên thuê không hoàn tất được việc đạt được các giấy phép thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì Bên thuê có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn. Trong trường hợp này, Bên cho thuê có quyền được hưởng toàn bộ số Tiền Đặt Cọc.

4.3. Trong trường hợp Bên cho thuê vì bất kỳ lý do nào dẫn đến việc không đảm bảo được việc giao kết Hợp đồng thuê chính thức theo quy định tại Khoản 4.1. nêu trên, Bên cho thuê sẽ thanh toán cho Bên thuê (i) toàn bộ số tiền mà Bên thuê đã đặt cọc theo quy định tại Khoản 3.5 trên đây và (ii) một khoản tiền tương ứng với giá trị Tiền đặt cọc.

ĐIỀU 5: CHUYỂN NHƯỢNG

Trong trường hợp Bên cho thuê chuyển nhượng hoặc tặng cho hoặc chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp đối với Khu vực thuê trước khi ký kết Hợp đồng thuê chính thức, Bên cho thuê bảo đảm Người tiếp nhận quyền sở hữu Khu vực thuê từ Bên thuê sẽ cam kết tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của Bên cho thuê theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ

6.1 Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp đồng này, Bên cho thuê còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

6.2. Bên cho thuê cam kết sẽ:

(a) Đảm bảo mọi quyền và lợi ích của Bên thuê – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh (tùy từng trường hợp cụ thể) đối với Khu Vực Thuê trong suốt thời hạn thuê theo Hợp Đồng này.

(b) Bằng chi phí của mình tiến hành cải tạo, sửa chữa những hỏng hóc hư hại liên quan đến mái, kết cấu, khung chịu lực của Khu Vực Thuê trong suốt thời hạn thuê trừ trường hợp các hỏng hóc, hư hại đó phát sinh do lỗi của Bên thuê – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành Phố Hồ Chí Minh (tùy từng trường hợp cụ thể) trong quá trình sử dụng;

(c) Tiến hành bảo hành, sửa chữa, thay thế các trang thiết bị hỏng hóc tại Khu Vực Thuê trừ trường hợp các trang thiết bị này bị hư hỏng gây ra do sự bất cẩn, do lỗi cố ý, sử dụng không đúng cách hoặc do hậu quả của việc việc cải tạo của Bên thuê đối với Khu Vực Thuê.

(d) Tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến việc cho thuê Khu Vực Thuê theo Hợp Đồng này.

(e) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước đối với bất kỳ khoản thu nào phát sinh từ hợp đồng này.

ĐIỀU 7: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ

7.1. Bên thuê cam kết với Bên cho thuê sẽ:

(a) Sử dụng Khu Vực Thuê chỉ với các mục đích được nêu tại Điều 1.2 của Hợp Đồng này;

(b) Giữ gìn Khu Vực Thuê và các trang thiết bị trong Khu Vực Thuê trong tình trạng sử dụng tốt và sạch sẽ (ngoại trừ các hao mòn thông thường);

(c) Dọn dẹp và trả lại Khu Vực Thuê cho Bên cho thuê khi kết thúc Thời Hạn Thuê, trong điều kiện không thấp hơn điều kiện tại thời điểm bàn giao Diện Tích Thuê theo Hợp Đồng này (nếu được Bên cho thuê yêu cầu); và

7.2. Bên thuê cam kết với Bên cho thuê sẽ Không:

(a) Làm hư hại hoặc làm xấu đi bất cứ phần nào của Khu vực thuê mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên cho thuê;

(b) Sử dụng Khu Vực Thuê cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện xảy ra trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, ảnh hưởng đến, ngăn cản hoặc khiến cho việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của một Bên trong Hợp đồng không thể thực hiện được và sự kiện đó nằm ngoài khả năng tiên liệu trước của các Bên và vượt quá khả năng kiểm soát hợp lý của các Bên bị ảnh hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện sau:

– Một trong các bên bị phá sản theo quy định của pháp luật Việt nam về phá sản doanh nghiệp;

– Thiên tai: Động đất, lũ lụt, hoả hoạn, thời tiết khắc nghiệt;

– Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố hay không tuyên bố), sự xâm lược của kẻ thù nước ngoài, nổi loạn, nội chiến, khủng bố;

– Các chính sách, hành động, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật làm mục tiêu hợp tác của các Bên theo Hợp đồng này không thể tiếp tục thực

hiện được hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các Bên trong việc hợp tác theo Hợp đồng này;

- Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường do các nguyên nhân nhiễm xạ hay bị tác động do chất phóng xạ.

- Lao động đình công, Khu vực thuê không còn tồn tại hoặc bị thu hồi, xảy ra tranh chấp.

8.2 Nếu xảy ra một sự kiện bất khả kháng mà các nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng này không thể thực hiện thì Hợp đồng này sẽ được tạm ngừng thực hiện chừng nào sự kiện bất khả kháng đó còn tiếp diễn. Tuy nhiên với điều kiện rằng:

- Trường hợp bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp cản trở hoặc làm chậm trễ việc thực hiện Hợp đồng;

- Bên dẫn sự kiện bất khả kháng đã tìm hết các biện pháp khắc phục khi sự việc xảy ra;

- Bên đó phải thông báo cho các bên còn lại ngay sau khi sự việc xảy ra và trong vòng 30 ngày sau đó phải gửi văn bản cho các bên còn lại biết các biện pháp xử lý cùng với lý do không thực hiện đúng hợp đồng.

8.3 Trường hợp sự kiện bất khả kháng tiếp tục diễn ra quá thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày bắt đầu xảy ra Sự kiện bất khả kháng mà Hợp đồng này không thể tiếp tục thực hiện được thì các Bên sẽ thoả thuận về việc chấm dứt và thanh lý Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

9.1 Các bên cam kết có đầy đủ tư cách pháp lý và năng lực trong việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

9.2 Tất cả các quyền, lợi ích, nhiệm vụ, trách nhiệm và nghĩa vụ của các Bên tham gia Hợp Đồng này sẽ là quyền, và lợi ích và là nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ ràng buộc các bên kể nhiệm và các bên nhận chuyển nhượng, Bên thuê lại được phép tương ứng của các Bên tham gia Hợp Đồng này.

9.3 Việc vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thi hành được của bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng sẽ không ảnh hưởng đến tính có hiệu lực, tính hợp pháp và tính bắt buộc thi hành của các điều khoản khác. Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản bởi Các bên và được đại diện hợp pháp của Các bên ký tên.

9.4 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên thuê giữ 03 (ba) bản và Bên cho thuê giữ 01 (một) bản.

9.5. Hợp Đồng này có hiệu lực vào Ngày được đại diện hợp pháp của hai bên ký kết.

Thay mặt và đại diện cho

Bên thuê



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Thay mặt và đại diện cho

Bên cho thuê



5

Dương Trọng Khang

STT	Họ và tên	Số hợp đồng
1.	Nguyễn Hữu Thuận	157/2022/HĐ-VLA
2.	Nguyễn Thành Tiến	198/2021/HĐ-VLA
3.	Phạm Quốc Mạnh	07/2023/HĐ-VLA
4.	Nguyễn Văn Đức	155/2022/HĐ-VLA
5.	Hoàng Trịnh Vĩnh An	08/2023/HĐ-VLA
6.	Ngô Ngọc Tùng	05/2023/HĐ-VLA
7.	Hoàng Văn Toàn	06/2023/HĐ-VLA
8.	Phạm Đăng Hoàng Huy	154/2022/HĐ-VLA
9.	Trần Quang Thịnh	153/2022/HĐ-VLA
10.	Nguyễn Thành Trung	04/2023/HĐ-VLA
11.	Phạm Đồng Gia Kiệt	03/2023/HĐ-VLA
12.	Vy Hoàng Anh	09/2023/HĐ-VLA
13.	Trần Dương	10/2023/HĐ-VLA

Số: 157/2022/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Thành Tiến Chức vụ: CT.HĐQT
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Nguyễn Hữu Thuận - Giảng viên cao cấp

Sinh ngày: 04/10/1990
Số CMND/CCCD: 132342101 **Cấp ngày:** 04/04/2016 **Nơi cấp:** C.A Phú Thọ
Số điện thoại: 0886222629
Địa chỉ: Khu 2, phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau.

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

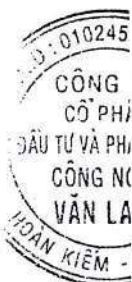
- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.


Điều 9: Giải quyết tranh chấp

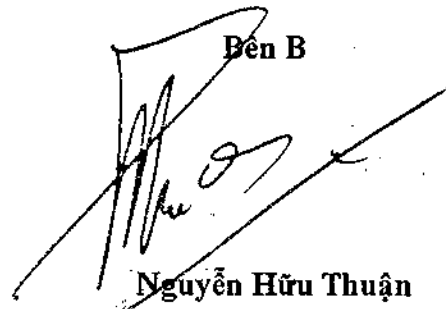
Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A

Nguyễn Thành Tiến

Bên B

Nguyễn Hữu Thuận



Số: 156/2022/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty

Mã số doanh nghiệp: 0102459018

Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Nguyễn Thành Tiến - Giảng viên cao cấp

Sinh ngày: 15/10/1988

Số CMND/CCCD: 100925835 Cấp ngày: 01/11/2011 Nơi cấp: C.A Quảng Ninh

Số điện thoại: 0975515358

Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, phường Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: $4,5\% \times$ Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;

- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A

Nguyễn Hữu Thuận


Bên B

Nguyễn Thành Tiến





Số: 07/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Phạm Quốc Mạnh - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 033057004610 Cấp ngày: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư
Số điện thoại: 0904855918
Địa chỉ: Số 20/19/60 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên...
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;

- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.


Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

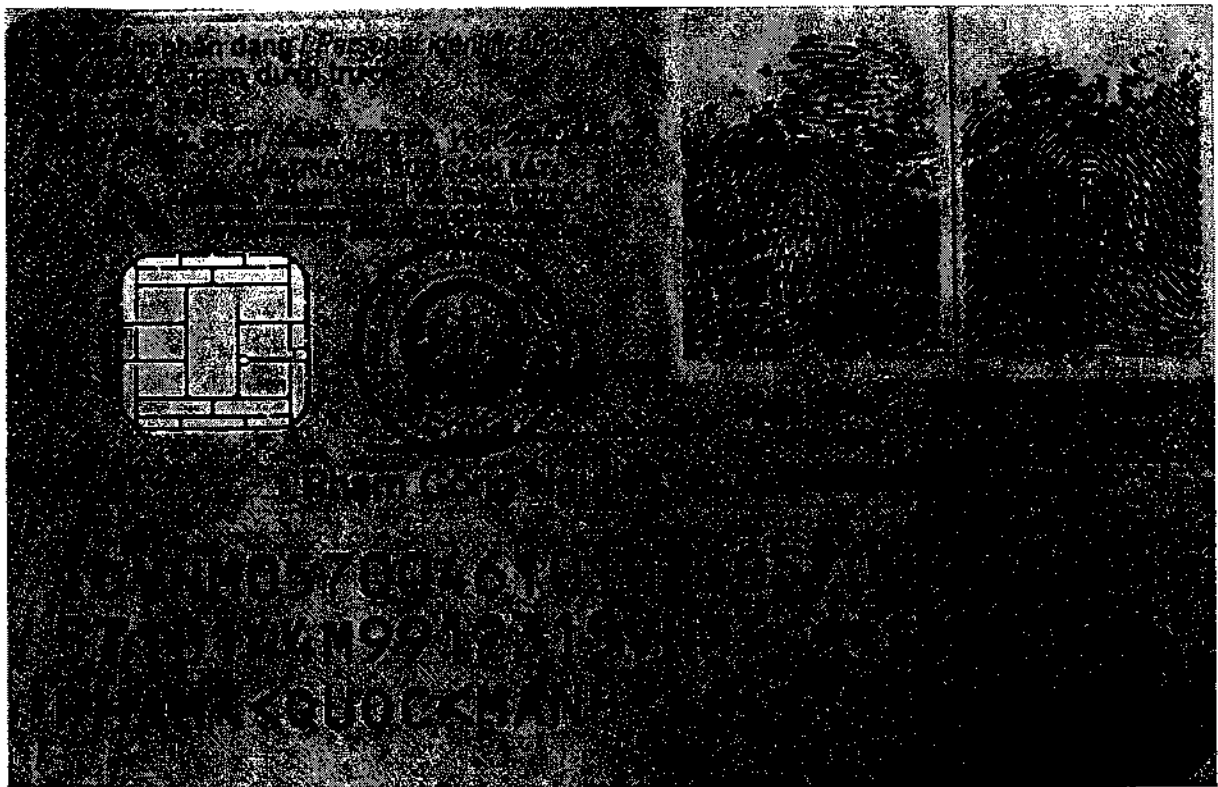
Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

<p>Bên A</p>  <p><i>[Handwritten Signature]</i></p> <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Hữu Thuận</i></p>	<p>Bên B</p> <p><i>[Handwritten Signature]</i></p> <p><i>Phạm Quốc Mạnh</i></p>
---	--





Số: 155/2022/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
 - Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
- Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 230766670 Cấp ngày: 23/08/2005 Nơi cấp: CA. Gia Lai
Số điện thoại: 0961818589 Địa chỉ mail: nguyenduc.ak@gmail.com
Địa chỉ: Tòa NO3 - Chung cư Ecohome 3 - Đông Ngạc - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Số tài khoản: 19027059650021 – Ngân hàng Techcombank

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*
 - Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
 - Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- *Trách nhiệm của bên A*
 - Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
 - Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
 - Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
 - Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

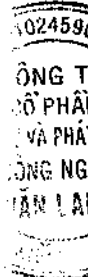
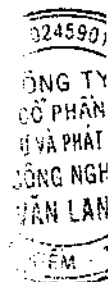
- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

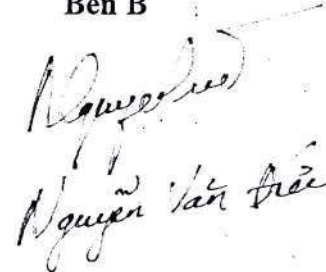
10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

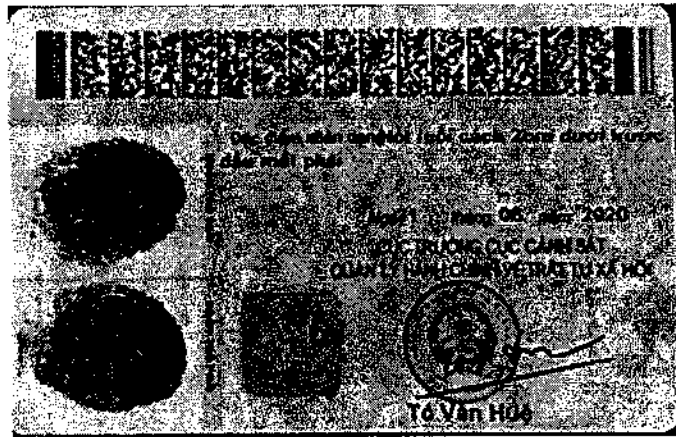
Bên A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Bên B





Số: 08/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
 - Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
- Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Hoàng Trịnh Vĩnh An - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 272438568 Cấp ngày: 04/12/2014 Nơi cấp: CA. Đồng Nai
Số điện thoại: 0916.789.117
Địa chỉ: KP2, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.



- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

0245
 NG
 PH
 PH
 NG
 LA
 0102
 CÔN
 CỘ P
 TỰ VÀ
 CÔNG
 VĂN
 KIỂM

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lương lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

0078
TY
N
TRIE
HỆ
G
H
1590
TY
HÀN
SÁT T
NGHỆ
ANG
TP

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.


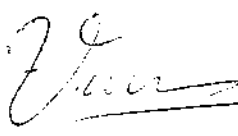
Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A	Bên B
 GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Hữu Thuận</i>	 <i>Hoàng Tịnh Việt An</i>

(Note: There are two circular stamps on the right side of the page, one above and one below the signature area, both containing the text 'C.T.C.P' and 'HỢP ĐỒNG').

Số: 05/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty

Mã số doanh nghiệp: 0102459018

Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Ngô Ngọc Tùng - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 031091001310 Cấp ngày: 17/04/2017 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư

Số điện thoại: 0967675781 Email:

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 1 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Địa chỉ: Tô 1, Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng
Số tài khoản 919198888 - Ngân hàng ACB Đồng Đa

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên...
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

24
NG
PH
P
G
N I
TIEM
59
T
HAI
PHAT
NGH
LAN

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

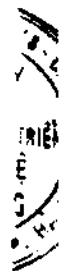
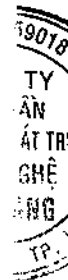
Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương



lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.



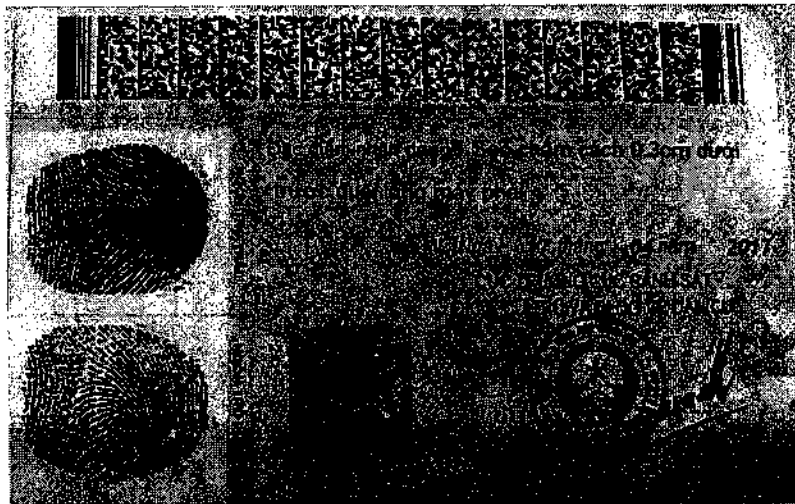
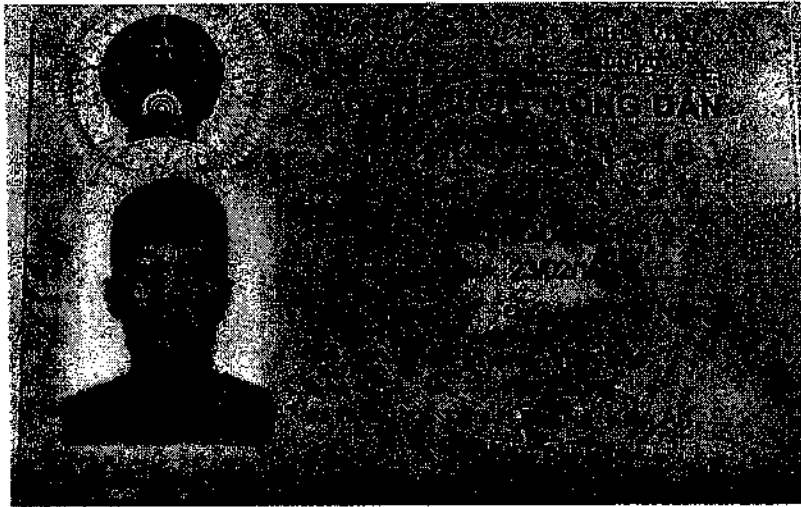
Bên A

Nguyễn Hữu Thuận

Bên B

Ngô Ngọc Tùng





Số: 06/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
 - Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
- Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Hoàng Văn Toàn - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 031096003940 Cấp ngày: 18/06/2014 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư
Số điện thoại: 0965.412.710
Địa chỉ: An Thắng, An Lão, Hải Phòng

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

024
 CÔNG
 CỐ P
 VÀ F
 CÔNG
 AN
 KIẾN

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

2459
IG T
PHÂN
PHÁT
NGH
LAN
A. V
901
TY
AN
HAT T
NGHỆ
ANG
TP

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.


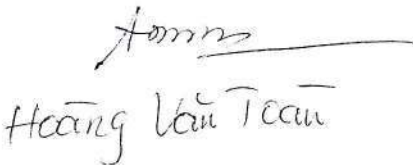
Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

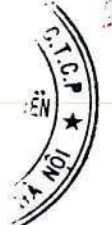
Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.



10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A	Bên B
	

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Chuẩn




 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CĂN QUỐC CÔNG DÂN
 SỐ 031026007940
 Họ và tên: **HOANG VAN TOAN**
 Ngày cấp: **08/07/1996**
 Cấp bởi: **Nhà máy Cảnh sát Việt Nam**
Cơ quan Cảnh sát An Lạc Hà Phòng
Nhà máy Cảnh sát An Lạc Hà Phòng
 Số hiệu: **03107/1996**


 Đặc điểm nhân dạng: Nội nước cách zcm trên sấu
 dưới lòng may phai
 Ngày cấp: **08/07/2016**
QUỐC TRƯỞNG CÔNG AN VIỆT NAM
QUAN LỆ HÀI CHINH

Vũ Xuân Dũng

Số: 154/2022/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông PHẠM ĐĂNG HOÀNG HUY - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 013680965 **Cấp ngày:** 08/02/2014 **Nơi cấp:** CA. Hà Nội
Số điện thoại: 0974765268 **Địa chỉ mail:** phamdanghoanghuy@gmail.com
Địa chỉ: TTXNX22, tổ 19, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
Số tài khoản: 03590506501 – Tienphong Bank

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22 tháng 12 năm 2022

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau.

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: $3\% \times$ Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp


Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

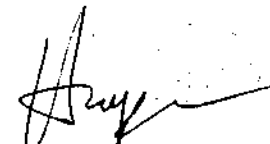
10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A

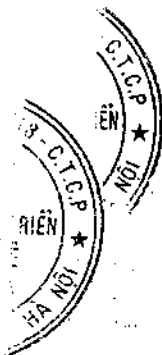


Nguyễn Hữu Thuận

Bên B



Phạm Đăng Hoàng Huy



Số: 153/2022/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;

• Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty

Mã số doanh nghiệp: 0102459018

Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Trần Quang Thịnh - Giảng viên cao cấp

Sinh ngày: 15/10/1988

Số CMND/CCCD: 186649888 Cấp ngày: 18/09/2017 Nơi cấp: C.A Nghệ An

Số điện thoại: 0967275012

Địa chỉ: Tân Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 1 năm 2023

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lương lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

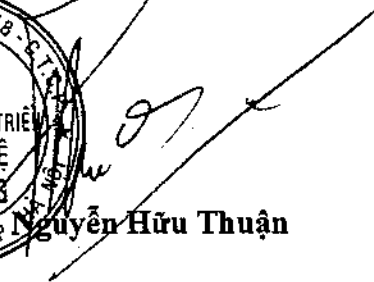
Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

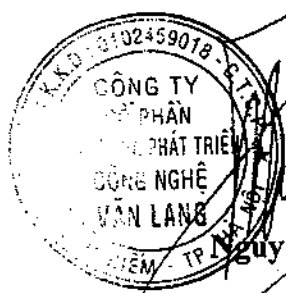
10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

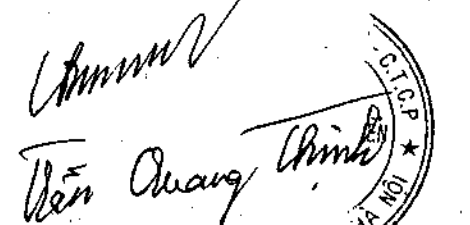
Bên A





NGUYỄN HỮU THUẬN



Bên B



TRẦN QUANG CHÍNH



Số: 04/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
 - Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
- Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Nguyễn Thành Trung - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 272349413 Cấp ngày: 17/07/2009 Nơi cấp: C.A. Đồng Nai
Số điện thoại: 0937228007 Email: thanhtrung.dndu@gmail.com Ngày tháng năm 2023
Địa chỉ: 337, KP11, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
Số tài khoản 8168307 - Ngân hàng ACB

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên

Nguyễn Hữu Thuận

A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: $3\% \times$ Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên...
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng



6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lương lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận

Bên B

Nguyễn Thanh Trung



Số: 03/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông Phạm Đồng Gia Kiệt - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 272504418 Cấp ngày: 07/09/2013 Nơi cấp: C.A Đồng Nai
Số điện thoại: 0942241907 Email: phamdonggiakiem@gmail.com
Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Trảng Bom, Trảng Bom, Đồng Nai
Số tài khoản: Ngân hàng VPBank Hồ Chí Minh

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận



Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.

- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

010245
CÔNG
CỔ PH
TƯ VÀ PH
CÔNG N
VĂN L
KIỂM

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lượng lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

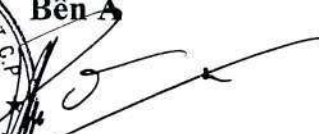

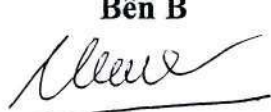

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

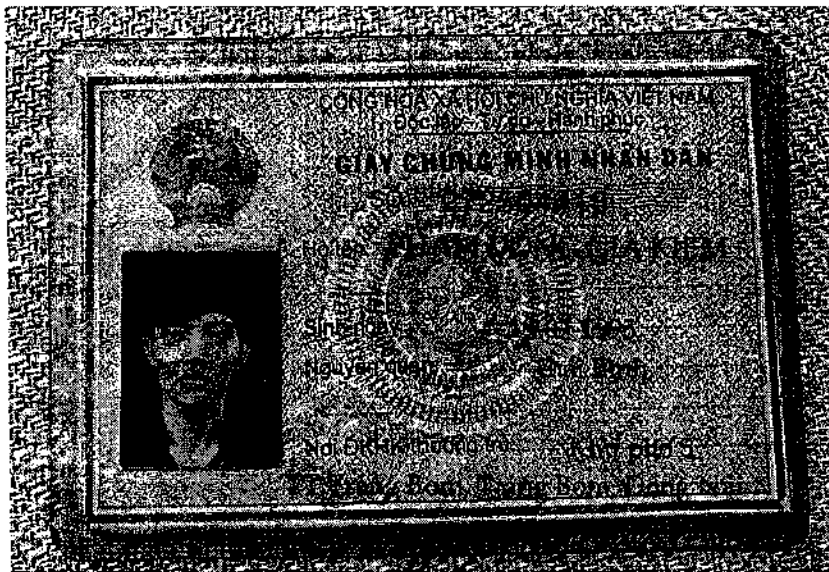
10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

<p>Bên A</p>  <p>GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Hữu Thuận</i></p>  <p>SĐ.K.K.D. : 0102459018 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG D. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI</p>	<p>Bên B</p>  <p><i>Phạm Đông Gia Kiên</i></p>  <p>C.T.C.P HỘI HÀ NỘI</p>
---	--



018 - C.T.C.P
TY
ÂN
T TRIỂN
GHỆ
NG
TP. HÀ NỘI



Số: 09/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông VY HOÀNG ANH - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 082153179 Cấp ngày: 10/07/2019 Nơi cấp: CA.Lạng Sơn
Số điện thoại: 0812.367.222 Địa chỉ mail: hoanganhv109@gmail.com
Địa chỉ: P.Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Số tài khoản: 03590506501 – Tienphong Bank

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 tháng 01 năm 2023

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng


GIAM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.



- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

5901
TY
HÂN
HÁT T
NGHỆ
LANG
02
.ÔN
CỐ F
Ư VÀ
ÔNG
VĂN
KIẾ

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lương lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:



8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.



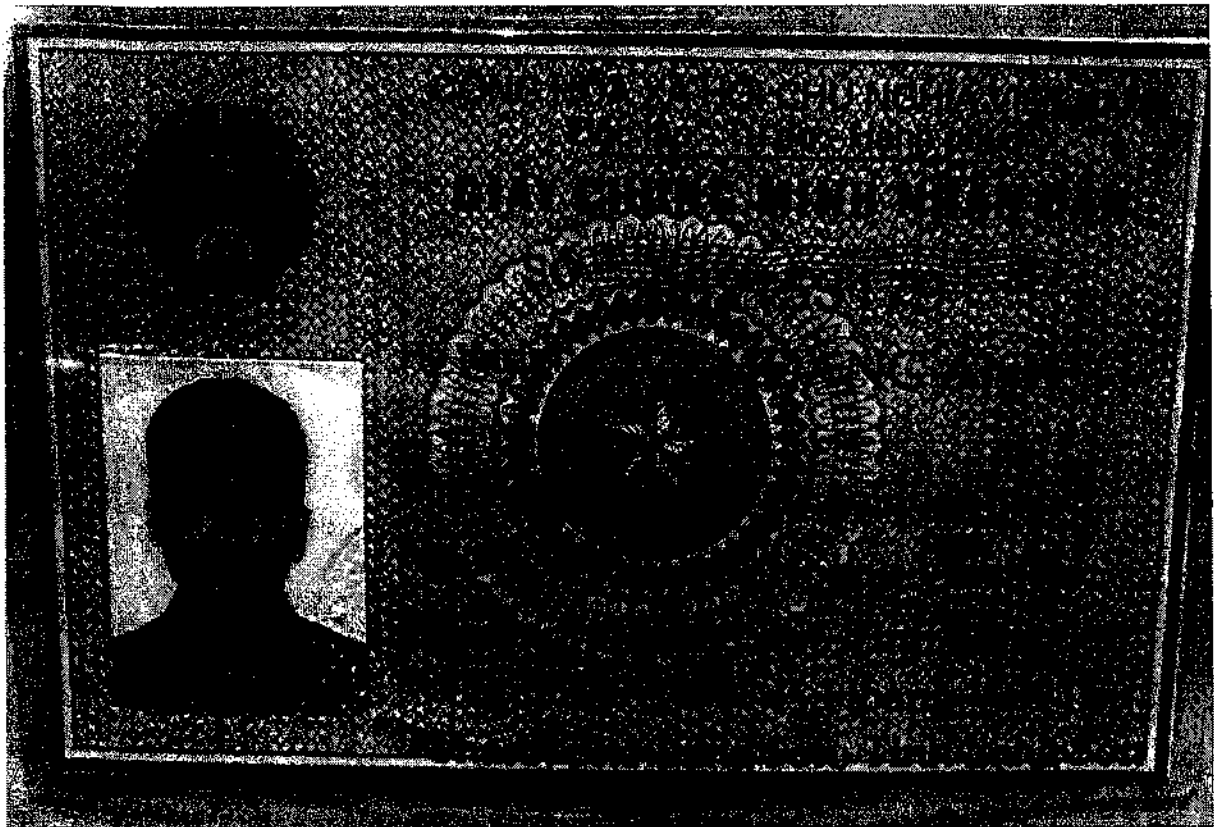
Bên A

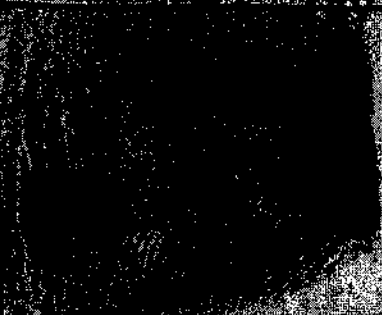
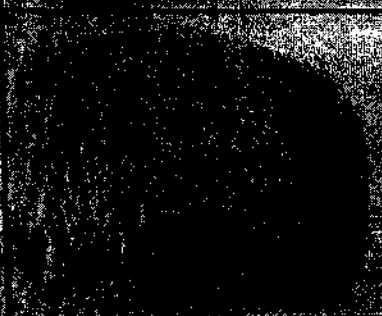

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Bên B

Uy Hoàng Anh





Danh tộc:		Tôn giáo:	
		Không	
		DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH	
		Nốt mới cách 5cm sâu cạnh	
		mũi phải	
		Ngày	
		tháng 07 năm 2019	
		QUỐC PHÒNG VIỆT NAM LANG SON	
			

Số: 10/2023/HĐ-VLA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA GIẢNG DẠY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
 - Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2014;
 - Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
 - Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,
- Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, hai bên chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Đại diện bởi: Ông Nguyễn Hữu Thuận Chức vụ: Giám đốc công ty
Mã số doanh nghiệp: 0102459018
Địa chỉ ĐKKD: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Phòng 1204, tầng 12, tòa 17T5, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bên B: Ông TRẦN VĂN DƯƠNG - Giảng viên cao cấp

Số CMND/CCCD: 163192014 **Cấp ngày:** 17/08/2009 **Nơi cấp:** CA.Nam Định
Số điện thoại: 0347.063.935
Địa chỉ: 40/130 Trần Thái Tông, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

SẤY LẤY
Ngày 27 tháng 7 năm 2023



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thuận

Trong khuôn khổ các trương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo tại chỗ của bên A nhằm thực hiện mục tiêu phát triển, hỗ trợ phát triển năng lực cho các học viên và khách hàng, bên A tổ chức các khóa học đào tạo và có nhu cầu thuê bên B về trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho các khóa học do bên A tổ chức.

Bên B xét thấy đáp ứng được các điều kiện giảng dạy của bên A nên thỏa thuận đồng ý cùng nhau ký kết hợp đồng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng

Thu nhập của giảng viên được tính: 3% x Doanh số khóa học.

Tỷ lệ này có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thực tế của nhu cầu thị trường, số lượng học viên đăng ký, số lớp được mở và sẽ được bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm một lần sau khi khóa học kết thúc. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm những chứng từ sau:

- Tất cả các báo cáo được quy định như báo cáo Tổng quan, Nhận xét, đánh giá, xếp loại từng học viên....
- Bảng chấm công (time sheet) và nội dung công việc từng buổi học.
- Bảng nhận xét, đánh giá của các học viên khóa học về chất lượng khóa học.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên

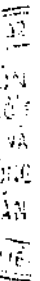
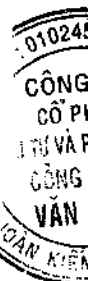
4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- *Quyền của bên A*

- Yêu cầu Bên B hoàn thành đúng công việc được giao trong đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giám sát Bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- *Trách nhiệm của bên A*

- Chuẩn bị các khâu tổ chức liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo trực tuyến, hội trường, khách mời, tài liệu,...
- Phối hợp thường xuyên với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Cung cấp cho bên B thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết khác để thực hiện việc giảng dạy;
- Thanh toán cho bên B đầy đủ, kịp thời sau khi khóa đào tạo kết thúc và bên B hoàn tất mọi báo cáo liên quan đến khóa đào tạo.



- Trích tiền lương của bên B để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B (bên A sẽ khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên để nộp cho Cơ quan thuế);
- Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- *Quyền của bên B*

- Yêu cầu bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn mức lương theo thỏa thuận;
- Yêu cầu bên A trích tiền lương để đóng thuế thu nhập cá nhân cho bên B;
- Được cung cấp tư liệu, thông tin và các thiết bị cần thiết trong khả năng hiện có của bên A để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- *Trách nhiệm của bên B*

- Cung cấp chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo đúng yêu cầu cho bên A và thực hiện bài giảng theo từng khóa học;
- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của bên A, báo cáo thường xuyên công việc với bên A;
- Tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nếu do lỗi trực tiếp của bên B;
- Phối hợp thường xuyên với bên A để tổ chức thành công khóa học;
- Hỗ trợ học viên nếu có yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy môn học trước bên A và pháp luật;
- Không được giao cho người khác giảng dạy thay mình nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin (nếu có);
- Hoàn tất báo cáo kết quả đào tạo và gửi cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành khóa đào tạo.

Điều 5: Bảo mật thông tin

Hai bên không được tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này, các phụ lục kèm theo hợp đồng và liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng này, trừ trường hợp được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi hợp đồng này chấm dứt hoặc xảy ra tranh chấp, điều khoản này vẫn sẽ còn hiệu lực pháp lý.

Điều 6: Bất khả kháng

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu chứng minh được sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi vi phạm hợp đồng và toàn bộ thiệt hại xảy ra (nếu có thiệt hại).

6.2. Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia trong vòng tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi sự kiện bất khả kháng tác động lên việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

7.1. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng

Các Bên thỏa thuận các trường hợp chấm dứt Hợp đồng như sau;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm của mình và không có thỏa thuận khác;
- Theo thỏa thuận của các bên.

7.2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

- *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:*

- Bên B chậm thực hiện công việc cho bên A sau 03 ngày (không có thông báo trước) thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải chịu một khoản tiền bồi thường thiệt hại bằng toàn bộ chi phí liên quan đến lớp học mà bên A đã bỏ ra để bên B giảng dạy;
- Bên B giảng dạy không đạt chất lượng theo yêu cầu của bên A;
- Bên B nghỉ ốm quá 5 ngày mà không có phương án dạy bù;
- Bên B tự ý mời người khác dạy thay mà không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B tự ý đưa một số lương lớn học viên vào học mà không có sự đồng ý của bên A.

- *Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:*

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền công cho bên B;
- Bên A không có thiện chí phối hợp với bên B để tổ chức thành công khóa học;
- Bên A gây khó khăn cho bên B trong quá trình giảng dạy;

Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại trước trong vòng 03 ngày.

Điều 8: Phạt vi phạm

Các Bên thỏa thuận hình thức xử lý vi phạm Hợp đồng như sau:

8.1. Trường hợp một bên vi phạm bất kì điều khoản nào được quy định trong hợp đồng thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt theo thỏa thuận nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm;

8.2. Hai bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện nghĩa vụ của mình trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trường hợp bất khả kháng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc bồi hoàn chi phí mà phía bên kia được hưởng trước khi xảy ra trường hợp nêu trên.


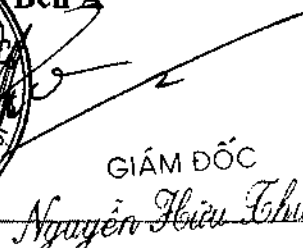

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

Các bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trước bằng phương thức thương lượng đàm phán. Trường hợp một bên hoặc các bên không thể tự thương lượng được sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

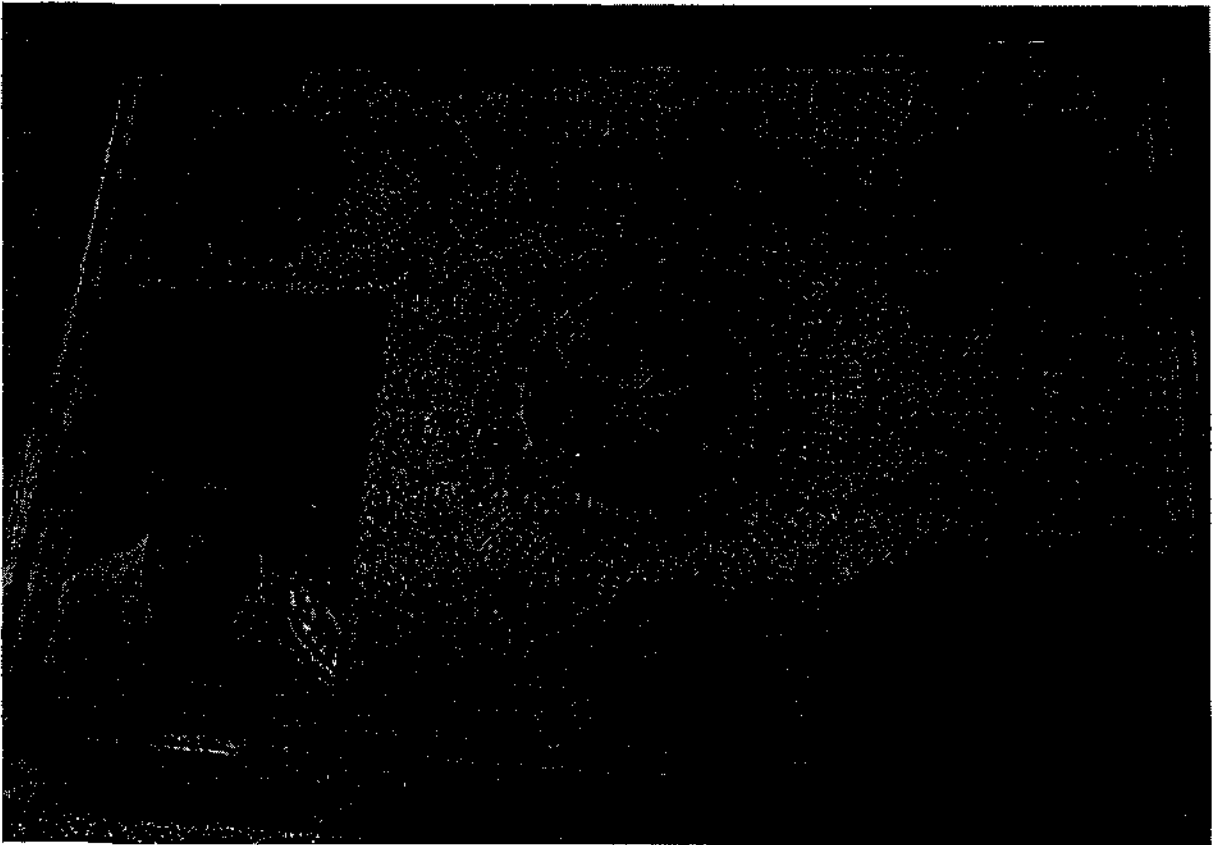
Điều 10: Điều khoản khác

10.1. Các sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) đều phải được ghi nhận bằng văn bản và được cả hai bên bên nhất trí thông qua.

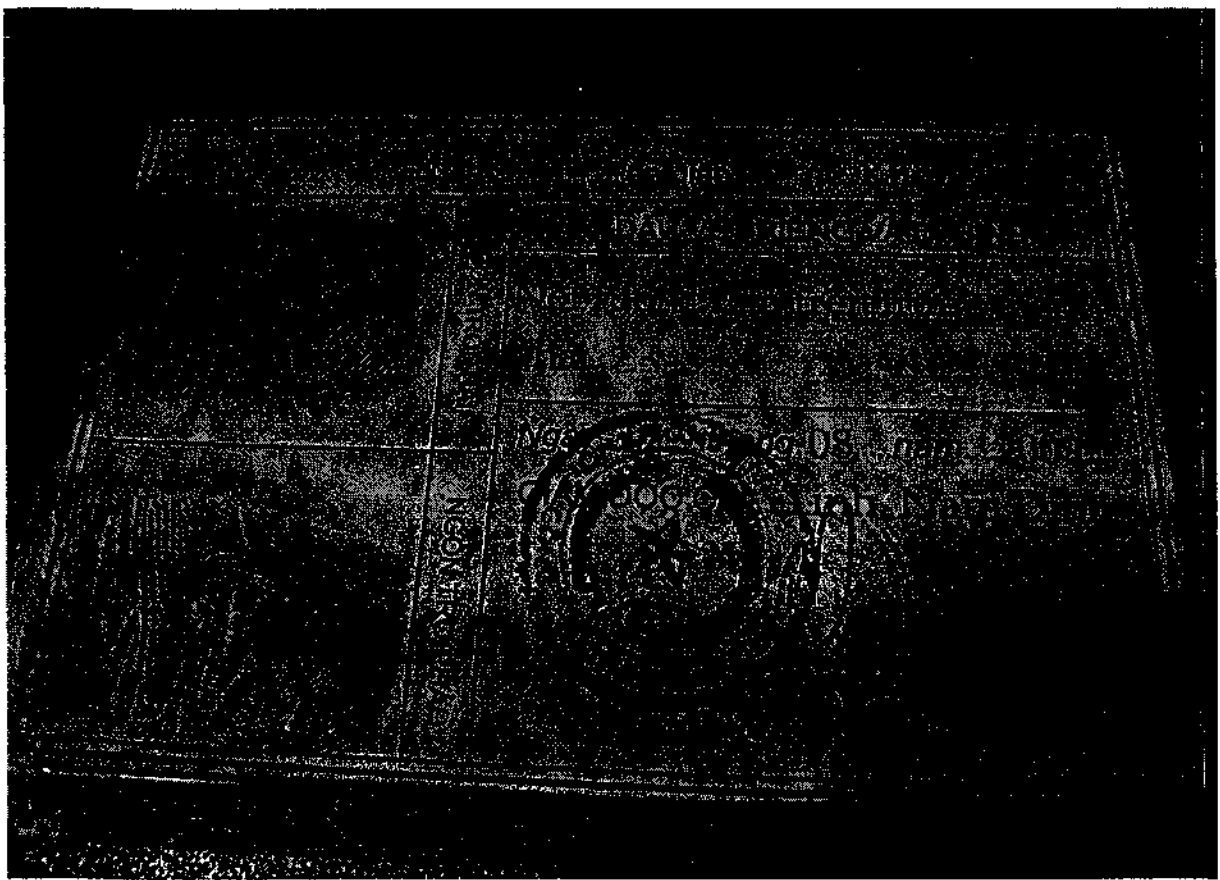
10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, được làm thành 03 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản.

Bên A	Bên B
  GIÁM ĐỐC Nguyễn Hữu Thuận	

1631 9 2014



1631 9 2014



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 06 năm 2022

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP CHI NHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG I

SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CHI NHÁNH VĂN LANG

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

Trải qua mười lăm năm thành lập và phát triển công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang đã vượt qua những khó khăn, thử thách trong giai đoạn nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam đang gặp những khó khăn vừa qua. Với mong muốn phát triển và gia tăng sự hiện diện của các dịch vụ, sản phẩm. Công ty không ngừng nỗ lực mở rộng quy mô, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với mục đích sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của các Quý Cổ đông.

Cùng với nhu cầu phát triển chung của thế giới và của Việt Nam, nhu cầu về hoàn thiện kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng nâng cao kiến thức cho bản thân để có cơ hội việc làm tốt hơn và có thu nhập ổn định, tính độc lập trong công việc cao.... Những người dân đang trong độ tuổi lao động nói chung và giới trẻ thời 4.0 ngày càng mong muốn được có cơ hội học hỏi kinh nghiệm thực tế trong mọi lĩnh vực dưới các hình thức khác nhau.

Từ những nhu cầu thực tế của xã hội. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã nghiên cứu thị trường, nghiên cứu môi trường và các điều kiện khác và xét thấy việc mở rộng và phát triển trong lĩnh vực đào tạo các kỹ năng làm việc với các mục tiêu như sau:

1, Đào tạo thường xuyên theo yêu cầu của người học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành của một chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hành của một nghề hoặc một số công việc của nghề, do học viên lựa chọn nội dung học, thời gian, địa điểm học và giáo viên, người dạy nghề trực tiếp giảng dạy.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Thuận



2, *Bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp* nhằm trang bị, tăng thêm năng lực thực hiện nghề; bổ sung kiến thức mới, hoàn chỉnh các tiêu chuẩn nghề nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động,

3, *Đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề* nhằm trang bị, truyền lại kiến thức, kỹ năng nghề cho học viên thông qua việc những người có kinh nghiệm trực tiếp truyền lại các kiến thức, kỹ năng cho học viên trong quá trình cùng làm việc.

4, *Đào tạo theo hình thức tập nghề* nhằm hướng dẫn học viên thực hành nhiều lần các thao tác, kỹ năng nghề và tập làm nghề trong một thời gian nhất định để đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động hoặc tự tạo việc làm.

5, *Bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp* cho người lao động nhằm trang bị, tăng thêm kiến thức, năng lực thực hiện nghề, bổ sung kiến thức mới, hoàn chỉnh kỹ năng nghề theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, công việc.

6, *Chương trình chuyển giao công nghệ* nhằm trang bị cho học viên các kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới,

7, *Chương trình đào tạo khác có thời gian đào tạo dưới 03 tháng* (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo dưới 03 tháng) nhằm trang bị cho học viên năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề hoặc năng lực thực hành theo yêu cầu của vị trí làm việc.

Trong năm 2021 và đầu năm 2022 Công ty đã bắt đầu thực hiện mở các lớp đào tạo kỹ năng như: Khóa học Marketing Online; Lớp Business Master Bootcamp; Lớp Chứng khoán nhân quả; Khóa đầu tư 2022 (CKB); Khóa Siêu sao môi giới Bất động sản 202; Chiến lược đầu tư Bất Động Sản

Kết quả rất nhiều học viên tham dự. Qua kết quả khảo sát cho thấy nhiều học viên đã vận dụng được các kỹ năng vào thực tế, thu được nhiều kết quả.

Trong thời gian thực hiện đào tạo tại Hà Nội, công ty xét thấy nhu cầu các tỉnh, thành phố khác cũng rất cao đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh.

Do vậy Việc thành lập chi nhánh trực thuộc CTCP Đầu tư và Phát triển công nghệ tại Thành phố Hồ Chí Minh chắc chắn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn

Lang sẽ đạt được những hiệu quả tích cực trong công tác giáo dục và đào tạo tại phía Nam, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho công ty thông qua việc khai thác tối đa nguồn vốn góp của các Quý cổ đông. Những nội dung được trình bày dưới đây sẽ cho thấy tính khả thi của Đề án này.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỀ ÁN

Chủ trương xây dựng đề án thành lập Chi nhánh là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, được thành lập theo quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15/11/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18/03/2022,

1. Một vài thông tin chính về đề án

a) Tên công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang

b) Tên viết tắt bằng tiếng anh: Van Lang Technology Development & Investment JSC

c) Tên viết tắt: VLA

d) Giấy CNĐKKD: Số 0102459018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/03/2022

e) Trụ sở chính: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

f) Website: www.vla.vn

g) Vốn điều lệ: 19,979,980,000 VNĐ (Mười chín tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) (Tính tới thời điểm lập đề án)

h) Mã số doanh nghiệp: 0102459018

i) Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Xuất bản phần mềm
- Kinh doanh bất động sản
- Giáo dục khác chưa phân vào đâu

j) Loại hình công ty: Công ty Cổ phần (công ty niêm yết)



2. Lịch sử thành lập

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang, được thành lập theo quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15/11/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 18/03/2022,

a) Cổ đông sáng lập

- Ông Nguyễn Thanh Tùng

Sinh ngày: 21/9/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 001077012546 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 17/10/2016

HKTT: B15, ngõ 191/46, đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội

- Ông Lê Thành Anh

Sinh ngày: 21/11/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 012968200 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/05/2007

HKTT: 58/156 phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

- Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh Tùng

Trụ sở: Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

b) Hệ thống văn bản quản trị, điều hành, nghiệp vụ

Ngay từ thời gian đầu hoạt động, VLA đã coi trọng và chuẩn bị một cách bài bản và chuyên nghiệp hệ thống văn bản quản trị, điều hành, Cùng với thời gian hoạt động, hệ thống văn bản ngày càng hoàn thiện chuẩn hoá, đảm bảo an toàn trong hoạt động công ty, cụ thể như sau:

- Điều lệ hoạt động
- Quy chế quản trị nội bộ của công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quy chế tài chính
- Thỏa ước lao động tập thể
- Quy chế tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận,
- Quy chế về kiểm tra và kiểm soát nội bộ;

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2 NĂM HOẠT ĐỘNG GẦN NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Các số liệu tài chính được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 của VLA (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP).

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	15.844.985.775	25.260.223.188	59%
2	Vốn điều lệ	10.800.000.000	10.800.000.000	0%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.808.696	7.035.083.217	20709%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	29.565.917	7.004.720.810	23592%
5	Chi phí thuế TNDN	12.136.824	1.336.899.507	10915%
6	Lợi nhuận sau thuế	17.429.093	5.667.821.303	32419%

Kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 5.667.821.303 đồng tăng 32419 % là do cuối năm 2021 dịch bệnh Covid tăng mạnh, nhà nước phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, nên nhu cầu học online rất cao. Nắm bắt được nhu cầu của người học Công ty đã mạnh dạn mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực đào tạo, bước đầu đã đạt được kết quả.

IV. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THÀNH LẬP CHI NHÁNH VLA

1. Sự cần thiết

Trong quá trình phát triển và hội nhập, thành phố Hồ Chí Minh luôn là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước, Với tốc độ tăng trưởng kinh tế

cao, về quy mô thành phố chỉ chiếm 0,6% diện tích và 8,3% dân số nhưng đã đóng góp 20,2% tổng sản phẩm quốc gia, 26,1% giá trị sản xuất công nghiệp và 44% dự án đầu tư nước ngoài,

Kết quả khảo sát từ các doanh nghiệp, được thực hiện bởi Trung tâm Dự báo nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP, HCM (FALMI) vừa qua, cho thấy, nhu cầu nhân lực lao động qua đào tạo chiếm 86,47% tổng nhu cầu nhân lực, Trong số đó, trình độ đại học trở lên chiếm 20,82%; cao đẳng chiếm 19,19%; trung cấp chiếm 27,58%; sơ cấp chiếm 18,88%, Nhu cầu tuyển dụng ở lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ khá thấp, chỉ chiếm 13,53% tổng nhu cầu nhân lực, Điều này cho thấy đã và đang có xu hướng gia tăng nguồn nhân lực chất lượng cao trong yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp (*nguồn dữ liệu: www.dubaonhanluchcmc.gov.vn*).

Nhận thức được nguồn năng lực dồi dào đi theo sẽ là nhu cầu về nâng cao năng lực bản thân, nâng cao kỹ năng nghề, kinh nghiệm quản lý và các kỹ năng khác, Công ty xét thấy thị trường về đào tạo tại Thành Phố Hồ Chí Minh đang rất lớn, nên mở rộng lĩnh vực đào tạo tại thành phố Hồ Chí Minh là đúng đắn, do vậy thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết,

2. Tính khả thi

2.1 Hiệu quả kinh tế

a) Doanh thu, chi phí và lợi nhuận dự kiến cho 1 năm tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội Dung	Chi nhánh HCM			Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
I	Doanh thu			24.000.000.000	
	Doanh thu đào tạo	10.000	2.450.000	24.000.000.000	
II	Chi phí			21.412.600.000	
1	Chi phí nhân công			2.342.400.000	
1.1	Lương	10	16.000.000	1.920.000.000	Bình quân
	<i>Giám đốc CN</i>	<i>1</i>			
	<i>Phó Giám đốc CN</i>	<i>1</i>			
	<i>NVKD</i>	<i>4</i>			
	<i>Kế toán</i>	<i>1</i>			
	<i>Thủ quỹ</i>	<i>1</i>			
	<i>Văn thư, tạp vụ</i>	<i>1</i>			
	<i>Bảo vệ</i>	<i>1</i>			
1.2	Chi phí BHXH	10	22%	422.400.000	%/DT

2	Chi phí thuê giảng viên	3%	24.360.000.000	720.000.000	%/DT
3	Chi phí vận chuyển			250.000.000	
	<i>Chi phí thuê xe</i>	1	250.000.000	250.000.000	
4	Chi phí thuê mặt bằng	12	35.000.000	420.000.000	
5	Công cụ, dụng cụ			239.600.000	
	<i>Bàn ghế làm việc</i>	9	1.400.000	12.600.000	
	<i>Máy tính để bàn tốc độ cao</i>	9	12.000.000	108.000.000	
	<i>Máy in HP in 2 mặt</i>	4	6.000.000	24.000.000	
	<i>Tivi 50 inch Sam sung</i>	1	15.000.000	15.000.000	
	<i>Điều hòa</i>	4	15.000.000	60.000.000	
	<i>Hạ tầng mạng</i>	1	20.000.000	20.000.000	
	<i>Tủ sắt 2 buồng</i>	4	1.500.000	6.000.000	
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1		17.440.600.000	
	Chi phí công tác	7	500.000	21.000.000	
	Văn phòng phẩm	9	400.000	21.600.000	
	Chi phí điện nước	12	3.000.000	36.000.000	
	Chi phí giao dịch tiếp khách	7	10.000.000	70.000.000	
	Chi phí quảng cáo	45%	24.360.000.000	10.800.000.000	%/DT
	Chi phí điện thoại	12	1.000.000	12.000.000	
	Chi phí hội nghị	17%	24.360.000.000	4.080.000.000	%/DT
	Chi phí vận hành	10%	24.360.000.000	2.400.000.000	%/DT
7	Lợi nhuận trước thuế			2.587.400.000	
8	Thuế TNDN	20%		517.480.000	
9	Lợi nhuận sau thuế			2.069.920.000	

b) Các chỉ số hiệu quả

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Tổng tài sản	25.000.000.000	30.000.000.000	36.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	20.000.000.000	25.000.000.000	31.000.000.000
3	Vốn chiếm dụng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

4	Doanh thu	24.000.000.000	25.200.000.000	26.460.000.000
5	Chi phí	21.412.600.000	22.600.350.000	23.859.199.500
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.587.400.000	2.599.650.000	2.600.800.500
7	Chi phí thuế TNDN 20%	517.480.000	519.930.000	520.160.100
8	Lợi nhuận sau thuế	2.069.920.000	2.079.720.000	2.080.640.400
9	Tỷ số LNThuần/DT (ROS)	11%	10%	10%
10	LN Thuần/Tổng TS (ROA)	10%	9%	7%
11	LN Thuần/Vốn chủ (ROE)	13%	10%	8%

2.2. Hiệu quả xã hội

a) Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh ra đời tạo thêm chất lượng nguồn nhân lực trên khắp cả nước; từ đó tạo ra một môi trường an toàn, lành mạnh, góp phần cải thiện đời sống của người lao động, Đây là những vấn đề đã và đang được Nhà nước ta quan tâm và khuyến khích mọi thành phần trong xã hội cùng chung sức giải quyết;

b) Hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh tạo ra những điều kiện phát triển mới cũng như tăng thêm hình ảnh, vị thế cho công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang.

Như vậy, với những hiệu quả kinh tế và xã hội nêu trên thì việc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh đi vào hoạt động là hướng đi đúng đắn, mang tính chiến lược của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang và phù hợp với đường lối lãnh đạo của Ban Quản trị trên cơ sở ý chí và nguyện vọng của các cổ đông.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP

Nhận thấy được những tiềm năng trong thị trường đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức nghề, các kỹ năng kinh doanh, cũng như nhu cầu của xã hội nói chung và các doanh nghiệp nói riêng hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang Xây dựng đề án

thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên các điều kiện về vốn và nhân lực hiện có tại công ty.

1. *Điều kiện về vốn*

Qua các số liệu về kết quả kinh doanh đã trình bày ở trên cùng với tốc độ tăng trưởng về vốn trong các năm vừa qua, việc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang không ngừng tăng quy mô và lĩnh vực hoạt động của mình, mở rộng sang lĩnh vực mới cùng với việc không ngừng nâng cao giá trị tổng tài sản và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 19,9 tỷ đồng, dự kiến tăng vốn từ 19,9 tỷ lên 40 tỷ, Đây là nền tảng cơ bản cho việc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang thành lập chi nhánh phù hợp với quy định của pháp luật,

2. *Điều kiện về nhân lực*

Với đội ngũ cán bộ nhân viên tính đến tháng 6/2022 là 20 người, với tỷ lệ đại học 100% và sau đại học 10%. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang có một nguồn lực có trình độ, có năng lực và có ý chí phấn đấu cao vì mục tiêu phát triển chung của công ty, Những kinh nghiệm thu được trong quá trình làm việc như kỹ năng thẩm định, kỹ năng phân tích tài chính, kiến thức pháp lý, quản trị doanh nghiệp chính là tiền đề cần thiết để xây dựng nguồn nhân lực cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

Đồng hành cùng đội ngũ nhân viên là các thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành là những người năng động, sáng tạo, chịu khó tìm tòi, học hỏi, Đồng thời cũng là những giảng viên, giáo viên đầy kinh nghiệm trực tiếp đứng lớp do Công ty tổ chức.

Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang cũng đã hợp tác lâu dài với rất nhiều cộng tác viên trong mọi ngành nghề, chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm thực tế, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho học viên.

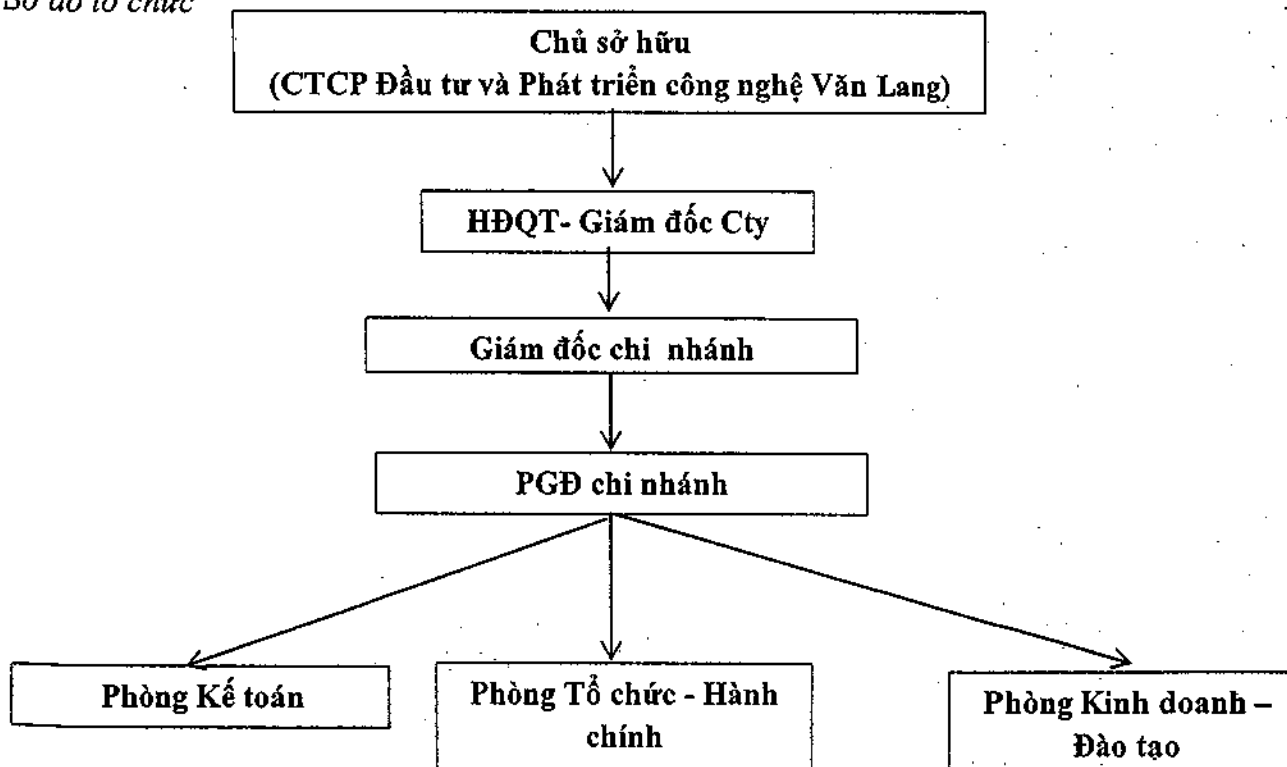
Bên cạnh đó, với chính sách ưu tiên phát triển nhân lực, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang liên tục cử những nhân viên có năng lực tham dự các khóa học chuyên sâu, tiếp cận những nghiệp vụ, kiến thức mới liên quan đến hoạt động giáo dục, marketing, pháp luật để phục vụ cho hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

II. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1, Mô hình tổ chức của chi nhánh

- + Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh
- + Chủ sở hữu là: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang
- + Đại diện chủ sở hữu tại chi nhánh là: Giám đốc chi nhánh
- + Bộ máy chi nhánh gồm có:
 - Ban Giám đốc: Giám đốc và Phó Giám đốc Chi nhánh;
 - Phòng Kế toán
 - Phòng tổ chức Hành chính
 - Phòng Kinh doanh – Đào tạo

2, Sơ đồ tổ chức



3, Quản trị, điều hành

- 3,1, Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán của chi nhánh
- Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh, Kế toán

- Giám đốc chi nhánh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và các chức danh khác của chi nhánh, trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Chi nhánh được Công ty phê duyệt.

3,2, Giám đốc chi nhánh và Bộ máy giúp việc

- Giám đốc chi nhánh là người chịu trách nhiệm trước công ty và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Chi nhánh.

- Giúp Giám đốc có Phó Giám đốc, Kế toán và bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phó Giám đốc chi nhánh là người giúp Giám đốc chi nhánh điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc chi nhánh và chịu trách nhiệm trước Giám đốc chi nhánh và pháp luật về nhiệm vụ được phân công,

- Kế toán giúp Giám đốc chi nhánh chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của chi nhánh,

- Bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc công ty quy định theo đề nghị của Giám đốc chi nhánh, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc trong công việc điều hành hoạt động của chi nhánh,

3,3, Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc chi nhánh

a. Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản được Công ty giao, Tận dụng mọi nguồn lực của Đơn vị một cách tối ưu,

- Xây dựng, điều hành và quản lý việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và chính sách kinh doanh của Công ty; bảo đảm hiệu quả Kinh doanh của Đơn vị,

- Nghiên cứu tiếp thị, xây dựng chiến lược tiếp thị, quảng cáo và khuyến mãi, phục vụ hoạt động kinh doanh trong phạm vi kinh doanh,

- Xây dựng, thực hiện và quản lý công tác bán hàng và công nợ theo từng loại khách hàng và cho từng cách phân phối khác nhau trong phạm vi kinh doanh,

- Tổ chức hoạt động kế toán theo quy định của công ty,

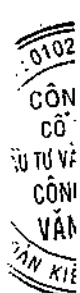
- Thực hiện các chương trình marketing theo kế hoạch của công ty, lập và thực hiện chương quảng cáo khuyến mãi trong phạm vi kinh doanh,

- Thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo nhân viên tại chi nhánh

- Theo dõi tình hình kinh doanh và tài chính tại chi nhánh, Báo cáo kịp thời về công ty,

- Quản lý toàn bộ nhân viên, thực hiện toàn quyền với nhân viên chi nhánh theo chính sách thủ tục nhân sự của công ty,

- Thực hiện theo mục tiêu kế hoạch doanh thu của Công ty giao chi nhánh, định kỳ hàng tháng báo cáo việc thực hiện về Công ty.



b. Quyền hạn:

- Về tổ chức nhân sự: Đề xuất với Giám đốc Công ty phương án kế hoạch nhân sự: sắp xếp – phân công; tuyển dụng – cho nghỉ việc; khen thưởng – kỷ luật; nâng lương – hạ lương ... theo quy định của Công ty,

- Được quyền tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc ... đối với nhân viên chi nhánh, Riêng đối với cấp quản lý, được quyền đề xuất với HĐQT, Giám đốc Công ty đối với việc đề bạt, bổ nhiệm nâng lương, kỷ luật, sa thải.

- Xem xét kiểm tra và có văn bản trình Giám đốc Công ty xin chủ trương để ký kết các Hợp đồng thương mại hay dịch vụ,

- Ký duyệt các khoản chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh theo kế hoạch đã được Giám đốc Công ty phê duyệt trên cơ sở bảo đảm hợp lý và hiệu quả kinh tế, đảm bảo các qui định của Công ty và của Nhà nước.

- Ký các văn bản liên quan đến chức năng nhiệm vụ như: Báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo Kế hoạch, xem xét Đơn đặt hàng, Bảng báo giá, Đề nghị mua bán,...

- Được quyền chủ động quyết định tình huống kinh doanh tức thời mang lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời chịu trách nhiệm về những quyết định trước Công ty và Nhà nước.

- Có quyền đề xuất các bộ phận liên quan hỗ trợ cũng như phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị mình một cách hiệu quả.

III. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

1. Tên gọi và loại hình

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Chi nhánh công ty cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tiếng Anh: Branch of Van Lang Technology Development & Investment JSC

- Loại hình: Chi nhánh trực thuộc

- Con dấu: Chi nhánh có con dấu riêng

- Thời hạn hoạt động: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh cho đến khi có quyết định giải thể của công ty,

- Phạm vi hoạt động: Chi nhánh hoạt động trong phạm vi ngành nghề của công ty

2. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

<i>STT</i>	<i>Tên ngành</i>	<i>Mã ngành</i>	<i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
1	<i>Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu</i> <i>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;</i>	1079	
2	<i>In ấn;</i> <i>Chi tiết: In;</i>	1811	
3	<i>Dịch vụ liên quan đến in;</i> <i>Chi tiết: Các dịch vụ liên quan đến in;</i>	1812	
4	<i>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;</i>	2023	
5	<i>Xây dựng nhà để ở;</i>	4101	
6	<i>Xây dựng nhà không để ở;</i>	4102	
7	<i>Xây dựng công trình cấp, thoát nước;</i>	4222	
8	<i>Xây dựng công trình công ích khác;</i>	4229	
9	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;</i>	4299	
10	<i>Phá dỡ;</i>	4311	
11	<i>Chuẩn bị mặt bằng;</i>	4312	
12	<i>Lắp đặt hệ thống điện;</i>	4321	
13	<i>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;</i>	4322	
14	<i>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;</i>	4329	
15	<i>Hoàn thiện công trình xây dựng;</i>	4330	

16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;	4390	
17	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Chi tiết: Đại lý cung cấp phần mềm;	4610	
18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632	
19	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh,	4649	
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Chi tiết: Bán buôn máy tính;	4651	
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;	4659	
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn bán thảo;	4669	
21	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Kinh doanh siêu thị (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);	4719	
22	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761	
23	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
25	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
26	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
27	Xuất bản phần mềm;	5820	

	<i>Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;</i>		
28	<i>Lập trình máy vi tính; Chi tiết: Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;</i>	6201	
29	<i>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Chi tiết: Dịch vụ bảo trì hệ thống phần mềm</i>	6209	
30	<i>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Tư vấn cung cấp, giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ những thông tin nhà nước cấm)</i>	6399	
31	<i>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn Pháp luật, Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Thuế và Chứng khoán); Đầu tư chứng khoán,</i>	6619	
32	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;</i>	6810	
33	<i>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất</i>	6820	
34	<i>Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Quản trị doanh nghiệp;</i>	7020	
35	<i>Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)</i>	7310	
36	<i>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;</i>	7320	
37	<i>Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;</i>	7410	

38	<p><i>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;</i> - <i>Tổ chức hoạt động: sáng tác, phóng tác, chuyển thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;</i> 	7490	
39	<i>Cho thuê xe có động cơ;</i>	7710	
40	<p><i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;</i></p> <p><i>Chi tiết: Tổ chức hội trợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;</i></p>	8230	
41	<p><i>Đào tạo trung cấp;</i></p> <p><i>Chi tiết: Đào tạo hướng nghiệp;</i></p>	8532	
42	<i>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;</i>	8560	
43	<p><i>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ; đào tạo kỹ năng tư duy, kỹ năng marketing, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý tài chính, quản lý thời gian;</i> - <i>Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</i> - <i>Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</i> - <i>Giáo dục dự bị;</i> - <i>Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</i> - <i>Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</i> - <i>Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</i> - <i>Dạy đọc nhanh;</i> - <i>Đào tạo về sự sống;</i> - <i>Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</i> - <i>Dạy máy tính,</i> <p><i>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho</i></p>	8559	X

phép);

IV. VỐN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản

Vốn hoạt động của Chi nhánh được sử dụng theo nguyên tắc hạch toán độc lập, đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn và các mục đích vào các hoạt động kinh doanh đào tạo như: Nhân công, thuê mặt bằng, mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ, quảng cáo, chi phí tổ chức lớp học...

2. Quản lý doanh thu, chi phí đối với Chi nhánh

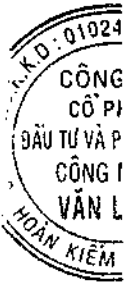
2.1. Doanh thu của chi nhánh được xác định là số chi nhánh thực thu được trong kỳ từ những khoản thu sau đây:

- Thu về đào tạo
- Thu khác

2.2. Chi phí của chi nhánh

Được xác định là các chi phí chi nhánh thực chi trong kỳ, gồm:

- Chi thuê mặt bằng
- Chi công, cụ dụng cụ lao động;
- Chi phí vận chuyển đi lại
- Chi điện nước, văn phòng phẩm
- Chi thuê Giảng viên, cộng tác viên
- Chi cho nhân viên, gồm:
 - + Chi lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương;
 - + Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;
 - + Chi phí tiền ăn giữa ca cho người lao động của Công ty;
 - + Chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động;
 - + Chi phí cho lao động nữ;



0245

ÔNG
Ồ PH
VÀ PH
NG N
N LA
EM

- + Chi trang bị bảo hộ lao động và chi trang phục giao dịch cho người lao động;
- Chi nộp thuế theo chế độ (nếu có);
- Chi phí quảng cáo;
- Chi khác, gồm: các khoản chi hợp lý khác theo chế độ Nhà nước quy định nhưng chưa nằm trong các khoản chi nêu trên;

3. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

4. Chế độ kế toán, kiểm tra, kiểm toán, báo cáo và công khai tài chính

- Năm tài chính:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê theo quy định

- Chi nhánh tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo của mình,

- Chi nhánh công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là đơn vị trực thuộc Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang về tổ chức và nhân sự, về nội dung và phạm vi hoạt động; chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của Công ty và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

I. Chiến lược hoạt động và kinh doanh giai đoạn từ năm 2022 – đến 2025

Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2022 – 2025 sẽ tập trung chính vào 4 mục tiêu cơ bản:

- *Tổ chức các lớp học với lượng học viên tham gia tại chi nhánh từ 10 nghìn người đến 15 nghìn người/năm*
- *Tăng cường các chuyên đề đào tạo phong phú, thiết thực và hiệu quả,*
- *Tăng trưởng doanh thu mỗi năm từ 10%-15% so với năm trước, Lợi nhuận tăng trưởng từ 5% - 10% so với năm trước,*

- Nâng cao thu nhập cán bộ nhân viên với mức thu nhập bình quân từ 20 triệu – 25 triệu đồng /tháng,

II. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn năm 2023 đến năm 2025

Kế hoạch hoạt động kinh doanh dự kiến 2023 - 2025 của chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh như sau

1. Doanh thu, chi phí hoạt động, lợi nhuận

Đơn vị tính: đồng

Diễn Giải	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3	Tổng cộng
Doanh thu	24.000.000.000	25.200.000.000	26.460.000.000	75.660.000.000
Chi phí hoạt động	21.412.600.000	22.600.350.000	23.859.199.500	67.872.149.500
Chi phí nhân công	2.342.400.000	2.576.640.000	2.834.304.000	7.753.344.000
Chi phí thuê giảng viên	720.000.000	756.000.000	793.800.000	2.269.800.000
Chi phí vận chuyển	250.000.000	262.500.000	275.625.000	788.125.000
Chi phí thuê mặt bằng	420.000.000	441.000.000	463.050.000	1.324.050.000
Công cụ, dụng cụ	239.600.000	251.580.000	264.159.000	755.339.000
Chi phí quảng cáo và dịch vụ mua ngoài khác	17.440.600.000	18.312.630.000	19.228.261.500	54.981.491.500
Lợi nhuận trước thuế	2.587.400.000	2.599.650.000	2.600.800.500	7.787.850.500
Thuế thu nhập (20%)	517.480.000	519.930.000	520.160.100	1.557.570.100
Lợi nhuận sau thuế	2.069.920.000	2.079.720.000	2.080.640.400	6.230.280.400



2. Quỹ lương

Chức danh	Số người	Lương BQ/tháng	Lương hàng năm	BHXH/ BHYT	Tổng
Giám đốc chi nhánh	1	25.000.000	300.000.000	66.000.000	366.000.000
Phó Giám đốc chi nhánh	1	20.000.000	240.000.000	52.800.000	292.800.000
Kế toán	1	17.000.000	204.000.000	44.880.000	248.880.000
Nhân viên kinh doanh	4	16.000.000	768.000.000	168.960.000	936.960.000
Văn thư – Tạp vụ	1	12.000.000	144.000.000	31.680.000	175.680.000
Thủ quỹ	1	12.000.000	144.000.000	31.680.000	175.680.000
Bảo vệ	1	10.000.000	120.000.000	26.400.000	146.400.000
Tổng cộng	10		1.920.000.000	422.400.000	2.342.400.000

3. Các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh

Các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh của chi nhánh trên các mặt được nhận định như sau:

1. Về tài chính

Rủi ro về tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi qui trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro

2. Về thị trường

Hoạt động kinh doanh của Chi nhánh sẽ chủ yếu chịu rủi ro cạnh tranh, chính sách của nhà nước, Đối với rủi ro cạnh tranh công ty xác định rõ phân khúc đào tạo chủ đạo, hạn chế cạnh tranh của các đối thủ cùng ngành nghề.

Khi có sự thay đổi về chính sách của Nhà nước, công ty sẵn sàng tuân thủ và thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp,

3. Về tổ chức nhân sự

Rủi ro sẽ gặp phải do thiếu các vị trí chuyên gia giỏi về trình độ và kỹ năng giảng dạy. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang sẽ thực hiện nguyên tắc tổ chức bộ máy tinh gọn với hệ thống chuyên gia chủ chốt tại trụ sở, có chính sách thu hút, khuyến khích, trả thù lao cho các chuyên gia giỏi. Đồng thời, duy trì hệ thống cộng tác viên và các hợp đồng cung cấp dịch vụ với các tổ chức chuyên nghiệp để đáp ứng nhu cầu nghiệp vụ trong từng thời điểm.

CHƯƠNG IV

KẾT LUẬN

Mục tiêu phân đầu của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ Văn Lang (VLA) đến năm 2025 là trở thành một trong những Công ty đạt mức doanh thu 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, hoạt động đa năng dựa trên công nghệ và kết hợp với điều kiện thị trường mở cửa, thực hiện tốt định hướng đã đề ra,

Việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại Thành phố Hồ Chí Minh là một bước đi cần thiết trước mắt và lâu dài, nhằm đạt được mục đích quan trọng là: mở rộng thị trường đào tạo, đào tạo cho xã hội nguồn nhân lực dồi dào và đáp ứng được nhu cầu phát triển bản thân của người lao động, góp phần cho xã hội phát triển và ổn định. Đồng thời tăng thêm doanh thu, lợi nhuận cho Công ty VLA, giúp Công ty tăng trưởng nhanh và bền vững.

Công ty CPĐT và Phát triển Công nghệ
Văn Lang
Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

